

Bí ẩn

NHIỀU TÁC GIẢ

mãi mãi là bí ẩn

In lần thứ 31



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Bí ẩn
mãi mãi là bí ẩn

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN DO THƯ VIỆN KHTH TP.HCM THỰC HIỆN
General Sciences Library Cataloging-in-Publication Data

Bí ẩn mãi mãi là bí ẩn. T.3 / Nhiều tác giả. - In lần thứ 31. - T.P. Hồ Chí Minh:
Trẻ, 2018.

176 tr. ; 19cm.

1. Điều bí ẩn. 2. Hiện tượng bí ẩn.

001.94 -- dc 22
B576

Bí ẩn mãi mãi là bí ẩn 3



NHIỀU TÁC GIẢ sưu tầm và biên soạn

Bí ẩn

mãi mãi là bí ẩn

3

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Con bê có hai khuôn mặt

Một “nhân vật” mới xuất hiện tại trang trại của Kirk Heldreth ở Virginia, Mỹ, thu hút sự chú ý của những người tò mò. Đó là một chú bê có cái đầu to bất thường, bao gồm hai mũi, hai lưỡi và một hốc mắt, ra đời vào ngày 27/12/2006.

Con vật hoàn toàn bình thường từ đuôi cho đến cổ. Nó có cái đầu to kì lạ, thờ bằng hai mũi, có hai lưỡi hoạt động hoàn toàn độc lập. Nhưng con vật chỉ có một hốc mắt chứa hai con mắt và đầu thì bị chẻ đôi.



*Con vật được chụp
ngày 2/1/2007
tại trang trại sữa
Heldreth.
Ảnh: AP*

“Đó là sinh vật kinh dị nhất mà tôi từng biết”, chủ trang trại Kirk Heldreth nói. Khi đỡ đẻ cho con vật, Heldreth ban đầu tưởng rằng ông sẽ có hai con bê.

Con vật có hai hàm dưới nhưng lại chỉ có một cái mồm. Heldreth cho nó ăn bằng một cái ống và nhận ra rằng không thể cho ăn kiểu như vậy lâu được. Con bê này là sản phẩm của thụ tinh nhân tạo nhằm tạo ra một giống mạnh mẽ hơn.

Bob James, giáo sư tại Virginia Tech và là thầy giáo cũ của Heldreth, cho rằng ca sinh nở này là vô cùng bất thường. “Trong suốt 25 năm, tôi chỉ mới chứng kiến được vài ba trường hợp, nhưng nó thực sự rất hiếm”. James cho rằng trường hợp dị thường này có thể bắt nguồn từ đột biến gene hoặc trục trặc trong quá trình sinh trưởng.

Theo các chuyên gia, tình trạng trên được gọi là *diprosopus*, xảy ra khi cặp song sinh bắt đầu hình thành nhưng lại không chia tách hoàn toàn. Trong hầu hết trường hợp, cặp đôi sẽ có chung bộ chi nhưng mặt thì lại nhân đôi.

Heldreth cho biết, con vật đến nay hoàn toàn khỏe mạnh và không có dấu hiệu bệnh tật gì.

Mưa máu bí ẩn tại Ấn Độ

Tháng 7/2001, một trận mưa đỏ như máu trút xuống một khu vực rộng lớn ở miền nam Ấn Độ. Trong hạt mưa, các nhà khoa học đã phát hiện những tế bào sống không có ADN. Nhiều người nghĩ đây là bằng chứng xác thực đầu tiên về sự hiện diện của sự sống ngoài trái đất.

Người dân địa phương tin trận mưa màu đỏ là điềm báo trước sự tận thế của trái đất, mặc dù đã có sự giải thích chính thức hiện tượng trên là ảnh hưởng của bụi sa mạc thổi đến từ Ả Rập.



Ảnh: ceticismoaberto.

Một nhà khoa học trong khu vực, tiến sĩ Godfrey Louis, nhà vật lý học tại Đại học Mahatma Gandhi, cho rằng có điều gì đó bất thường đã xảy ra. Vì các tế bào sinh học trong nước mưa không chứa ADN - thành phần chủ yếu của mọi dạng sống trên trái đất - nên Louis lập luận rằng có thể nó là các dạng sống ngoài hành tinh. Trước Louis vài thập niên, đã có hai nhà khoa học Anh đưa ra lý thuyết này.

Các tế bào trên có cấu trúc kỳ lạ, thành dày, màu đỏ giống như tế bào, có hình cầu hoặc ô-van, kích thước khoảng 4-10 micromet. Điều lạ lùng hơn, hàng chục thí nghiệm của Louis cho thấy rằng các phần tử thiếu ADN nhưng vẫn còn khả năng sinh sản dồi dào, thậm chí có thể tồn tại trong nước ở 300 độ C (giới hạn cao nhất cho sự sống trong nước được biết đến là khoảng 120 độ C).

Làm thế nào để giải thích hiện tượng này? Tiến sĩ Louis suy luận rằng các phần tử có thể là vi khuẩn ngoài trái đất thích ứng với những điều kiện khắc nghiệt trong không gian. Chúng bám vào sao chổi hay thiên thạch rồi sau đó vỡ ra trong khí quyển trên cao, hòa vào các đám mây gây mưa bên trên vùng trời Ấn Độ.

Nếu lý thuyết của Louis là đúng thì các tế bào này sẽ là bằng chứng đầu tiên về sự sống ngoài hành tinh và có thể là bằng chứng mới về nguồn gốc sự sống trên trái đất.

Năm 2005, Louis đã gửi vài mẫu thí nghiệm đến nhà thiên văn học Anh gốc Sri Lanka Chandra Wickramasinghe

và đồng nghiệp ở Đại học Cardiff thuộc xứ Wales, và họ hiện đang thử nghiệm tái tạo các mẫu vật.

Qua nghiên cứu, Wickramasinghe cho biết: “Chúng tôi có những bức ảnh tuyệt hay về những tế bào cắt lát ở giữa này. Chúng tôi nhìn thấy chúng sinh sôi, với tế bào nhỏ trong tế bào lớn”.

Lý thuyết của Louis đặc biệt hấp dẫn đối với Wickramasinghe. Cách đây gần nửa thế kỷ, giáo sư Wickramasinghe là đồng tác giả với Fred Hoyle về *Thuyết Panspermia*, với ý tưởng cho rằng sự sống trên trái đất có nguồn gốc từ hành tinh khác.

Giáo sư Wickramasinghe nói: “Nếu đúng là sự sống được sao chổi đưa vào trái đất cách đây 4 tỉ năm, thì có thể cho rằng thỉnh thoảng các vi sinh vật vẫn tiếp tục thâm nhập môi trường sống của chúng ta. Đây có lẽ là một trong những sự kiện như vậy”. Nhà vi sinh vật học Milton Wainwright của Đại học Sheffield, thành viên trong đội khoa học nghiên cứu các mẫu của Louis, giải thích rằng bước tiếp theo sẽ là xác định xem liệu có phải các tế bào này thiếu ADN hay không.

Wainwright giải thích: “Bởi vì sự sống, như chúng ta biết, phải chứa ADN, hoặc đó không là sự sống. Nhưng cho dù sinh vật này được chứng minh là bất thường, thì sự vắng mặt ADN cũng không có nghĩa là nó đến từ hành tinh khác”.

Louis và Wickramasinghe đang lên kế hoạch nghiên

cứu xa hơn để thử các tế bào bằng chất đồng vị carbon. Nếu kết quả cho thấy chúng nằm ngoài chuẩn mực sự sống trên trái đất thì đó sẽ là bằng chứng thuyết phục cho thuyết của Louis.

Giáo sư Wickramasinghe đã lên đường đến Ấn Độ để trực tiếp điều tra hiện tượng mưa màu đỏ. Ông gặp tiến sĩ Louis và cả hai cùng đến thăm những người chứng kiến trận mưa đỏ. Dù nhiều nhà khoa học hoài nghi *Thuyết Panspermia*, giáo sư Wickramasinghe vẫn tin tưởng vào lý thuyết của mình: "Nếu một lý thuyết là sai thì sớm muộn gì nó cũng mâu thuẫn với các quan sát. Nhưng mọi chuyện đã xảy ra từ năm 1977 - khi lần đầu chúng tôi đưa ra các ý tưởng này - và đang dần được xác định, chứ không có sự phản bác hay chứng minh ngược lại".

Nhưng, có không ít nhà khoa học còn phê phán mạnh mẽ giáo sư Wickramasinghe vì ông tuyên bố virus gây hội chứng SARS trầm trọng vào năm 2003 và virus gây nên đại dịch cúm năm 1918 (còn gọi là dịch cúm Tây Ban Nha, sau này biến thể thành các loại virus gây bệnh cúm gà ngày nay) đến từ không gian.

Đã trải qua ba thập niên, Giáo sư Wickramasinghe nhận được nhiều thư từ và các cuộc điện thoại mang tính đe dọa đối với các ý tưởng của ông, nhưng *Thuyết Panspermia* của giáo sư hiện đang ngày càng được chấp nhận hơn. Bằng chứng là ngày càng có nhiều đầu tư vào việc tìm kiếm sự sống ngoài không gian. Theo giáo sư

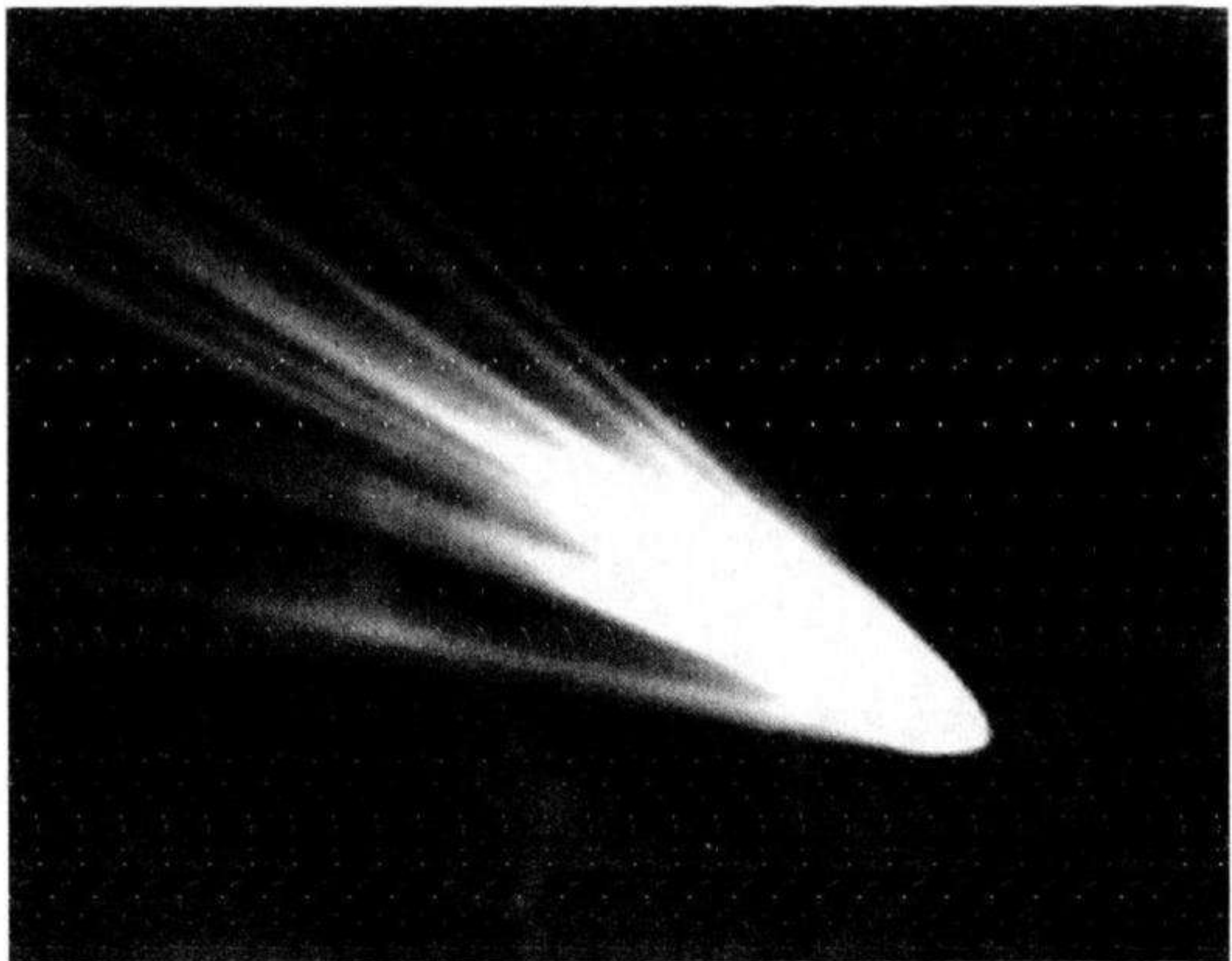
Wickramasinghe, sự hoài nghi và chỉ trích của giới khoa học chủ yếu là thái độ của thời kỳ tiền Copernic.

Nửa đầu thế kỷ 15, người ta nghĩ rằng trái đất là trung tâm của vũ trụ. Galileo và Copernic cùng với những người khác lúc đó đã bác bỏ quan điểm này, song phải trải qua một cuộc đấu tranh dài con người mới từ bỏ được quan điểm trái đất là trung tâm. Giáo sư Wickramasinghe nói: “Tôi nghĩ vũ trụ đầy rẫy sự sống có tri giác... và sớm muộn gì chúng ta cũng sẽ tiếp xúc được với trí thông minh ngoài hành tinh”.

Sao chổi - bí ẩn của vũ trụ

Sao chổi thường được gắn với một điềm xấu nào đó. Vào năm 1997, sự xuất hiện của sao chổi Hale-Bopp đã gây nên một vụ tự tử tập thể của một nhóm người cuồng tin, họ cho rằng đã đến ngày tận thế.

Chất cyanogen - ở phần đuôi của sao chổi Halley sau vụ va chạm giữa trái đất và đuôi của sao chổi này, cũng bị đồn thổi là có thể gây ngộ độc cho con người.



Ảnh: Chimetv.

Sao chổi là gì?

Sao chổi là một thiên thể bay ngoài không gian, nó gần như một tiểu hành tinh, nhưng thành phần cấu tạo không phải từ đất đá mà chủ yếu là từ băng. Sở dĩ chúng có tên là sao chổi vì thường có hình thù kỳ dị, đầu nhọn, đuôi to giống một chiếc chổi quét nhà. Các nhà khoa học đã mô tả nó giống như “một quả bóng tuyết bẩn” vì nó chứa khí carbonic, khí metan, nước đóng băng lẫn với bụi và các khoáng chất.

Một học thuyết khác đã bác bỏ thuyết gọi sao chổi là “sao” vì người ta cho rằng nó chỉ là một khối khí lạnh trong đó chứa đầy các mảnh vụn và bụi vũ trụ. Nó là “mẹ” của những vệt sao băng rực sáng trên bầu trời, vì khi bị vỡ ra, nó sẽ hình thành từng đám sao băng và bụi vũ trụ rơi vào khoảng không. Tùy thời điểm và vị trí bị vỡ của sao chổi, người ta có thể quan sát được những đám sao băng từ trái đất.

Các nhà nghiên cứu thiên văn chia sao chổi thành ba loại, ngắn hạn, dài hạn và sao chổi thoáng qua. Sao chổi ngắn hạn có chu kỳ quỹ đạo ít hơn 200 năm; sao chổi dài hạn có chu kỳ lớn hơn; còn sao chổi thoáng qua có quỹ đạo parabol hoặc hyperbol, chúng bay qua mặt trời một lần và sẽ ra đi mãi mãi.

Mỗi năm có hàng trăm sao chổi xuất hiện ngoài vũ trụ nhưng chỉ có những sao chổi lớn và có chu kỳ đặc biệt được chú ý, như sao chổi Halley nổi tiếng chẳng hạn. Nó

được phát hiện vào thế kỷ 18 và là sao chổi đầu tiên được phát hiện quay trở lại trái đất. Các nhà khoa học dự đoán nó sẽ quay trở lại trái đất trong thế kỷ 21, khoảng vào năm 2061.

Sao chổi bắt nguồn từ đâu?

Nghiên cứu của Cơ quan Hàng không châu Âu cho rằng, sao chổi bắt nguồn từ đám mây Oort (Oort cloud) bên ngoài Hệ Mặt trời và là ranh giới giữa Hệ Mặt trời với các hệ hành tinh khác. Sao chổi chứa đựng các vật chất của thời kỳ khai sinh Hệ Mặt trời, do vậy chúng trở thành đối tượng nghiên cứu của các nhà khoa học để trả lời câu hỏi về quá trình tiến hóa của Hệ Mặt trời cũng như các hệ hành tinh khác trong vũ trụ.

Đa phần các sao chổi có quỹ đạo elip rất dẹt, phân bố ngẫu nhiên ngoài không gian. Đuôi của sao chổi có được là do khi đi qua mặt trời (quỹ đạo hình elip của sao chổi có tâm là mặt trời), băng của sao chổi tan chảy tạo thành chiếc đuôi, nhưng cũng vì những chuyển ghé thăm rất gần mặt trời đó mà đuôi của sao chổi ngày càng ngắn đi do băng bị thất thoát.

Mỹ đã phóng tàu vũ trụ Deep Impact vào sao chổi Temple 1 để nghiên cứu nhân của nó. Các nhà khoa học ở Cơ quan Hàng không Vũ trụ Mỹ (NASA) hy vọng sẽ có được những thông tin về Hệ Mặt trời của chúng ta với cấu tạo hóa học đầu tiên của sự sống.

Không một hành tinh nào trong Hệ Mặt trời so sánh được với sao chổi về mặt thể tích. Nó gồm ba phần: lõi chổi, sợi chổi và đuôi chổi. Lõi chổi cấu tạo bằng những hạt thể rắn đậm đặc, ánh sáng tỏa xung quanh là các sợi chổi. Lõi kết hợp với sợi tạo thành đầu chổi, còn đuôi không phải có ngay từ lúc hình thành sao chổi mà có được khi nó đi ngang qua mặt trời. Những cơn gió mặt trời đã thổi bạt các phân tử của sao chổi và tạo thành chiếc đuôi rực sáng phía sau. Có chiếc đuôi của sao chổi kéo dài hàng triệu km.

Ngay từ thế kỷ 18, Isaac Newton đã cho rằng sao chổi là vật thể đang giúp ích cho sự tồn tại của trái đất, nó cung cấp độ ẩm cho trái đất - điều kiện để duy trì sự sống của muôn loài. Đến nay, các nhà khoa học vẫn đang tìm hiểu về hiện tượng vũ trụ hấp dẫn và đầy bí ẩn còn chưa được khám phá này.

Khoa học hiện đại và sao chổi

Hàng loạt các chuyến thám hiểm để tìm hiểu về thiên thể này đã được thực hiện. Các cơ quan nghiên cứu vũ trụ của Nga, Mỹ hay châu Âu đã vào cuộc, nhưng sao chổi vẫn là một bí mật với con người. Năm 2001, tàu Deep Space 1 của Mỹ đã bay qua tâm của sao chổi Borrelly để tìm hiểu về cấu trúc của nó, hay tàu Stardust đã được phóng vào sao chổi Wild 2 để thu thập các hạt bụi nhằm phục vụ nghiên cứu. Dự kiến năm 2014, tàu Rosseta sẽ

đưa hẳn một trạm nghiên cứu lên bề mặt sao chổi Churyumov-Gerasimenko.

Không phải lúc nào sao chổi cũng mang vẻ đẹp lung linh trên bầu trời mà còn tiềm ẩn những nguy cơ một khi nó bay gần quỹ đạo trái đất. Ở bất kỳ một hành tinh nào, sao chổi luôn bị lực hấp dẫn hút vào và những vụ va chạm giữa trái đất với các thiên thể ngoài vũ trụ là không thể tránh khỏi. Nó sẽ tạo nên các chấn động mạnh trên bề mặt trái đất, thậm chí tạo thành các trận động đất, lở tuyết hay các đợt sóng thần cao hàng trăm mét....

Theo các nhà khoa học, hằng ngày, trái đất phải hứng chịu hàng chục các mảnh thiên thạch nhỏ hay bụi từ vũ trụ, nhưng chỉ có những mảnh thiên thạch lớn như sao chổi mới nguy hiểm đối với trái đất của chúng ta. Tuy nhiên, các nhà khoa học luôn tính toán để trái đất tránh xa những vụ va chạm như vậy. Một tên lửa đẩy có mang đầu đạn hạt nhân sẽ phá vỡ hoặc làm chệch quỹ đạo bay của sao chổi.

Ông K.Harper, thuộc NASA cho biết, mặc dù có cấu tạo từ carbonic, metan, nước đóng băng, các hợp chất hữu cơ cao phân tử và các khoáng chất nhưng nguồn gốc của sao chổi lại nằm trong hạt nhân của nó. Hạt nhân sao chổi gồm những khoáng chất nặng hay chất hữu cơ cao phân tử, bao phủ là một bề mặt tối đen, có khả năng hấp thụ nhiệt rất mạnh, nhờ thế các khí bốc hơi và tạo thành đám bụi xung quanh, có khi lên đến cả trăm nghìn km, tạo

thành một vết kéo dài. Nhờ ánh sáng mặt trời mà khi ta nhìn từ trái đất sẽ thấy nó là một vết sáng giống hình cái chổi. Một điều gây ngạc nhiên nữa cho giới khoa học là thiên thể này còn phát ra tia X, đó là do sự tương tác giữa gió mặt trời và sao chổi.

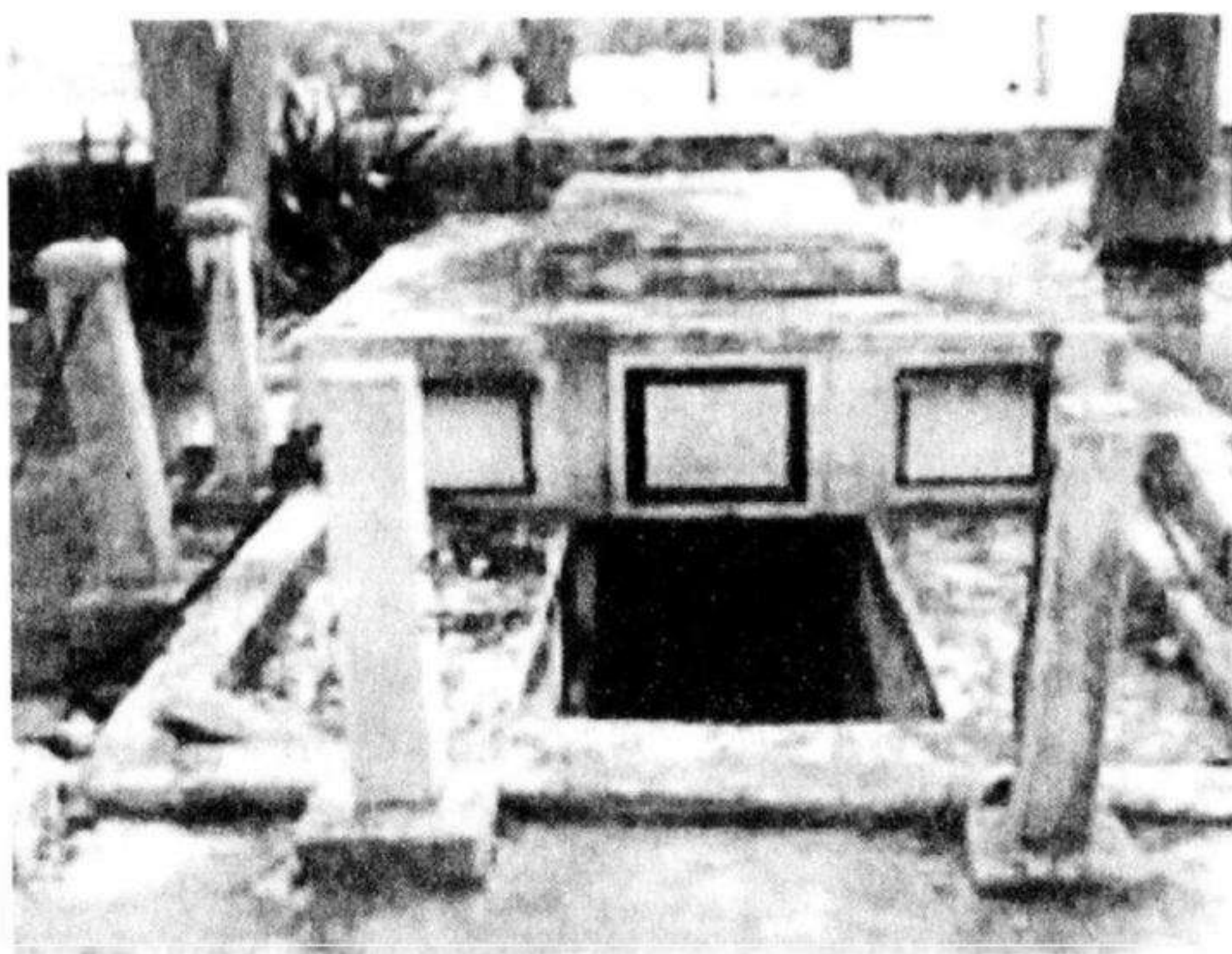
Mặc dù con người không ngừng tìm hiểu về sao chổi nhưng nó vẫn mang đầy bí ẩn và vẫn là một kỳ quan của tự nhiên, thu hút các nhà khoa học tìm hiểu, khám phá. Và mỗi một sao chổi hình thành hay mất đi do va chạm với các thiên thể khác luôn đem đến cho các nhà khoa học những câu hỏi cần phải có lời giải đáp.

(Nguồn: Wikipedia)

Những chiếc quan tài biết chạy

Đã gần ba thế kỷ trôi qua, câu chuyện bí ẩn xung quanh chiếc quan tài tự dịch chuyển trong hầm mộ của gia đình Chase ở Barbados vẫn chưa có lời giải đáp. Thủ phạm được cho là nước ngầm, động đất, những kẻ trộm bạo gan hay thậm chí là một thế lực siêu nhiên huyền bí.

Hầm mộ dòng họ Chase là một công trình được xây dựng trong nghĩa trang giáo xứ Oistins thuộc quốc đảo Barbados vào khoảng những năm 1720. Thoạt nhìn, nó là một kiến trúc khá khiêm tốn, nửa chìm nửa nổi trên mặt đất và chẳng có gì nổi bật so với những hầm mộ xung



Hầm mộ nhà Chase. Ảnh: Geocities.com.

quanh. Nhưng những bí ẩn mà nó cất giữ hàng trăm năm qua thì đáng để người ta phải lưu ý.

Những chiếc quan tài biết chạy

Người đầu tiên đến “định cư” trong hầm mộ là bà Thomasina Goddard, được mai táng tháng 7 năm 1807, sau đó lần lượt đến hai chị em cô bé Mary Ann Maria Chase và Dorcas Chase vào những năm 1808 và 1812. Cho đến lúc đó, vẫn chưa có chuyện gì xảy ra. Nhưng chỉ ít ngày sau, khi hầm mộ được mở ra lần thứ tư để đón nhận quan tài của cha hai cô bé thì tất cả những người đưa tang đều rất sửng sốt vì hai chiếc quan tài nhỏ của chị em Maria Chase đã bị di chuyển khỏi vị trí ban đầu. Thậm chí, quan tài của cô em còn bị dựng đứng lên, phần đầu người chết quay xuống đất. Cho rằng có kẻ đột nhập, người ta đã khiêng các quan tài trở lại nơi cũ, sau đó dùng một tảng đá thật lớn chặn cửa vào hầm mộ và trát kín lại bằng vữa.

Thế nhưng, năm 1819, khi dòng họ Chase lại có người qua đời và tảng đá ở cửa hầm mộ được dời qua một bên để đưa quan tài vào thì chuyện bí ẩn lại tiếp diễn. Những chiếc quan tài trước đó trong hầm mộ đều rời khỏi vị trí ban đầu và nằm lộn xộn như ở nhà kho. Trong khi đó, lớp vữa trát ngoài cửa vào vẫn còn nguyên vẹn, nền cát bên trong hầm không hề có dấu vết lạ và mọi thứ đồ tùy táng không suy suyễn.

Và câu chuyện vẫn chưa chấm dứt. Bởi cho dù các thành viên trong dòng họ Chase có tìm đủ mọi cách để bảo vệ hầm mộ của gia đình thì cứ mỗi lần chôn cất một người thân, họ lại phải chứng kiến cảnh những chiếc quan tài chạy khỏi vị trí mà lần trước họ đã đặt chúng.

Sự việc gây xôn xao dư luận đến mức thống đốc Barbados lúc bấy giờ đã đích thân đến tận nơi xem xét và cho gắn xi lốt vào hầm mộ bằng con dấu của mình. Vài tháng sau, khi trở lại, nhận thấy không có biểu hiện gì khác thường, các dấu xi không có vết cạy phá, thống đốc yên tâm cho mở cửa hầm mộ để kiểm tra. Thật ngạc nhiên là tình hình vẫn hỗn loạn như cũ. Chỉ duy nhất có chiếc quan tài bằng gỗ đã mục nát của bà Thomasina Goddard là còn ở nguyên vị trí. Tất cả số còn lại đều bị xê dịch đáng kể, chiếc đứng, chiếc nằm, chẳng theo trật tự nào. Không một dấu vết nào, dù là nhỏ nhất, cho thấy có sự đột nhập từ bên ngoài.

Sau sự kiện này, gia đình Chase đã chuyển hết quan tài của người thân đi nơi khác chôn cất. Hầm mộ bị bỏ không và trở thành một địa điểm du lịch cho đến nay.

Các giả thuyết đều chưa thuyết phục

Giả thuyết đầu tiên được nghĩ đến là đã có bàn tay cố ý phá hoại của người ngoài. Dòng họ Chase có nhiều thành viên là quân nhân trong quân đội Anh, từng bị dân bản xứ coi như những kẻ xâm lược nên việc có ai đó muốn

quấy rối giấc ngủ ngàn năm của họ cũng là điều có thể hiểu được. Nhưng chưa ai chỉ ra được bất cứ dấu vết nào cho thấy có sự đột nhập từ bên ngoài. Hơn nữa, hầm mộ nằm ở một vị trí rất dễ quan sát. Sau khi những câu chuyện lạ liên tiếp xảy ra, nó trở thành một địa điểm được chú ý nhất ở Barbados. Thật khó có ai đó đột nhập vào bên trong mà không bị bắt gặp.

Một giả thuyết khác là nước ngập có thể đẩy các quan tài trôi khỏi vị trí. Nhưng hầm mộ nằm cao hơn mặt nước biển 30m và lúc nào cũng khô ráo. Vậy thì nước ở đâu ra?

Cũng có người cho rằng nguyên nhân là địa chấn. Nhưng Barbados không nằm trong phạm vi núi lửa hoạt động. Và lại, nếu động đất thì tại sao tất cả các hầm mộ nằm sát cạnh đều không bị ảnh hưởng.

Tác giả Eric Frank Russell trong cuốn *Những bí ẩn lớn nhất của thế giới (Great World Mysteries) (1957)* cho rằng thủ phạm là một lực từ trường khiến các quan tài bằng chì quay quanh một trục nào đó. Nhưng chì không phải là chất liệu bị ảnh hưởng bởi các lực từ trường thông thường nên cách lý giải này cũng không đủ sức thuyết phục. Bí ẩn về những chiếc quan tài biết chạy vì thế vẫn tiếp tục ám ảnh những du khách đến thăm hầm mộ dòng họ Chase.

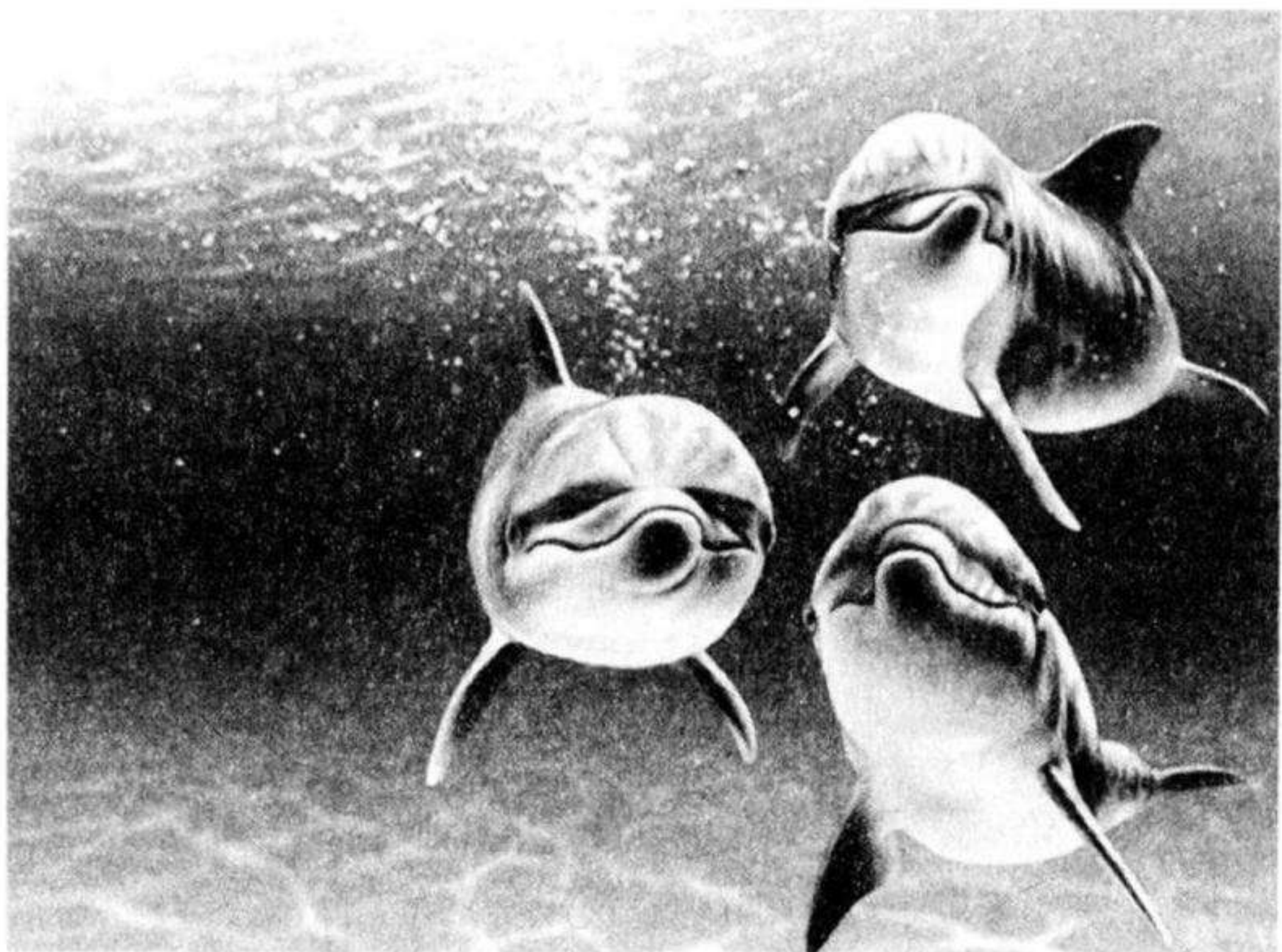
(Nguồn: The Chase Vault Homepage)

Bí ẩn về “tiếng nói” của sinh vật

Có rất nhiều chuyện thú vị về giao tiếp sinh học giữa các loài vật mà chưa ai giải mã được. Ong bướm có cách nhận ra nhau dù cách xa hàng trăm km. Loài voi gọi nhau bằng cách giậm chân truyền dư chấn dưới đất dù ở xa 20-30km.

Gần đây, khái niệm giao tiếp sinh học được nhắc đến như một chìa khóa vạn năng để vén bức màn bí ẩn của thế giới sinh vật.

Theo tổng kết của Tiến sĩ Hà Đình Đức, Đại học Quốc gia Hà Nội, việc cụ rùa Hồ Gươm nổi lên khỏi mặt hồ thường liên quan đến những sự kiện chính trị xã hội của



thủ đô như: nạo vét Hồ Gươm (10/3/1992), bàn giao mặt bằng khu di tích tưởng niệm vua Lê (26/8/1999), kỷ niệm 50 năm giải phóng thủ đô (1994)... Nhiều người đặt ra câu hỏi: Phải chăng cụ rùa muốn nói điều gì với chúng ta?

Không chỉ có vậy, có rất nhiều chuyện thú vị về giao tiếp sinh học giữa các loài sinh vật khác. Ong bướm có thể “đánh tín hiệu” để nhận ra nhau dù cách xa hàng trăm cây số. Gần đây trong vụ sóng thần xảy ra tại Indonesia, hầu hết các động vật đều thoát chết. Người ta lý giải là chúng có giác quan báo trước sự việc nên đã phòng tránh.

Giáo sư Võ Quý, Đại học Quốc gia Hà Nội, cho biết ở loài chim, tiếng kêu và đôi tai tinh tế giúp chúng phân biệt được một cách chính xác thành viên gần gũi nhất của mình (như các con, bạn tình) trong hàng nghìn con đang kêu âm ỉ. Có thể nói, mọi âm thanh mà chim phát ra đều mang ý nghĩa riêng biệt. Nó là “tiếng nói”, là thứ ngôn ngữ để thông báo cho đồng loại một điều gì đó liên quan đến cuộc sống. Có lẽ vì vậy mà trên thế giới đã có một ngành khoa học mới ra đời, khoa âm sinh học.

Lý giải vấn đề này, Giáo sư Hà Đình Đức cho biết, cũng như con người, động vật phải thông qua giao tiếp để hiểu nhau và để sinh tồn.

Những phát hiện về giao tiếp sinh học không chỉ giới hạn ở chim, thú, bò sát mà còn đúng với tế bào - thế giới vô cùng nhỏ bé. Tiến sĩ Nguyễn Thị Quỳ, Đại học Khoa học Tự nhiên Hà Nội cho biết, khi tiếp xúc, mỗi tế bào đều tiết ra một chất tín hiệu.

Điều này cũng lý giải phần nào cơ chế hoạt động của virus gây bệnh. Khi sống trong cơ thể khỏe mạnh, virus có thể hiền hơn, không phát triển gây bệnh. Thông tin mà chúng nhận được dưới dạng nào đó cho thấy, môi trường sống của chúng vẫn an toàn. Khi cơ thể yếu, virus nhận được thông tin cảnh báo môi trường sống bị đe dọa; chúng trở nên hung dữ và tấn công mạnh để bảo vệ mình.

Theo Tiến sĩ Bùi Công Hiến, Tổng thư ký Hội các ngành sinh học Việt Nam, đã là sinh vật thì không thể vô tri vô giác mà đều có giao tiếp. Nếu hiểu rõ quy luật của giao tiếp sinh học ở các nhóm sinh vật khác nhau, con người sẽ dễ dàng chung sống và điều khiển thế giới sinh vật, phục vụ cuộc sống của mình.

Ví dụ, trong sản xuất nông nghiệp, nếu giải đáp được vì sao cây lúa vào kỳ con gái lại hấp dẫn các loài sâu đục thân, đến khi lúa làm đòng, ngậm sữa lại thu hút các loài bọ xít dài..., chúng ta sẽ có cách phòng trừ sâu bệnh hiệu quả mà không phải sử dụng nhiều chất độc hại.

Một trong các ứng dụng của giao tiếp sinh học mà khoa học đang tiếp cận cho sản xuất nông nghiệp là nghiên cứu sản xuất bẫy côn trùng bằng pheromone. Gần đây, có thông tin cho hay một nông dân Nhật Bản khi mở nhạc cổ điển trong hầm lên men rượu thì tạo ra loại rượu có chất lượng ngon hơn bình thường.

Hay ở chính Việt Nam, một số người dân đã thu vào bẫy tiếng chim hót để bẫy các loài chim quý.

(Nguồn: Pheromone)

Voi nói được tiếng người

Một con voi đực gốc châu Á 16 tuổi đã làm người quản tượng và nhiều người khác ngạc nhiên vì nó nói được tiếng người.

Ông Kim Jong-Gap, 39 tuổi, là người quản tượng làm việc tại Vườn thú Everland ở Tongin thuộc tỉnh Gyeonggi - Hàn Quốc, ngày 7/9 năm 2006 cho biết ông đã nghe chú voi (được đặt tên là "Mr. Nose") phát âm các từ của ngôn ngữ loài người. Chuyện này xảy ra lúc ông đang làm việc.

Ông Kim nói rằng, chú voi Mr. Nose có thể phát âm được 8 từ sau đây: "Tốt", "Nằm xuống", "Không",



“Chưa”, và “Hãy quay lại”. Điều thú vị là phát âm của chú voi này rất giống với giọng nói của người Hàn thực sự. Theo ông Kim, Mr. Nose phát âm tiếng người bằng cách hít không khí vào mũi và giữ hơi trong mũi trước khi “nói”.

Vườn thú Everland đã yêu cầu một giáo sư ở Đại học Soongshil nghiên cứu phân tích âm thanh phát ra của chú voi. Kết quả cho thấy phát âm của nó rất giống với giọng nói của một người trung niên. Phát ngôn viên của vườn thú cho biết, sẽ có kế hoạch thành lập một nhóm các nhà nghiên cứu về hành vi loài vật, gồm cả các bác sĩ thú y nhằm phát hiện thêm nhiều chi tiết về khả năng phát thanh tiếng người của loài voi.

Tuy thế, người ta vẫn không khẳng định được Mr. Nose có hiểu ý nghĩa các từ mà nó “nói” hay không. Các chuyên gia cho rằng Mr. Nose là con voi đầu tiên trên thế giới nói được tiếng người.

(Nguồn: Infomag)

Giải mã cuộc sống bí ẩn của ong mật

Các nhà khoa học đã giải mã được bộ gene ong mật, tìm ra đầu mối về những hành vi xã hội phức tạp của chúng. Kết quả đã đưa ong trở thành loài côn trùng thứ hai sau ruồi giấm và muỗi có bộ gene được giải mã.

Ong mật *Apis mellifera* tiến hóa chậm hơn các loài côn trùng khác nhưng lại có nhiều gene liên quan tới khứu giác hơn.

“Trong sinh học và y học, ong mật được dùng để nghiên cứu trong rất nhiều lĩnh vực như bệnh dị ứng, khoa học thần kinh, lão khoa, hành vi xã hội và khoa chất độc”, giáo sư Gene E. Robinson, Giám đốc Đại học Illinois, nói:

“Dự án giải mã gene ong mật đã mở ra một nghiên cứu mới về ong giúp ích cho ngành



nông nghiệp, nghiên cứu sinh học và sức khỏe con người”.

Với một cơ cấu xã hội phát triển cao gồm hàng chục nghìn con ong thợ do một con ong chúa điều hành, bộ gene ong mật cũng giúp đẩy nhanh cuộc nghiên cứu gene liên quan tới hành vi xã hội. Ong chúa sống lâu gấp 10 lần ong thợ và đẻ tới 2.000 trứng mỗi ngày. Cho dù có một bộ não nhỏ xíu, ong mật thể hiện khả năng nhận thức sâu sắc và biết cách liên tưởng giữa màu sắc, hình dáng và hương vị của bông hoa với thức ăn, làm tăng khả năng kiếm ăn của chúng. Các nhà khoa học đã phát hiện thấy ong mật có nguồn gốc từ châu Phi và phân bố tới châu Âu qua hai cuộc di cư cổ đại.

Số gene liên quan tới khứu giác của ong mật vượt trội hơn hẳn số gene liên quan tới vị giác. Những con côn trùng này cũng có ít gene miễn dịch hơn so với ruồi giấm hay muỗi. Ong mật sử dụng pheromone để phân biệt giới tính, đẳng cấp và tuổi của các ong khác.

“Trình tự gene này là một bước quan trọng giúp tìm ra câu trả lời về một vấn đề cơ bản của sự tiến hóa xã hội: Tại cấp độ gene, cần phải có những gì để kiến trúc nên một loài côn trùng sống tập thể tiên tiến?”, giáo sư Edward Wilson tại Đại học Harvard, Mỹ, phát biểu.

Linh cảm - khả năng kỳ diệu của con người

Có những người thoát chết vì được linh tính mách bảo. Có những phát minh khoa học nhờ vào linh tính. Những câu chuyện về linh cảm vẫn đang là sự bí ẩn. Thậm chí các nhà khoa học cũng chưa khẳng định có hay không giác quan thứ sáu của con người.

Nhiều phát minh ra đời không phải bằng các phương pháp logic mà bằng chính linh cảm của các nhà nghiên cứu. Nhà hóa học người Nga Mendeleev đã phát minh ra định luật tuần hoàn các nguyên tố hóa học sau một giấc mơ. Ông đã dành gần trọn cuộc đời mình để tìm hiểu về các nguyên tố hóa học. Loay hoay với rất nhiều công cụ khoa học, Mendeleev vẫn không thể xây dựng được bảng tuần hoàn các nguyên tố. Thế rồi trong một giấc mơ, ông thấy bảng tuần hoàn hiện rõ ra trước mắt.

Khi tỉnh giấc, ông đã chép và công bố công trình khoa học nổi tiếng của mình kèm theo phương pháp... nằm mơ. Điều này làm dấy lên một cuộc tranh luận tốn nhiều giấy mực. Một phe cho rằng đó chính là linh cảm có liên quan đến các thể lực siêu nhiên mà con người không thể biết và giải thích (bất khả tri). Phe khác cho rằng Mendeleev đã nghiên cứu hàng chục năm vấn đề này, công trình khoa

học đã “ngấm” vào người và khi chín muồi thì kết quả hiện ra trong giấc mơ chỉ là một cách biểu hiện.

Còn nhiều ví dụ khác về linh cảm của các nhà khoa học. Đơn cử như việc viện sĩ Vladimir S. Sobolev của Nga tìm ra kim cương ở vùng Yakutsk, viện sĩ Muratov tìm ra dầu mỏ ở vùng Tây Siberia. Những phát hiện của họ đều bằng linh tính. Bản thân các nhà khoa học cũng không thể hiểu nổi những thành công của họ phần nhiều do kiến thức, kinh nghiệm hay do linh tính mách bảo.

Nhiều nhà quân sự, chính trị cũng có khả năng linh cảm trước một số vấn đề. Một số người cũng nhờ “giác quan thứ sáu” mà thoát chết. Thủ tướng Anh Churchill đã thoát chết trong gang tấc do linh tính mách bảo. Năm 1944, khi Thế chiến thứ hai đang diễn ra ác liệt, một lần Churchill đang chuẩn bị rời trận địa thì máy bay oanh tạc của Đức ập đến. Người lái xe vội vàng nổ máy cho xe đi. Không hiểu sao, Churchill không chịu vào xe mà vòng chạy ra phía sau. Đúng lúc ấy, một quả bom nổ cạnh cửa xe làm thành một hố lớn, ngay chỗ Churchill vừa đứng. Ông đã viết trong hồi ký: “Dường như có một sức mạnh nội tâm đã mách bảo tôi phải rời ngay chỗ đứng”.

Sau này, các nhà khoa học đã lý giải rằng trong cơ thể con người có một “hệ thống cảnh báo vô hình”. Hệ thống linh cảm này đã tồn tại và tiến hóa trong hàng triệu năm. Nó nhắc nhở con người những dấu hiệu của sự nguy hiểm để phòng và tránh, giống như một thứ vũ khí vô hình

trong cuộc đấu tranh sinh tồn của tự nhiên. Ở một số ít người, hệ thống này hoạt động mạnh; còn ở đa số là “yếu ớt” và chỉ bộc lộ trong những hoàn cảnh đặc biệt.

Con người có thể linh cảm được cái chết

Không ai có thể biết trước thời điểm nào và đôi khi nguyên nhân nào sẽ dẫn dắt mình sang thế giới bên kia. Tuy nhiên, với một số người sắp đối mặt với cái chết, tiềm thức lại mách bảo cho họ hoặc người thân. Người ta gọi đó là thần giao cách cảm khi lưỡi hái tử thần đang cận kề.

Ông Grigoriy Doronin ở thị trấn Sergiev Posad, miền đông nam nước Nga kể lại: Tối đó vợ ông (20 tuổi) đi làm về, căng thẳng, mệt mỏi. Cô đột nhiên bật ra câu nói: “Em thấy chán nản quá. Chắc em chẳng còn ở thế giới này được bao lâu nữa”. Ngày hôm sau, hai vợ chồng họ gặp tai nạn ô tô, người vợ qua đời.

Nhà thơ Nga Lermontov đã kể lại câu chuyện khi ông còn là sĩ quan biên phòng ở Kavkaz. Một hôm, ông đang ngồi đánh bài với lính của mình và nhìn thấy một người có vẻ khác lạ hiện rõ trên nét mặt so với ngày thường. Lermontov bèn nói với người ấy: “Anh phải đề phòng, có lẽ anh sắp bị chết bất đắc kỳ tử. Đêm nay, anh nên ngủ lại ở đồn biên phòng và sáng mai hãy về”. Người lính ấy không tin, ra về và dọc đường đã bị một người say rượu đâm chết.

Nhóm bác sĩ người Mỹ là William Green, Stefan Goldstein và Alex Moss, chuyên nghiên cứu hiện tượng chết, đã tìm hiểu hàng nghìn câu chuyện ẩn đằng sau các bệnh nhân ra đi “bất đắc kỳ tử”. Các kết quả cho thấy, đa số họ có những hành động khác thường hay những lời nói gở trước cái chết của mình.

Có hay không khả năng linh cảm?

Nhiều nhà khoa học ở khắp nơi trên thế giới đã nghiên cứu về hiện tượng nhìn thấy trước tương lai. Một phòng thí nghiệm được dựng nên ở Moscow (Nga) vào cuối những năm 1970 để tìm hiểu về hiện tượng linh cảm. Các nghiên cứu cho thấy, một số người dường như có khả năng nhìn thấy tương lai và nói trước những sự kiện mà họ có thể không biết gì về nó.

Theo một số học giả, tất cả những em bé sơ sinh đều được trời phú cho ít nhất là bảy năng lực, trong đó có khả năng nhìn trước tương lai và thần giao cách cảm. Tuy nhiên, hai năng lực đặc biệt này biến mất mà không để lại dấu vết trong vòng 6-7 năm sau đó.

Tại sao chúng lại biến mất? Bất chấp vô số bằng chứng được ghi nhận về khả năng tiên tri, đến nay người ta vẫn chưa có được câu trả lời thỏa đáng nào.

Nhà khoa học Ronald A. Rensink thuộc Đại học British Columbia, Canada, cho rằng có khả năng tồn tại một vài

dạng giác quan bí ẩn của con người. Ông gọi đó là *mindsight* (ánh trong não). Trong thí nghiệm của mình, ông cho 40 người xem một loạt ảnh rung trên một màn hình máy tính. Mỗi bức ảnh xuất hiện trong khoảng 1/4 giây và sau đó là màn hình nền màu xám trong thời gian ngắn. Đôi khi bức ảnh giữ nguyên gốc, đôi khi có thay đổi nhỏ rất khó nhận ra.

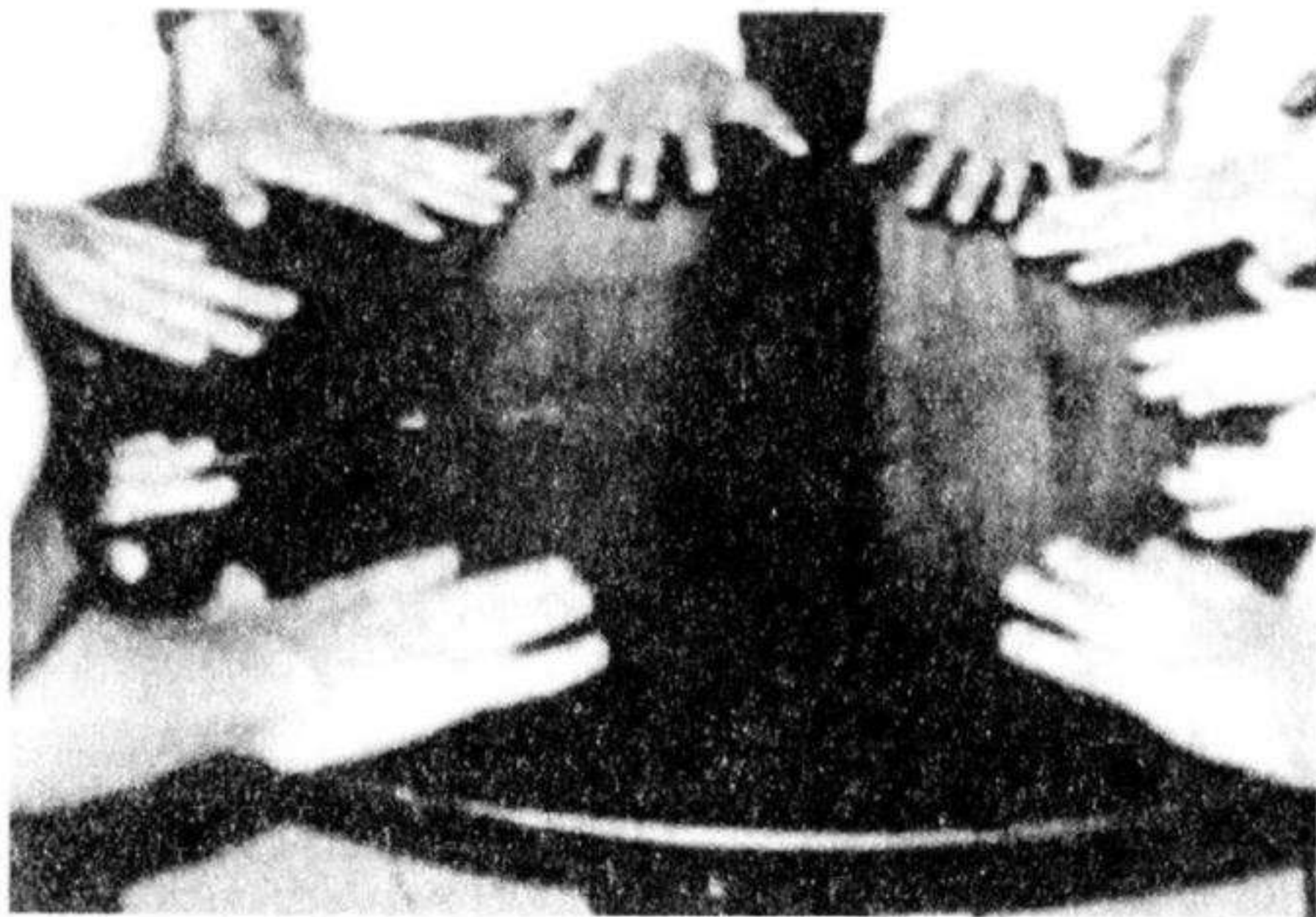
Khoảng 1/3 số người tham gia cho biết họ cảm thấy bức ảnh đã biến đổi. Rensink cho rằng hệ thống thị giác của chúng ta có thể đã tạo cảm giác mạnh về điều gì đó thay đổi, ngay cả khi chúng ta không hình dung được sai khác đó trong ký ức. Ông chưa lý giải được quá trình vật lý nào đã tạo ra *mindsight*, nhưng cho biết có thể xác định sự tồn tại của hiện tượng này thông qua việc chụp ảnh não. *Mindsight* cũng có thể tác động tới các giác quan khác, chẳng hạn gây ra linh cảm rằng có ai đó đứng sau lưng, mặc dù mắt ta không nhìn thấy người đó.

Giải đáp hiện tượng “chiếc mâm quay”

Nhiều người đặt tay lên mặt một chiếc mâm. Đọc thần chú và nó sẽ... tự quay. Trò chơi “kỳ lạ” này có ở miền Nam nước ta, được nhiều người cho là thần bí. Các nhà khoa học đã thí nghiệm và kết luận mâm quay là do... lực cơ học, chứ chẳng phải do tác dụng thần bí nào cả.

Hiện tượng mâm quay

Trò chơi dân gian này đã xuất hiện ở nước ta từ hàng trăm năm trước, được lưu truyền chủ yếu ở một số tỉnh phía Nam (Bình Định, Lâm Đồng, Đà Nẵng...). Mâm quay có cấu tạo hình tròn, được làm bằng gỗ, đồng, nhôm hoặc



Đặt tay trực tiếp lên mặt mâm. Ảnh: SK&DS

thủy tinh. Mâm được thiết kế đặt trên một ổ trục để giảm ma sát khi quay. Người tham gia chơi đứng quanh, đặt tay lên mâm và “ra lệnh” liên tục trong đầu: “Hãy quay”...

Quay thuận hoặc ngược chiều kim đồng hồ là do người chơi quy ước với nhau khi bắt đầu thí nghiệm. Người chơi đọc liên tục và khi thấy mâm bắt đầu quay (hoặc cảm giác mâm có xu hướng quay) thì nương theo chiều quay của mâm mà đi theo, không được cản lại. Khi mâm đã quay rồi, muốn dừng lại thì mọi người cùng đọc: “Hãy dừng lại”. Đọc liên tục cho đến khi mâm dừng hẳn lại mới nhấc tay ra. Như vậy, khi mọi người đặt tay lên mâm và cùng đọc khẩu lệnh thì mâm sẽ vâng lời và quay (hay dừng) theo đúng câu thần chú mọi người đang đọc.

Vậy thực sự mâm quay có hiệu được ý nghĩ của con người không?

Cuộc khảo nghiệm mâm quay

Để tìm lời giải đáp, Liên hiệp Khoa học Công nghệ Tin học Ứng dụng (UIA) đã lập một đoàn công tác để khảo sát, tìm hiểu bản chất của hiện tượng này. Theo nhận định ban đầu của Hội đồng Khoa học UIA, mâm có thể quay được khi và chỉ khi có một lực nào đó tác động vào mâm tạo ra mômen quay - lực này nằm trong mặt phẳng của mâm, có phương vuông góc với bán kính quay (tức là tiếp tuyến với đường tròn quay).

Có bốn nguyên nhân có thể tạo ra mômen này, đó là:

- Tác động của điện từ trường,
- Tác động của lực sinh học,
- Tác động của lực cơ học
- Tác động của sức mạnh siêu hình hay cõi giới tâm linh.

Đoàn khảo sát chọn địa điểm khá nổi tiếng về hiện tượng mâm quay, là nhà hàng Phong Lan cạnh chùa Tàu, Đà Lạt, nơi báo chí nói nhiều trong những năm qua. Chủ nhà hàng dành riêng một căn phòng để chuyên biểu diễn tiết mục này.

Chiếc mâm quay làm bằng gỗ, đặt trên một ổ trục quay được thiết kế khá công phu. Chủ nhà giới thiệu đây là chiếc mâm “gia truyền”, có từ thời ông nội, đồng thời giới thiệu cả cuốn sổ ghi cảm tưởng của du khách về sự kỳ diệu của mâm quay.

Trước hết, đoàn công tác lật chiếc mâm ra khỏi ổ trục quay, kiểm tra xem trong đó có cài các thiết bị có thể bị ảnh hưởng của sóng điện từ điều khiển từ xa hay không. Phương án này nhanh chóng được loại bỏ vì chẳng tìm được thiết bị nào, hơn nữa từ xa xưa, chiếc mâm đã được biểu diễn như vậy, mà lúc đó cũng chưa thể có thiết bị điều khiển từ xa bằng sóng điện từ như bây giờ. Trong đoàn khảo nghiệm còn có một số nhà ngoại cảm nổi tiếng, họ cho biết không hề tìm thấy sự can thiệp của cõi giới tâm linh trong căn phòng này.

Như vậy đã loại bỏ được hai khả năng là mâm quay được do tác động của lực điện từ và cõi giới tâm linh.

Thí nghiệm dương tính

Để tiến hành thí nghiệm dương tính, nhóm nghiên cứu đã làm theo đúng quy trình như các nhóm khác làm trước đây: Mọi người đứng xung quanh, đặt tay trực tiếp lên mặt mâm và đọc lệnh cho mâm *quay*. Lần đầu ra lệnh mâm quay theo chiều kim đồng hồ. Sau hơn 4 phút đọc “thần chú”, mâm từ từ quay, càng lúc càng nhanh. Sau khoảng 5 phút, mâm được yêu cầu *dừng lại*. Thí nghiệm được lặp lại, nhưng ngược chiều kim đồng hồ. Lần này, chỉ khoảng 3 phút mâm đã quay và khi muốn dừng lại cũng chỉ mất hơn 1 phút.

Thí nghiệm âm tính

Cuộc thí nghiệm lần ba, giao cho mỗi người tham gia một quả cầu, cỡ quả bóng bàn. Lần này mọi người không đặt tay trực tiếp lên mặt mâm như trước mà phải đặt tay thông qua quả cầu trên mặt mâm. Các quá trình đọc “khẩu lệnh” vẫn y nguyên như trước. Nhưng kỳ lạ thay, mọi người đọc đến 30 phút mà mâm vẫn không nhúc nhích. Dù đổi “khẩu lệnh” đọc ngược lại mâm vẫn trơ trơ bất động.

Người chủ nhà rất ái ngại, thốt lên: “Từ trước tới nay,

chưa có vụ nào làm thí nghiệm mà mâm không quay. Các bác là nhóm đầu tiên đọc thần chú mà mâm không chịu nghe lời”.

Lý giải về hiện tượng mâm quay

Theo ông Vũ Thế Khanh, thành viên nhóm nghiên cứu của UIA, khi tay người chơi không tiếp xúc với mặt mâm mà phải gián tiếp thông qua mặt cầu, người chơi chỉ có thể tác dụng lực vuông góc với mặt mâm (mà phương này thì không gây ra mômen quay cho mâm). Quan sát kỹ các lần làm thí nghiệm, thấy rõ: người chơi dù vô tình hay cố ý đẩy tay đi thì quả cầu lập tức lăn ngay, không truyền lực ngang xuống mâm được nữa. Cách đặt lực như vậy đã làm cho mâm hết “phép lạ”.

Thông qua thí nghiệm này, nhóm nghiên cứu kết luận không hề có tác động của lực sinh học hay lực lượng siêu nhiên nào đó như mọi người vẫn nghĩ. Thực tế, mâm chỉ có thể quay được khi và chỉ khi người chơi đặt tay trực tiếp vào mâm tạo mômen quay cho mâm. Nếu lực này bị khử mất do quả cầu lăn thì mâm không thể quay được.

Nhưng lực cơ học gây mô men quay do đâu mà có?

Khi người chơi đặt tay trực tiếp lên mặt mâm, liên tục đọc khẩu lệnh thì tâm lý phát sinh tự kỷ ám thị, dần dần bị rơi vào ảo giác: hình như đang có lực vô hình nào đó làm cho mâm quay và cảm thấy mâm “chuẩn bị quay”, nên người chơi có xu hướng nương theo chiều quay quy

uớc trong đầu. Khi đó, vô tình hay hữu ý đã gia tăng lực vào mặt mâm. Cứ như vậy, mâm sẽ quay càng lúc càng nhanh hơn. Đây là chưa kể đến trường hợp trong số đó có một người cố tình đẩy cho mâm quay. Quá trình dừng mâm lại cũng theo nguyên tắc ấy mà phát sinh tâm lý tương ứng.

Như vậy, hiện tượng mâm quay là do các lực cơ học tạo ra, chẳng phải là tác động thần bí nào cả. Thật ra, người chơi chưa thực sự trong trạng thái “vô tư”, chưa thực sự “vô thức”. Do vậy, khi đọc khẩu lệnh họ dần bị rơi vào ảo giác và dĩ nhiên phát sinh hiệu ứng của lực “tự kỷ ám thị”. Hiệu ứng này là thủ phạm gây ra lực cơ học tạo mômen quay cho mâm. Tuy nhiên, người chơi không hề nghĩ chính mình là thủ phạm, chính mình bị tự kỷ ám thị nên khi thấy mâm quay thì cho rằng do yếu tố khách quan nào đó.

Cùng thí nghiệm trên, nhóm nghiên cứu đã tiến hành với những người có công phu tu thiền hoặc yoga thì mâm không hề quay (vì họ đã tạo được trạng thái vô thức nên không bị chi phối bởi hiệu ứng của sự “tự kỷ ám thị”).

Mối giao cảm kỳ lạ ở những cặp song sinh

Những cặp sinh đôi giống nhau như tạc không những chia sẻ tương đồng về gene, mà họ còn có thể cảm nhận được nỗi đau lẫn niềm hạnh phúc của nhau. Sau đây là một vài trường hợp như vậy trong số 45.000 cặp song sinh ở Australia.

Tony Mooy Hurley và Adelie Hurley, 87 tuổi

Mỗi khi nhận được cuốn băng ghi âm trò chuyện của Adelie Hurley gửi cho mình qua bưu điện, bà Tony Mooy đều phải ngồi phịch xuống ghế để trấn tĩnh cơn sốc, vì bà cũng vừa mới gửi cho bà Hurley một cuốn băng với nội dung tương tự. Tại Australia, họ được mệnh danh là “cặp song sinh khủng khiếp”, vì tất cả những hành động của họ hầu như giống nhau, dù họ ở cách xa nhau.

Ở tuổi 80, họ cùng có ý định đi đến Nam Cực để tìm lại dấu vết hành trình của cha mình là Frank Hurley, một chuyên gia điện ảnh và nhiếp ảnh nổi tiếng. Bà Tony sống ở ngoại ô Sydney, là nhân viên đánh máy cho hải quân, rồi sau đó làm y tá cho một trung tâm phục hồi sức khỏe. Trong khi đó, bà Adelie là nhiếp ảnh gia đi chu du khắp thế giới, đến tận cả Ấn Độ và Nga. Tuy nhiên, vào những năm sau này, sau khi chồng của Tony qua đời và cuộc

hôn nhân của Adeline thất bại, họ đã quyết định dọn nhà đến cảng Coffs, ở hai căn nhà đối diện nhau.

Từ đó trở đi, họ càng phát hiện ra những điểm tương đồng đến ngạc nhiên. Cả hai đều yêu nghệ thuật - Tony vẽ tranh còn Adeline thì thêu thảm. Adeline phải phẫu thuật tim tạo ba đường chảy thông máu, trong khi Tony cũng phải phẫu thuật tim, nhưng chỉ cần tạo hai đường chảy. Adeline phải thay khớp nhân tạo cho chân trái, còn Tony thì thay khớp nhân tạo cho chân phải. Thông thường, Adeline bị trước, rồi đến Tony bị sau. Họ còn có những quan điểm giống nhau về nhiều điều, cùng bàn về một đề tài và biết người kia đang nghĩ gì.

Barbara Corbett và Beryl Francis, 62 tuổi

Khuôn mặt tái nhợt, Barbara Corbett cong oằn người bởi từng đợt đau chuyển dạ dồn dập. Nhưng khi cô điện thoại cầu cứu, thì mẹ của cô đang bận chăm sóc một cô con gái song sinh khác là Barbara Francis cũng đang chuyển dạ ở bệnh viện. Điều hết sức lạ lùng là cô Francis không hề cảm thấy mệt mỏi đau đớn gì cả, mà người phải chịu đựng điều đó là cô Corbett.

Thế nhưng, đến khi cô Corbett sinh con lần hai - rất nhẹ nhàng - thì cô Francis lại phải chịu đựng cơn đau không thể tả. Cặp chị em song sinh này sống gần nhà nhau ở Brisbane. Cả hai đều góa chồng và đều đã tái hôn. Họ còn phải cảnh báo cho nhau biết khi một trong hai người phải

nhập viện. Bởi vì khi bác sĩ đưa con dao hay kim khâu vào da thịt người này là người kia sẽ đột ngột bị ngắt xủ. Tốt nhất là họ cần phải được chuẩn bị tinh thần từ trước, để tránh điều nguy hiểm đáng tiếc.

Jessica và Natalie Anthony, 26 tuổi

“Natalie! Cứu! Cứu!”, cô bé Jessica Anthony 7 tuổi đã nắm chặt cánh tay đuôi thẳng của mình ra và hét lên như điên dại, không ai có thể ngăn cản lại được. Nhưng chỉ khi mẹ cô bé về đến nhà thì mọi người mới hiểu lý do tại sao. Thì ra, sáng hôm ấy, người chị em song sinh của Jessica đã trèo lên thanh chắn song chuồng khi ở trường và té xuống đất, bị gãy tay.

Vào bệnh viện, Natalie được các bác sĩ nắn xương lại cho đúng vị trí. Và đây cũng chính là lúc mà Jessica hét lên. Giờ đây, dù cặp chị em song sinh với mái tóc nâu xoăn tít này đã 26 tuổi, nhưng họ vẫn cảm nhận được những xúc cảm của nhau và không chịu rời xa nhau. Những ngày này, họ cùng làm việc tại một khách sạn ở Sydney.

Một cô đã từ chối lời đề nghị thăng tiến, chỉ vì không chịu xa rời cô kia. Mới đây, khi Natalie chia tay bạn trai, cả hai cô đã ngồi bên nhau và buồn khóc trong rất nhiều ngày. Thật là khó khăn khi một trong hai cô có việc đi xa mà không có người kia. Cả hai đều mơ ước sẽ lấy chồng là một cặp song sinh và họ sẽ ở bên cạnh nhau.

Bernie và Pamela McMahon nee Craig, Brian và Pauline McMahon nee Craig

Năm 1961, ở tuổi 20, cặp nam song sinh Bernie và Brian McMahon đến thành phố Sydney ở và được giới thiệu làm quen với cặp song sinh nữ Pamela và Pauline Craig. Sự hấp dẫn tức thì và 5 năm sau, họ kết hôn với nhau - cậu em Bernie lấy cô chị Pamela và ngược lại. Từ đó đến nay, hai gia đình này sống trong hai căn nhà đối diện và không rời xa nhau: cùng làm việc chung hăng, cùng ăn cơm trưa, cùng chia sẻ các sở thích (xem và bình luận quyền Anh, sưu tầm xe hơi cổ...) và cùng nhau về hưu.

Bí ẩn sự hình thành con người

Nhờ sự phối hợp các kỹ thuật ghi hình y khoa mạnh nhất - máy quét và chụp cộng hưởng từ - với các công nghệ thông tin hiện đại, bác sĩ X quang Alexander Tsiaras đã ghi hình ba chiều đối với điều huyền rũ bí ẩn nhất của sự sống: đó là sự hình thành em bé, từ lúc thụ thai đến khi chào đời.

“Những vi động vật... như hạt đậu nhỏ xíu có cái đuôi dài!” Nhà khoa học Antonie Van Leeuwenhoek không tin vào mắt mình trước những gì mà ông coi như là những thân hình co quắp lại và bị nhốt kín trong những cái bao trong mờ. Đó là năm 1677. Không một cặp mắt thường nào có thể nhìn thấy được điều đó trước ông. Kính hiển vi mới được phát minh và ông là nhà khoa học đầu tiên sử dụng nó để quan sát tinh dịch một bệnh nhân. “Các vi động vật này quá nhỏ bé - ông ngạc nhiên - đến mức một triệu con trong số chúng đặt nối tiếp nhau cũng không đạt được kích cỡ của một hạt cát to...” Thế là cuộc hành trình đến với thế giới vô cùng nhỏ bắt đầu, để tìm hiểu nguồn gốc của cuộc sống.

Đàn ông gieo hạt, phụ nữ chỉ là đất mùn

Khám phá trên cũng có những giới hạn và làm nảy sinh những lầm lẫn khác vào thời điểm đó. Tại sao bấy

nhiều tinh trùng chỉ để sinh ra một con người duy nhất? Tại sao những tinh trùng còn lại đều bị chết? Người ta từng tin rằng: “Đàn ông gieo hạt, phụ nữ chỉ là đất mùn!”. Thuyết này từng tồn tại đến 150 năm, cho đến khi người ta khám phá ra các tế bào sinh dục nữ.

Ở bước đầu của hành vi tình dục, noãn - tròn như hòn đất, bọt nước, hành tinh, địa cầu thu nhỏ, hình cầu như dạng đầu tiên của vũ trụ và chờ đợi được hoạt động. Sự thụ tinh khởi động. 300 triệu tinh trùng bắt đầu “giáp lá cà” noãn. Chúng có cùng một thứ vũ khí: cái đầu dẹt được bao bọc bởi các enzyme dành để tiêu hóa đám mây bao quanh noãn và một cái đuôi linh động như một cây roi cho phép chúng tiến về phía trước. Chỉ có 3 triệu con trong số chúng thâm nhập tử cung. Quãng đường phải băng qua để đến được đây là 20cm. Tốc độ tiến tới 1 cm/phút. Một số tinh trùng lội ngược lên vòi tử cung và tự chết đi. Kẻ chiến thắng nằm trong số nửa kia. Vài trăm tinh trùng đạt đến mục tiêu, nhưng chỉ 1 con duy nhất được hưởng vinh quang chiến thắng. Noãn đã sẵn sàng. Trong khoảnh khắc, các tinh trùng khác bị tổng khứ đi. Chúng sẽ lang thang quanh noãn vài ngày nữa, và cuối cùng chết... Nhưng với kẻ chiến thắng, một cuộc phiêu lưu mới mẻ bắt đầu, mệt mỏi, tốn sức.

Đầu thế kỷ 20, một nhà sinh vật học Mỹ, Edwin Brewster đã kinh ngạc khi nhìn thấy, qua kính hiển vi, cách thức “một tế bào tròn trịa đột ngột méo mó, dài ra, trở mình và tự sinh ra thành các tế bào sống hoàn thiện”.

Ông giải thích: “Như thế nghĩa là con người không được xây dựng nên như một căn nhà bằng gỗ hay bê tông, mà như một căn nhà bằng gạch... Chúng ta sẽ tăng trưởng khi những viên gạch sống bé nhỏ này tự phân chia thành những nửa viên gạch, để rồi sau đó đến lượt chúng to lên thành viên gạch hoàn toàn...”.

Từ một viên gạch duy nhất

Ngày nay, trong tác phẩm *Bí ẩn về cuộc sống, từ thụ thai đến chào đời* (*From conception to birth: A life unfolds*) của Alexander Tsiaras, nhà văn khoa học Barry Werth đã dùng lại ẩn dụ về căn nhà để viết phần bình luận: “Hãy tưởng tượng bạn là tòa nhà chọc trời, được xây dựng trong 9 tháng từ một viên gạch duy nhất. Khi viên gạch tự phân chia, nó sẽ sản xuất ra đủ mọi loại vật liệu cần thiết khác cho việc xây dựng và hoạt động của cái tháp khổng lồ này... Viên gạch đầu tiên và những hậu duệ của nó biết đích xác số lượng bao nhiêu cho mỗi thành phần, phải gửi gạch đến đâu, phải ghép khi nào và như thế nào...”. Như thế mỗi bộ phận, từ tế bào duy nhất, tự phân chia và tìm thấy vị trí của chúng để hoạt động chính xác.

Sự kết hợp đầu tiên sẽ kéo dài trong 12 giờ. Trong suốt quy trình đó, 23 nhiễm sắc thể của mẹ kết hợp với 23 nhiễm sắc thể của cha. Mã được khắc trong tế bào người mẹ: sự tăng sinh có thể bắt đầu. Các nhiễm sắc thể phân chia thành hai với hàng nghìn gene của chúng. Các bản

sao phù hợp hãy còn dính lẫn nhau. Đôi khi, chúng tách ra, từ đó cho ra đời những đứa trẻ song sinh. Sau khi thụ thai được hai ngày, bắt đầu sự phân chia mới: 4 tế bào trở thành 8 (chính vào giai đoạn này, người ta thường cấy các noãn đã thụ tinh trong ống nghiệm vào tử cung...) sau đó là 16, rồi 32 vào cuối ngày thứ 3. Trong khoảng thời gian ngày thứ 9 và 12, trứng chỉ đo được 1/10 mm. Khi cơn lốc dồn dập các tế bào tăng mạnh lên, kích cỡ của nó cũng tăng gấp đôi ở mỗi lần phân chia: 0,2 mm vào tuần thứ hai, ở đó các sự gấp và sự xoắn liên tục nhau được tiến hành với tốc độ cao, kéo giãn trứng nguyên thủy này ra để biến nó thành một phôi. Đến ba tuần, nó to được gần 2 mm, có hình dáng ban đầu với một cái đầu có vị trí đôi mắt và đôi tai, một cột sống và một trái tim đang đập. Trong suốt thời gian thần kỳ này, người vợ còn chưa nhận ra. Nhưng mối liên hệ mẹ - con đã bắt đầu. Hiện tượng nôn ọe bắt đầu khoảng ngày thứ 25: một cơn sóng những sự rung động thầm kín trao đổi giữa mẹ và con. Chúng chỉ ngừng khi nào đứa trẻ chào đời. Tiếng ồn ào bên ngoài, giọng nói, âm nhạc hay các trạng thái dịu dịu, thanh thản, căng thẳng hay cáu gắt, tất cả đều tác động như những thông điệp lên bào thai.

Một sinh linh bé nhỏ chào đời

Trong khoảng 6-7 tuần, những chỗ phồng lên nho nhỏ bắt đầu xuất hiện hai bên sườn phôi thai, rồi kéo dài

thành các chồi để sau này sinh ra các chi. Các chồi nhú lên khắp nơi trên cây mùa xuân: cho cái miệng nguyên sơ và hai hàm tương lai, cho cái mũi, đôi mắt, lưỡi,... Đến 25 ngày, chúng ta sẽ thấy một tác phẩm của Picasso, đến 32 ngày là một E.T. - một sinh vật đến từ không gian với cái đầu to bằng nửa thân mình; đến 42 ngày, con quỷ Ireland và cái đuôi dài tua tủa các đốt sống như một con rồng. Sau đó đến con mắt, dây thần kinh thị giác và mí mắt, dạ dày, gan, tuyến tụy, cột sống, hai quả thận, các cơ. Sang tuần thứ 9, với các nếp gấp nơi khuỷu tay trên cánh tay bây giờ dài ra, các ngón chân và hai bàn tay, chân...

Trong “nhà máy” phi thường này, mọi cơ quan chủ yếu của cơ thể hình thành nhờ dòng máu nóng của mẹ và không có thời gian chết - kênh chuyển động không bao giờ dừng lại, trừ phi...

Bộ não làm nên những điều phi thường với sự phân chia các tế bào thần kinh (neuron) mới, với nhịp độ kinh khủng 100.000 neuron/giờ! Bất ngờ, đến 8 tuần, cơn lốc ngưng lại cũng nhanh như lúc bắt đầu: cái đầu dẹt lên, đôi mắt mở to, hai tay và chân đã hoàn thành, ngón cái và ngón trỏ đối diện nhau, trái tim ngăn thành hai tâm thất và đập 80 mạch/phút: phôi đã hoàn thành. Từ bây giờ nó được gọi là thai nhi.

Ngoài ra, thai cũng có tư thế riêng và cái vẽ giống con ếch với con mắt nằm ở hai bên. Nhưng sau đó hai mắt này sẽ từ từ xích lại gần nhau về phía trước đầu và nhanh chóng đem lại cho chúng dáng vẻ giống con người hơn.

Và đôi môi hình thành. Đến 56 ngày, tất cả các cơ quan trở nên khác biệt với nhau. Lúc này, con người nhỏ bé xoay đầu, động đậy cánh tay và chân. Được 12 tuần, thai đạt đến tuổi mà phôi tính bắt đầu xuất hiện. Tuổi mà, theo các nhà phôi học, “thai bắt đầu tỏ rõ các thay đổi cá nhân, chắc chắn dựa trên những hành vi kế thừa từ cha mẹ”. Tuổi mà thai bắt đầu mút ngón tay cái. Đây cũng là giai đoạn thai dễ chết trong tử cung dưới một cú sốc nào đó.

Khi mối nguy hiểm không còn, đứa bé lớn lên nhanh chóng: 20 cm với 250 gram vào tháng thứ năm. Và trái tim của nó đẩy 144 lít máu/ngày xuyên suốt cơ thể, đập như tim lực sĩ. Hơn nữa người ta có thể nghe được nó qua bụng mẹ. Đứa bé ngủ và mút ngón tay cái. Nó tư duy. Đôi mắt nhắm.

Tháng thứ 8 là tháng của giấc mơ. Tháng thứ 9, cuối cùng, là tháng đứa bé biết “đi” về sinh. Một làn da hồng hào bắt đầu thủng ra, hình thành những móng tay - chân xinh xắn, lông mày, lông mi và tóc. Đã đến thời gian nó chuẩn bị chào đời. Lúc đó nó chậm chậm bơi xoay người lại. Con đường đi qua đã mở, khung chậu người mẹ lật đảo (một sự hoàn thiện mà bộ xương đàn ông không có khả năng). Đến một ngày nó nghe và cảm nhận một lực tổng nó ra ngoài qua một “khung cửa hẹp”. Phần sọ trước rồi đến cái đầu... Một con người bé nhỏ vừa chào đời.

Giải mã bí ẩn rừng nhiệt đới nhiều loài hơn rừng ôn đới

Cây rừng nhiệt đới tiến hóa nhanh gấp đôi so với anh em họ của chúng ở vùng ôn đới. Điều này có thể giải thích tại sao các vùng nhiệt đới lại có số lượng loài nhiều hơn hẳn những vùng khác.

Một nghiên cứu của New Zealand đã đo tốc độ thay đổi ADN trong hàng triệu năm qua của 45 cặp loài cây thân gỗ có họ hàng gần gũi.

“Với mỗi cặp, chúng tôi sử dụng hai loài có họ gần nhau, một từ vùng nhiệt đới và một từ vùng ôn đới”, đồng tác giả của nghiên cứu - tiến sĩ Len Gillman từ Đại học Công nghệ Auckland cho biết.

Nghiên cứu so sánh các loài như cây có quả hình nón, thông kauri, cây keo ở các vùng nhiệt đới tại Australia, Papua New Guinea và vùng Amazon với họ hàng của chúng ở những vùng ôn đới tại các nước như New Zealand, Mỹ, và đảo Tasmania của Australia.

Bằng việc so sánh một đoạn ADN đặc biệt trong mỗi cặp và với tổ tiên chung của chúng, nhóm nghiên cứu có thể tính ra tốc độ biến đổi và tiến hóa.

“Chúng tôi phát hiện thấy số thay đổi trong các loài nhiệt đới nhiều gấp đôi”, Gillman nói. “Nếu bạn có tốc độ

tiến hóa nhanh gấp đôi, nghĩa là bạn có nhiều hơn hai lần cơ hội phát sinh và tích lũy loài mới”.

Nhóm nghiên cứu phỏng đoán tốc độ tiến hóa nhanh hơn ở thực vật nhiệt đới là do tốc độ tăng trưởng và trao đổi chất nhanh hơn. Sự trao đổi chất nhanh hơn sẽ khiến tế bào phân chia nhiều lần hơn và gia tăng cơ hội đột biến.

Những sự trùng hợp kỳ lạ

Trong cuộc sống có những sự trùng hợp khó tin và không thể giải thích được khi đó một cách tự nhiên, người ta bắt đầu nghĩ đến khía cạnh bí ẩn của số phận.

Liệu có thể giải thích những chuyện trùng hợp kỳ lạ là trò chơi của sự ngẫu nhiên hay khoa học có những thuyết khác về vấn đề này?

Ngày 28/7/1900, Vua Italy Umberto I ăn tối trong nhà hàng ở thành phố Monza. Người ta được biết chủ của nhà hàng cũng có tên Umberto, sinh ra cùng ngày với nhà vua, trong cùng một thành phố, vợ của họ có cùng một tên, đám cưới cũng diễn ra trong cùng một ngày, còn nhà hàng khai trương đúng vào ngày nhà vua lên ngai vàng.

Nhà vua và người dân thường này rất vui vẻ nhân cuộc gặp gỡ kỳ lạ này và thống nhất sang ngày hôm sau sẽ đến sân vận động. Nhưng đến buổi sáng, chủ nhà hàng Umberto đột ngột qua đời, nhà vua tỏ lòng tiếc thương và chỉ vài giờ sau ông bị một kẻ vô chính phủ bắn chết. Số phận của họ chỉ không giống nhau ở điểm hai người chết ở hai nơi khác nhau.

Vào năm 1944, vài ngày trước khi quân đồng minh đổ bộ lên Normandy, trên tờ *Daily Telegraph* ở Anh có in một trò đoán ô chữ "vô hại", nhưng đáp án của nó là mã của

chiến dịch mấu chốt trong lịch sử Chiến tranh thế giới thứ hai, thậm chí cả tên của chiến dịch nhảy dù Overlord. Tình báo Anh đã phải sửng sốt: chiến dịch có thể sẽ hoàn toàn đổ vỡ. Tuy nhiên, người ta tìm hiểu được là các ô chữ này do một thầy giáo phổ thông không liên quan gì tới vấn đề quân sự lập ra.

Vào năm 1896, nhà văn viễn tưởng Morgan Robertson đã xuất bản ở London cuốn tiểu thuyết *Cái chết của Titan* về chuyến đầu tiên và cũng là cuối cùng của chiếc tàu thủy chở khách lớn nhất thế giới, đã lâm nạn vì đụng vào núi băng trôi. Chiếc tàu hư cấu "Titan" và chiếc "Titanic" có trên thực tế, bị chìm vào năm 1912, giống nhau cả về vẻ ngoài và các điểm đặc trưng của tàu, thậm chí giống cả về số nạn nhân. Chiếc "Titan" được viết trong sách cũng lâm nạn vào tháng 4/1912...

Ngày 6/8/1978, vào 21 giờ 40, chiếc đồng hồ báo thức yêu thích của Giáo hoàng Paolo VI bỗng nhiên reng. Nó đã hoạt động suốt 55 năm mà không hỏng hóc gì và vẫn được để reng vào 6 giờ sáng, nhưng chính vào thời điểm đó chủ nhân của nó đã kết thúc cuộc sống trên thế gian.

Nghệ sĩ nổi tiếng Antony Hopkins, khi nhận vai trong phim *Những cô gái ở đường Petrovka*, đã không sao tìm mua được cuốn tiểu thuyết này, nhưng ông lại nhặt được trên chiếc ghế ngoài đường chính cuốn sách như vậy với lời đề tặng của tác giả dành cho đạo diễn phim.

Làm sao có thể giải thích sự trùng hợp ngẫu nhiên số

phận bi thảm của các tổng thống Mỹ được bầu lên trong những năm có số kết thúc bằng số 0? Các tổng thống Lincoln (1860), Garfield (1880), McKinley (1900), đều bị giết, Harrison (1840) chết vì viêm phổi, Roosevelt (1940) chết vì viêm tủy xám, Harding (1920) bị nhồi máu cơ tim. Tổng thống Reagan bị mưu sát vào năm 1980.

Trong năm 2000 ông Bush bước vào Nhà Trắng. Số phận đã bảo vệ bản thân ông, nhưng chính trong thời gian ông cầm quyền, tại Mỹ đã xảy ra vụ khủng bố ngày 11/9 khủng khiếp nhất trong lịch sử.

Những hiểu lầm phổ thông nhất

“Kẹo cao su bảy năm mới phân hủy” là câu đề hù dọa những đứa trẻ tinh nghịch. Vạn Lý Trường Thành không khá hơn kim tự tháp Giza khi nhìn từ Mặt trăng. Còn ở Nam bán cầu, nước không “chảy giạt lùi” như truyền thuyết...

Kẹo cao su bảy năm mới bị phân hủy

Mặc dù kẹo cao su có thể được chứng minh là lâu phân hủy hơn các loại thực phẩm hữu cơ khác, song nó không gây ảnh hưởng đặc biệt nào với hệ tiêu hóa. Các bác sĩ cho biết câu chuyện về kẹo cao su bảy năm mới tiêu hóa được chỉ là để ngăn bọn trẻ khỏi nuốt thứ chất dính này.

Vạn Lý Trường Thành là kiến trúc nhân tạo duy nhất thấy được từ Mặt trăng

Có một vài thay đổi trong thông tin này, và chúng đều sai. Các nhà du hành có thể nhận ra Vạn Lý Trường Thành từ một độ cao nào đó, cùng với rất nhiều công trình khác như kim tự tháp Giza và thậm chí cả đường băng của một số sân bay. Nhưng họ không thể nhìn thấy Trường Thành từ Mặt trăng.

Con người chỉ sử dụng 10% não bộ

Thông tin này đã xuất hiện ít nhất 1 thế kỷ. Nhưng may mắn thay, nó chẳng đúng chút nào. Ảnh chụp MRI đã cho thấy rõ ràng - vỏ não hầu như ở trạng thái hoạt động hữu ích, ngay cả khi đang chợp mắt.

Nước chảy giạt lùi ở Nam bán cầu do sự quay của trái đất

Không chỉ lực quay của trái đất quá yếu để có thể ảnh hưởng đến hướng chảy của nước trong một ống dẫn, các thử nghiệm mà bạn có thể tự làm dễ dàng trong bồn rửa mặt sẽ cho thấy nước xoáy theo cả hai chiều phụ thuộc vào cấu trúc bồn, không phải là bán cầu.

Động vật có thể dự báo thảm họa thiên nhiên

Không có bằng chứng nào cho thấy động vật sở hữu giác quan thứ sáu bí ẩn cho phép chúng dự đoán thảm họa tự nhiên. Chỉ riêng khả năng ngửi, nghe và sự nhanh nhẹn bẩm sinh cũng đủ giúp chúng thoát khỏi những sườn núi trong một cơn bão hoặc một trận sóng thần. Và hơn nữa, động vật thường chết trong các thảm họa thiên nhiên; vì vậy nếu chúng có một hình thái nào của giác quan thứ sáu, thì nó cũng không tác dụng lắm!

Tóc và móng tay vẫn tiếp tục mọc sau khi chết

Mặc dù tóc và móng tay dường như vẫn dài ra sau khi

chết, nhưng điều này chỉ đơn thuần là ảo giác quang học. Cơ thể người chết bị mất nước nghiêm trọng, kéo co da khiến cho móng tay và tóc lộ ra nhiều hơn.

Đồng xu rơi từ đỉnh tòa cao ốc có thể giết chết người đi bộ?

Một đồng xu không phải là vũ khí có khả năng động học lớn nhất mà còn do sự kết hợp của hình dáng và lực cản của gió, có nghĩa rằng, nếu được thả từ độ cao 380 mét của tòa nhà Empire State Building, nó sẽ bay nhanh chỉ đủ để làm đau nhói một người đi bộ không may mắn.

Không có lực hấp dẫn trong vũ trụ

Khái niệm “không trọng lực” là thủ phạm cho sự hiểu lầm này. Lực hấp dẫn có ở khắp mọi nơi, ngay cả trong vũ trụ. Các nhà du hành có vẻ nhẹ đi vì họ đang ở trong trạng thái rơi tự do liên tục về trái đất, và lơ lửng vì những cử động theo phương ngang. Ảnh hưởng của lực hấp dẫn nhỏ dần khi khoảng cách tăng lên, nhưng không bao giờ thực sự biến mất. Ngoài ra, cũng không đúng khi nói vũ trụ là chân không. Có nhiều loại nguyên tử ở đó chứ, mặc dù đôi khi chúng ở xa nhau (và lớp khí mỏng này cũng góp phần vào lực hấp dẫn).

Gà mất đầu vẫn sống

Đúng, và không phải chỉ trong vài phút. Một con gà có thể lao đảo bước đi sau khi bị cắt đầu, vì gốc não - phần

thường còn lại một ít sau khi bị cắt - kiểm soát hầu hết các phản xạ của nó. Đã từng có một con vật như vậy sống khỏe mạnh 18 tháng liền.

Quy luật giây thứ năm

Bạn cứ ngỡ rằng bánh rơi xuống sàn sau 5 giây mới tiếp xúc với vi khuẩn, đủ thời gian để nhặt nó lên cho vào miệng. Không may, các thử nghiệm (và logic) xác định rằng vi khuẩn có thể bám vào hầu hết thức ăn hầu như ngay lập tức.

Mèo rơi bao giờ cũng chạm chân xuống đất

Các nghiên cứu đã chứng tỏ rằng, khi bị rơi từ hầu hết các độ cao, mèo có thể hạ xuống an toàn trên đôi chân. Nhưng điều này thay đổi khi nó bị rơi ngược từ một độ cao chỉ chưa đầy 0,3 mét hoặc hơn. Cũng khuyến cáo bạn không nên tự mình thử điều này ở nhà.

Người lớn không có thêm các tế bào não mới

Phần lớn vùng não quan trọng của con người phát triển mạnh trong thời niên thiếu, nhưng nó cũng không giảm đi ở đó. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng các neuron tiếp tục sinh ra và thay đổi nhanh trong những năm trưởng thành.

Giải mã bí ẩn thuật thôi miên

Từng được sử dụng từ lâu trong y học cũng như trong giải trí, thuật thôi miên - một trong những bí ẩn lớn nhất của con người - đang dần được giải mã nhờ nghiên cứu của các nhà khoa học Mỹ.

Từ thế kỷ 18, người ta đã phát hiện ra rằng trí não có thể bị ám thị điều khiển để sai khiến cơ thể. Nhưng sau hàng thế kỷ sử dụng thuật thôi miên để gây mê và chữa bệnh cho bệnh nhân, người ta vẫn chưa thể trả lời liệu đó chỉ là sự tuân theo ám thị của nhà thôi miên, hay là một dạng tập trung cao độ khi môi trường xung quanh đã ra khỏi ý nghĩ của người được thôi miên? Những nghiên cứu gần đây đã giải mã được phần nào cơ chế tác động của thôi miên lên nhận thức của con người, dẫn tới việc người bị thôi miên hành động theo ám thị.

Trong những thí nghiệm mới của mình, Michael Posner - Giáo sư thần kinh học tại Đại học Oregon (Mỹ) - và các đồng sự đã ghi lại những thay đổi trong quá trình xử lý thông tin của não người. Thường thì thông tin mà cơ thể tiếp nhận sẽ được chuyển đến vùng cảm giác sơ cấp trong não, để từ đó lại được chuyển lên những vùng chức năng cao hơn, nơi diễn dịch thông tin. Kết quả nghiên cứu cho

thấy, điều đáng ngạc nhiên là lượng thông tin chuyển xuống nhiều gấp 10 lần lượng thông tin chuyển lên, cũng có nghĩa là những gì con người nhìn, nghe thấy và tin vào là dựa trên quá trình xử lý thông tin từ trên xuống. Các dữ liệu ở mức xử lý sơ cấp có thể bị ghi đè lên phụ thuộc vào các kết quả diễn dịch thông tin của trung tâm xử lý thông tin cao nhất. Mô hình xử lý thông tin này cũng giải thích vì sao thôi miên, với bản chất là tạo ra một quá trình xử lý thông tin từ trên xuống, có thể gây ra ám thị mạnh mẽ.

Theo kết quả nghiên cứu tiến hành trong hàng chục năm của tiến sĩ David Spiegel - nhà tâm lý học tại Đại học Stanford, 10-15% người lớn rất dễ bị thôi miên, so với tỉ lệ 80-85% ở những trẻ dưới 12 tuổi, lứa tuổi mà chu trình xử lý từ trên xuống chưa hoàn chỉnh; trong khi đó khoảng 20% người lớn rất khó bị thôi miên.

Tiến sĩ Amir Raz - Giáo sư thần kinh học tại Đại học Columbia - lại nghiên cứu tác dụng của thôi miên bằng cách sử dụng bài test Stroop. Ông cho 16 người, trong đó một nửa là những người rất dễ, nửa kia là những người rất khó bị thôi miên, nhìn những chữ cái ghi tên các màu nhưng lại có màu trái ngược với nghĩa của chúng. Sau khi ám thị cho họ rằng đó là những từ tiếng nước ngoài mà họ không hiểu, ông yêu cầu họ ấn vào nút chỉ màu thật của chữ cái. Ở những người dễ bị thôi miên, hiệu ứng Stroop (người biết chữ có phản xạ phải đọc trước khi ấn nút nên mất thời gian giải quyết sự xung đột thông tin) không còn, họ có thể chỉ ra màu ngay lập tức. Còn với những người

khó bị thôi miên, hiệu ứng Stroop thắng thế, khiến họ chậm hơn.

Kết quả scan não của hai nhóm được so sánh với nhau đã cho thấy sự khác biệt. Trong nhóm dễ bị thôi miên, vùng thị giác trong não thường mã hóa các chữ cái hiển thị và vùng não chuyên dò tìm những xung đột thông tin đã không hoạt động. Quá trình xử lý thông tin từ trên xuống đã áp đảo việc xử lý của não (đọc và xử lý thông tin trái ngược nhau) theo đúng trình tự từ dưới lên, nhưng chính xác điều đó xảy ra như thế nào vẫn còn là điều bí ẩn.

Một số nghiên cứu gần đây từ các hình ảnh của não cũng chỉ ra cơ chế tương tự. Theo tiến sĩ Stephen Kosslyn - nhà thần kinh học tại Đại học Harvard, con người nghĩ rằng các hình ảnh, âm thanh từ thế giới bên ngoài tạo ra sự thật, nhưng não lại xây dựng ngân hàng dữ liệu của nó dựa trên kinh nghiệm từ quá khứ. Sự thú vị của thôi miên là ở chỗ nó tạo ra thông tin sai lệch. "Chúng ta tưởng tượng ra điều gì đó khác biệt, và nó trở thành 'sự thật'" - Spiegel nói.

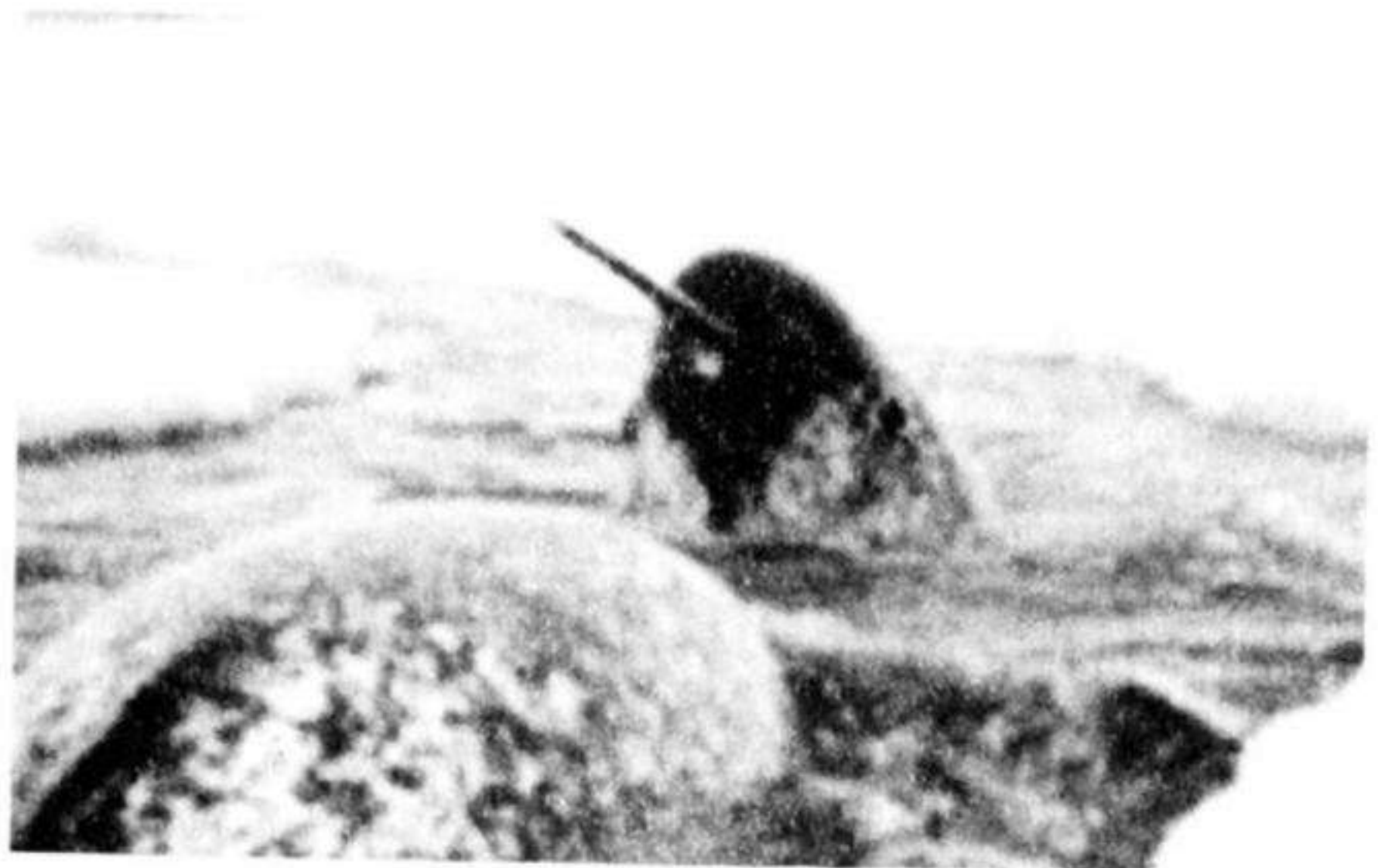
Giả thuyết bí ẩn của cá voi kỳ lân

Trong hàng trăm năm, mục đích sử dụng chiếc ngà của kỳ lân biển, hay cá voi kỳ lân, đã làm rối trí các nhà khoa học. Đó là một bí ẩn của sự tiến hóa đi ngược với rất nhiều quy luật về răng của các loài thú được biết đến tới nay.

Một nghiên cứu mới đây phỏng đoán loài cá voi này sử dụng ngà của nó để xác định độ mặn của nước và tìm kiếm thức ăn. Và con đực có thể cọ xát ngà vào nhau như là một giác quan chưa hề được biết tới.

Kỳ lân biển có chiều dài 4-4,5 mét và cân nặng khoảng 1-1,6 tấn. Nhiều con có một chiếc răng (hay ngà) dài 2,4 mét, trổ ra ở bên trái của hàm trên. Rãnh xoắn độc nhất trên chiếc ngà này, sự bất cân xứng của nó sang phía trái và sự hiện diện kỳ lạ của nó trên hầu hết các con đực và

*Kỳ lân biển với
chiếc sừng dài.
Ảnh: LiveScience*



một số con cái đều là những đặc điểm độc nhất vô nhị về răng trong các loài thú.

Sau bốn chuyến đi tới vùng Bắc cực cận Canada để nghiên cứu kỳ lân biển, Martin Nweeia từ Trường Nha khoa Harvard đã khám phá ra rằng răng của kỳ lân biển, mặc dù bề ngoài cứng rắn, song lại có khả năng nhạy cảm đáng nể. Với 10 triệu mỗi liên kết thần kinh nhỏ xíu chạy từ trung tâm thần kinh của ngà tới bề mặt bên ngoài, chiếc ngà giống như một cái màng có bề mặt ngoài cực nhạy và có thể phát hiện những thay đổi rất nhỏ trong nhiệt độ, áp suất nước biển.

Nhờ khả năng phát hiện những thay đổi nhỏ trong nước, kỳ lân biển có thể nhận ra độ mặn của nước cũng như những xao động xung quanh con mồi, và điều này sẽ giúp chúng sống sót trong môi trường băng giá Bắc cực.

Trước kia, các nhà khoa học đã đưa ra nhiều giả thuyết để giải thích về chức năng của chiếc ngà này, mặc dù chưa có ý kiến nào được chấp nhận dứt khoát. Một trong những giả thuyết phổ biến cho rằng chiếc răng dài kỳ lạ được dùng để thể hiện sự gây hấn giữa các con đực, trong cuộc chiến giành ngôi thứ. Giả thuyết khác cho rằng đó là một đặc điểm giới tính phụ, giống như bộ lông của chim công đực hay chiếc bờm sư tử đực.

Phát hiện mới đây đã mở ra hướng mới trong điều tra khoa học.

Khám phá ngoạn mục về thực vật ở Cameroon

Cuộc khảo sát 10 năm ở Cameroon của các nhà khoa học tại Vườn Bách thảo Hoàng gia Anh ở Kew thực hiện đã tiết lộ hơn 200 loài thực vật chưa từng biết đến trước nay.

Vùng Kupe-Bakossi ở đất nước này có sự đa dạng về thực vật cao hơn bất kỳ vùng nào khác ở châu Phi. Nổi bật trong số đó là các loài cà phê, hoa lan tuyệt đẹp và những họ hàng mới của loài sung. Nhóm nghiên cứu cho biết, công trình của họ đã đưa đến những sáng kiến bảo tồn ở địa phương.

Kupe-Bakossi nằm cách Douala, thành phố lớn thứ hai của Cameroon, 100 kilômét về phía bắc. Bắt đầu khảo sát từ năm 1995, nhóm nghiên cứu đã tìm thấy ở đây 2.240 loài thực vật khác nhau - khoảng 1/10 trong số chúng là mới với khoa học.

“So với bất kỳ vùng nào từng được khảo sát ở châu Phi, vùng này chứa số loài cao nhất”, thành viên dự án bảo tồn của Kew, Ben Pollard, nhận định. “Chúng đa dạng từ những loài cây tí hon như *Macropodiella pellucida*, nằm gọn trên một móng tay, tới những tán cây cao hơn 45 mét”.

Kupe-Bakossi là vùng có đa dạng sinh học cao, với hai

núi lửa đã tắt, các thung lũng ven sông, đồng cỏ và một vài cánh rừng ẩm ướt nhất châu Phi. Sự đa dạng sinh thái này là một trong những lý do vì sao các loài vật tìm thấy đất sống ở đây.

Tuy nhiên, hơn 200 loài thực vật trong vùng cũng đang đứng trước nguy cơ tuyệt chủng do những hoạt động của con người ven khu vực này.

Bí ẩn của những giấc mơ

Cuốn sách Dreaming Beyond Death (Những giấc mơ cận tử) kể về giấc mơ của một số người vào thời điểm cận kề cái chết - một cố gắng nữa của con người trong việc giải mã giấc mơ.

Là một nữ giáo sĩ làm việc trong nhà tế bần Marin (California, Mỹ), 10 năm nay, Patricia Bulkley tiếp xúc với cảm xúc thật nhất của những người đang chờ đợi cái chết - nỗi sợ hãi khi sắp phải từ giã cõi đời, những khúc mắc của gia đình còn chưa giải quyết, sự khủng hoảng lòng tin... Chẳng hạn như Charles Rasmussen - một thuyền trưởng tàu buôn nghỉ hưu và sắp chết vì bệnh ung thư - đã bị nỗi sợ hãi gặm nhấm cho đến khi, trong một giấc mơ, ông thấy mình đang giương buồm ra một vùng biển lạ vắng lặng, tối đen và mênh mông. "Lạ thay, tôi không còn sợ chết nữa" - Charles tâm sự với Bulkley sau khi kể cho bà về giấc mơ của mình. Đối với Charles, từ lúc ấy, cái chết không còn là sự kết thúc, mà chỉ khởi đầu một hành trình mới.

Đó chỉ là một trong nhiều giấc mơ được Bulkley nhắc đến trong cuốn sách đang gây tiếng vang lớn mà bà cùng viết với con trai là Kelly Bulkley, cựu giám đốc Hiệp hội Nghiên cứu Giấc mơ Quốc tế. Đây là tác phẩm đầu tiên về sức mạnh của sự sống trong những giấc mơ khi ai đó gần

kề cái chết. Chúng có thể giúp họ xua tan nỗi sợ hãi, tìm ra ý nghĩa lớn hơn của sự sống, thậm chí còn cải thiện được quan hệ của họ với người thân. Dù mới chỉ nghiên cứu sơ bộ, hai tác giả đã cung cấp những phân tích đáng chú ý, khi mà cho đến nay có rất ít nghiên cứu đầy đủ về những giấc mơ như vậy.

Những giấc mơ mang ý nghĩa hoặc có tính dự báo trước khi chết xuất hiện ở mọi nền văn hóa và tôn giáo, từ Trung Quốc, Ấn Độ tới Hy Lạp cổ đại. Trong giấc mơ, những người sắp chết thường thấy mình đi xa, hội ngộ với những người thân yêu đã qua đời, hay nhìn thấy những chiếc đồng hồ ngừng chạy. Thường những hình ảnh này rất đơn giản. Một phụ nữ mơ thấy ngọn nến trên bậu cửa sổ bệnh viện tắt phụt, nhấn chìm bà trong bóng đêm - biểu tượng của cái chết đang làm bà sợ hãi - cho đến khi ngọn nến đồng thời được thắp sáng bên ngoài cửa sổ. Một người đàn ông đang đấu tranh để tìm ý nghĩa cuộc sống của mình mơ thấy một sàn nhảy hình vuông, trên đó các đôi nhảy để lại những dấu vết chuyển động trông giống như những dải ruy-băng kết thành một tấm đan. "Luôn có một kế hoạch sau tất cả, phải vậy không?" - người đàn ông hỏi Bulkley sau giấc mơ đó.

Nhưng không phải mọi giấc mơ trước khi chết đều dễ chịu. Chúng cũng có thể làm họ sợ hãi, với cảnh bị đuổi bắt qua một thành phố đổ nát, va vào một chiếc xe không người lái rồi rơi xuống hào nước, hoặc trú ẩn trong nhà thờ nhưng lại gặp một cơn bão cuốn đổ mái nhà. "Tôi

từng gặp những bệnh nhân khi tỉnh dậy đập âm âm vào tấm nệm đầy kích động, vật lộn với ý nghĩ rằng họ sẽ thua trong trận đấu này” - Rosalind Cartwright, Giám đốc Nghiên cứu Khoa học Hành vi tại Trung tâm Y tế ĐH Rush (Mỹ), cho biết. Những giấc mơ này cảnh báo những vấn đề chưa được giải quyết của bệnh nhân. Nhưng nỗi sợ hãi cuối cùng lại có thể giúp họ tìm thấy sự thanh thản. “Phớt lờ chúng sẽ gây nguy hiểm cho bạn” - Cartwright nói.

Những nhà nghiên cứu nhận thấy các giấc mơ trước khi chết thường khẩn thiết hơn, sống động hơn, và dễ nhớ hơn là những mẫu giấc mơ chấp nối thường ngày. “Trong suốt cuộc đời, vào những thời điểm khủng hoảng hoặc quá độ nào đó, nhu cầu mơ được đẩy lên cao” - nhà tâm lý học Alan Siegel, đại học California, nói. Trước một sự kiện càng kịch tính, càng có nhiều giấc mơ về việc giải quyết những chuyện tình cảm có liên quan. Song bản chất của những giấc mơ đó là gì? Liệu những giấc mơ trước khi chết có phải là bằng chứng cho sự hiện hữu của Chúa Trời? Bí mật của giấc mơ mới chỉ vừa được hé mở, và vẫn đang chờ được giải đáp trọn vẹn.

Bí ẩn trụ sắt không gỉ

Tại vùng nông thôn miền tây Ấn Độ từng sống một cây cột sắt được đúc vào thế kỷ thứ 5 Công nguyên. Cây cột cao 7m, được đúc từ thép đã tôi, đặc, trên đỉnh trang trí những hoa văn cổ.

Tương truyền cây cột sắt này được đúc để tưởng nhớ Vua Chandragupta. Nhưng điều làm người ta kinh ngạc là cột sắt đứng lộ thiên đã hơn 1.500 năm, trải qua không biết bao mưa gió cho tới tận ngày nay vẫn không thấy một



vết gỉ sét nào. Trong khi đó, sắt là kim loại rất dễ gỉ sau vài chục năm chứ không cần nói tới hơn nghìn năm.

Cột sắt đó cứ đứng đơn độc sừng sững dường như thách thức với tài trí thông minh khám phá của nhân loại, đồng thời cũng là tượng trưng cho nền văn minh Ấn Độ cổ.

Bí mật năng lượng bóng tối

Nó chiếm đến 3/4 những gì có trong vũ trụ. Nó kéo giãn không gian - thời gian giống như một mẫu cao su bình thường. Và nó khiến các nhà nghiên cứu phải quan tâm. Đó là năng lượng bóng tối, bí ẩn lớn nhất của vật chất.

Năng lượng bóng tối bao trùm khắp nơi trong vũ trụ. Nó có thể khiến toàn bộ các thiên hà chuyển động, nhưng ta không thể nhìn thấy nó. Đầu năm 1998, các nhà nghiên cứu phát hiện ra rằng vũ trụ đang giãn nở ra quá nhanh. Một kết quả không được mong đợi. Chắc chắn là cách đây khoảng 15 tỉ năm, vào thời điểm của vụ nổ Big Bang, vũ trụ cũng đã một lần đột ngột mở rộng: kích thước của nó tăng đến 1050 lần chỉ trong một tích tắc. Nhưng sự nở rộng kinh khủng này dần giảm đi theo dòng thời gian, dưới tác dụng của lực hấp dẫn vũ trụ (kéo các hành tinh, ngôi sao lại gần nhau).

“Chúng tôi cũng đã có bằng chứng về sự giãn nở ngày càng nhanh này nhờ vào một số ngôi sao cực sáng - ông Jean-Philippe Uzan, nhà vũ trụ học thuộc Viện Vật lý Thiên văn Paris giải thích - Đó là những ngôi sao ở thời điểm cuối cuộc đời đang tỏa ra một thứ ánh sáng phi thường, chiếu sáng cả vũ trụ như một ngọn đèn pha. Điều lợi là cường độ ánh sáng của các ngôi sao này luôn ổn

định. Vì thế chúng tôi có thể sử dụng nó như một phương tiện hữu hiệu để đo khoảng cách giữa chúng ta với ngôi sao sắp chết. Càng ở gần chúng ta, nó càng sáng hơn”.

Các nhà thiên văn học đã ghi vào danh mục một số lượng lớn các ngôi sao cực sáng này, sau đó họ tính toán khoảng cách giữa chúng và trái đất. “Nhìn chung, các ngôi sao cực sáng thường kém sáng hơn trước đây. Điều đó có nghĩa là chúng ta ngày càng ở xa chúng hơn là dự đoán. Nói cách khác, vũ trụ đã giãn nở nhanh hơn, khiến cho khoảng cách giữa trái đất và các ngôi sao cực sáng ngày càng tăng”.

Sự giãn nở của vũ trụ này trở thành bằng chứng đầu tiên cho sự tồn tại của năng lượng bóng tối. Các nhà nghiên cứu không có sự chọn lựa nào khác ngoài việc phát minh ra khái niệm “năng lượng bóng tối”, một dạng vật chất “đẩy” (bởi vì nó đẩy các thiên hà cách xa lẫn nhau), để giải thích sự tăng tốc mà họ quan sát được. Nhưng không thể tưởng tượng được các hạt mang nguồn năng lượng này như thế nào.

Một bằng chứng khác vừa được phát hiện vào tháng 10/2003. Lần này là từ các photon (các hạt mang ánh sáng). Các nhà nghiên cứu người Mỹ đã quan tâm đến các photon (quang tử) có hành trình dài, đi qua các đám thiên hà với hàng trăm triệu năm ánh sáng trước khi đến được trái đất.

Thông thường, năng lượng của một photon không bị

ảnh hưởng bởi chặng đường nó đi qua. Đó là trên lý thuyết. Thực tế, các photon được bổ sung thêm một chút xiu năng lượng từ bên ngoài. Một điều bất bình thường chỉ có thể giải thích bằng tác động của năng lượng bóng tối. Nó góp phần giúp các photon thoát khỏi lực hấp dẫn.

Những suy đoán giúp các nhà khoa học ngày càng tiến gần đến năng lượng bóng tối, nhưng thực sự vẫn chưa chứng minh được nó. Vậy mà nguồn năng lượng này lại chiếm phần lớn trong tổng số năng lượng của vũ trụ.

Bí ẩn của những người sống sót sau sét đánh

Khi sét đánh vào đám đông, nó chỉ trúng vào một người. Tại sao vậy? Người “được chọn” khác gì với những người kia? Cơ thể của người đó về sau thay đổi ra sao? Những nghiên cứu mới đây đã cho phép giải đáp một số, nhưng không phải là tất cả bí ẩn từ giông tố.

Sét săn đuổi chúng ta

Xác suất sét đánh trúng một người dường như không lớn, tối đa là 1/600.000. Nhưng khả năng đó tăng theo từng năm. Số người bị sét đánh ngày càng tăng lên, mặc dù bản thân sét phóng không thường xuyên hơn - vẫn khoảng 8 triệu lần mỗi ngày. Ở Mỹ, các hãng bảo hiểm thống kê số nạn nhân bị sét đánh, trung bình mỗi năm khoảng 600 người. Hiện tại con số này đã thay đổi đáng kể - tăng tới 1.500 người. Vậy có phải sét săn lùng con người như những con thú săn con mồi?

Đôi khi thực tế có thể so sánh sét với một “cơ thể sống”. Một giáo sư đã đánh giá sét như sau: “Những mũi chổng sét dày đặc không làm sét lúng túng. Khi con đường thông thường đã bị chặn kín, sét tiến tới mục tiêu từ dưới, nó có đường vòng trong lòng đất”. Nhưng cho đến giờ người ta vẫn không hiểu được cái gì thu hút “cơ thể sống” này tới

một cơ thể sống khác là con người. Có những nhà khoa học, thậm chí nghiêm túc, cho rằng đó là do testosterone - hormone sinh dục nam. Họ không tìm thấy cách giải thích khác bởi 86% những người bị sét đánh là đàn ông, nhưng lực hấp dẫn của hormone này ở chỗ nào thì họ lại không nói rõ được, mặc dù khẳng định trong đám đông sét nhất định chọn người có lượng testosterone cao hơn.

Mồ hôi thoát ra, giày bị cháy thành than

Một điều không kém bí ẩn là tác động của sét khi nó xuyên qua cơ thể. Tưởng như điện tích hàng chục triệu volt và dòng điện hàng trăm ngàn ampere sẽ phải giết chết con người trong khoảnh khắc. Nhưng một số người không hiểu sao lại sống sót, mà không phải chỉ có một vài người như vậy. Ở Mỹ con số này là gần 900 người/năm. Đó là thông báo của Hội những người sống sót sau khi bị sét và dòng điện đánh (LS&ESSI). Theo bác sĩ thần kinh Nelson Hendler (Mỹ), những người này rất muốn để người ta nghiên cứu họ, nhưng ít ai lao vào vấn đề này vì cho rằng sét và dây dẫn trần hoạt động như nhau. Hóa ra không phải như vậy. Đôi khi sét không để lại dấu vết gì trên cơ thể, nhưng lại xuyên qua các bộ phận bên trong. Hoặc ngược lại, suốt qua bên ngoài nhưng làm cháy áo quần và giày. Đã có trường hợp khi trên cơ thể người mồ hôi đang trào ra, và sét chạm tới, tạo ra đám mây hơi bao bọc xung quanh. Những đồng xu trong túi quần một

người bị nóng chảy ra, biến thành một cục đồng, ở một người khác chiếc răng vàng bị chảy, người khác nữa bị chảy chiếc dây chuyền trên cổ và khóa kéo trên quần... Nhưng họ vẫn sống sót.

Các dây thần kinh “cháy” như dây dẫn

Những nghiên cứu cho thấy con người thoát chết bởi vì mặc dù luồng điện phóng có công suất lớn khủng khiếp nhưng chỉ “xuyên” qua cơ thể trong vòng vài phần triệu giây. Và không phải lúc nào cũng kịp đốt cháy. Cường độ tác động phụ thuộc vào trở kháng của các cơ quan và mô, trung bình khoảng 700 Ohm. Cường độ càng lớn, hậu quả càng nặng nề.

Theo bà Mary Enn Kuper, nhà nghiên cứu các chấn thương do sét và cũng là chuyên gia hồi sức của Mỹ, mạch điện của chúng ta - những sợi thần kinh, bị “cháy” đầu tiên. Trong trường hợp nhẹ nhất vỏ bảo vệ của các sợi này, về bản chất giống như lớp cách ly ở các dây dẫn, bị tổn thương. Tỉnh lại sau cơn sốc, nạn nhân thậm chí có thể không cảm thấy những thay đổi. Đôi khi tác động chỉ thể hiện sau vài tháng, khi các sợi thần kinh bắt đầu “đoản mạch” và tạo ra những chỗ tiếp xúc ở nơi lẽ ra không cần có. Điều đó giải thích một số vấn đề ở những người sống sót.

Thực tế nhiều thành viên của LS&ESSI than phiền về sự định hướng cử động kém, chứng co giật, ù tai, đôi khi

không kiểm soát được tiểu tiện, họ trở nên cáu gắt hơn. Một người đàn ông bị sét đánh thậm chí còn cạo trọc đầu, không phải vì đó là một mà do ông không chịu nổi việc tóc thường xuyên “lay động”.

Nhưng cũng có những tác động tích cực được ghi nhận. Một người tên Ian Glovache từ Cộng hòa Séc cho biết về sự hồi phục đáng kinh ngạc khả năng tình dục đã mất đi trước khi bị sét đánh. Theo bà Mary Enn, có thể ở anh ta đã xảy ra sự “đoản mạch” trong tủy sống và xuất hiện sự liên kết có tác dụng khôi phục việc truyền các xung thần kinh đảm trách sự cương cứng.

Phô-mai chảy

Có trường hợp sét đánh thẳng vào đầu. Khi đó hậu quả rất nghiêm trọng, từ nổ mắt, hôn mê và tê liệt hoàn toàn đến những hành vi cư xử lạ lùng. Một trong những bệnh nhân của tiến sĩ Hendler sau khi bị sét đánh đã “hồi tưởng” lại tuổi thơ và có hành vi như một đứa bé 2 tuổi. Người khác thì bị mất trí nhớ ngắn hạn, anh ta phải ghi ra giấy việc để đồ vật của mình ở đâu, nếu không sẽ không thể tìm thấy chúng. Ảnh chụp cộng hưởng từ cho thấy sét ngắt một phần đáng kể não của những người này. Nhưng thường những tổn thương bị ở từng điểm và cùng một lúc ở vài chỗ. Các nhà nghiên cứu thậm chí có thuật ngữ “đầu phô-mai Thụy Sĩ”, với nghĩa là những chỗ bị tổn thương nằm phân tán, như các lỗ hổng trên phô-mai

cứng. Không ai có thể nói trước “các lỗ hổng” xuất hiện ở đâu, nhưng rõ ràng những bất thường phụ thuộc vào vị trí của chúng.

Ông Harold Dean ở bang Missouri trở nên nổi tiếng vì ông không có cảm giác lạnh nữa. Thậm chí mùa đông ông chỉ mặc áo khoác. Chị Elen Vard ở Anh thì lại có cái mũi thính như mũi... chó. Lăn theo mùi, chị có thể tìm thấy các vật mà trước đó có người đã sờ vào. Còn Hunter Lunge ở Berlin lại có được khả năng toán học đáng kinh ngạc: nhân nhầm những số sáu chữ số. Nói một cách khác, sét có thể khiến con người giống như bị đột biến. Nhưng thú vị hơn là hóa ra trong não người còn tiềm ẩn những khả năng để hoàn thiện.

Cầu chì mất tác dụng

Có một số người sau khi bị sét đánh đã có thể nhìn xuyên qua người khác. Một phụ nữ có thể xóa các sọc từ trên thẻ tín dụng và các vé tàu xe bằng cách sờ tay vào. Bà bị tổn thương một vài chỗ ở thùy trán. Một người đàn ông bị “lỗ hổng” ở phần thái dương trái nói rằng anh ta cảm thấy như có bức xạ điện từ. Trên thực tế, anh xác định được trong dây dẫn đang có dòng điện hay không.

Thử nghiệm của các nhà khoa học cho thấy việc ngắt một vài phần não, đóng vai trò kiểu như cầu chì, có thể làm tăng khả năng làm việc của não. Nhưng ai biết được những chỗ nối mới hay “đoản mạch” trong mạng lưới

thần kinh sẽ dẫn đến hậu quả thế nào? Có vẻ như đôi khi sét có khả năng “hàn” các tiếp điểm, như trong vi mạch của máy tính. Sét không chỉ làm tê liệt hệ thần kinh mà nó còn làm nảy sinh những khả năng bất thường siêu tự nhiên.

Bí ẩn của sự nói dối

Chỉ với ba tác lừa, con người đã bóp méo mọi sự vật, hiện tượng. Chúng ta cũng thỏa hiệp với các dạng giả dối không lời như sử dụng mỹ phẩm, tóc giả, phẫu thuật thẩm mỹ, quần áo và những dạng trang trí khác để cải trang bề ngoài thực của mình.

Hơn một thế kỷ trước, nhà văn Mỹ Mark Twain đã viết: “Người ta giả dối bất cứ khi nào, cả trong lúc ngủ và lúc thức, trong lúc buồn và vui. Nếu bạn giữ được cái lừa của một người thì thái độ của anh ta cũng sẽ chuyển tải những sự giả dối khác”. Sự giả dối giống như một thứ kỹ năng, tồn tại trong mọi cá nhân và được chúng ta sử dụng hết sức thoải mái. Không chỉ có trên phim ảnh hay các ấn phẩm văn hóa, sự dối trá hiện diện xung quanh chúng ta theo cách này hay cách khác, và chúng ta tìm thấy ở đó những câu chuyện thú vị.

Đã có một số nghiên cứu ủng hộ quan điểm của Mark Twain, đó là những công trình khoa học vào năm 2004 do nhà tâm lý học Robert S. Feldman ở ĐH Massachusetts thực hiện. Ông đã ghi âm lên các sinh viên khi nói chuyện với người lạ, sau đó phân tích bằng và tính toán số lần họ nói dối: Hơn 60% đối tượng có biểu hiện nói dối trong khoảng thời gian mỗi 10 phút. Mức độ dối trá được sắp xếp từ thời phòng cho đến bữa đặt. Và thật thú vị: Nam giới và nữ giới có tần suất nói dối như nhau, nhưng trong khi phụ nữ có

khuyh hướng giả dối để đối tượng yên tâm thì sự giả dối của phái mạnh cốt để tự an ủi mình.

Trong một nghiên cứu khác do chuyên gia David Knox và Caroline Schacht ở Đại học East Carolina tiến hành, có đến 92% sinh viên thú nhận đã nói dối với người tình hiện tại hoặc trước đây. Trong khi từ lâu người ta đã biết rằng nam giới thường có xu hướng nói dối về số lượng các cuộc “chinh phạt tình ái” trong quá khứ, thì một nghiên cứu mới đây cho thấy phụ nữ lại thường không trung thực về mức độ trải nghiệm tình dục. Khi được yêu cầu hoàn thành bản tham vấn hành vi và thái độ tình dục bản thân, các đối tượng nghiên cứu là nữ cho biết chỉ có hai “cuộc tình” đi qua trong đời, trong khi kết quả từ máy phát hiện nói dối cho thấy kết quả thực nhiều hơn.

Những đơn cử trên đây chỉ là vài điển hình về sự giả dối mà khoa học ghi nhận. Và ngay cả các nghiên cứu về sự giả dối cũng có kết quả... không thật. Chúng ta cũng thỏa hiệp với các dạng giả dối không lời như sử dụng mỹ phẩm, tóc giả, phẫu thuật thẩm mỹ, quần áo và những dạng trang trí khác để cải trang bề ngoài thực của mình. Chúng ta lợi dụng các hương thơm nhân tạo để đánh lạc hướng dấu vết bản chất mùi thật của cơ thể. Chúng ta khóc với những giọt nước mắt cá sấu, làm giả một số cơ quan và phơi bày đồ dỏm trước bàn dân thiên hạ. Nhưng tất cả điều đó chỉ là một phần nhỏ của tấm thảm giả dối khổng lồ nhằm che đậy, bài trí cho bản chất không trung thực của chúng ta.

Nếu sự thật trần trụi làm cho mọi người cảm thấy khó chịu, chúng ta có thể lấy sự an ủi (con người không phải là loài duy nhất biết khai thác điều này!) để phục vụ hành vi giả dối của mình. Cây cối và nhiều loài động vật có thể liên lạc với nhau bằng thứ âm thanh “ảo”, phô bày các nghi thức tiếp cận, màu sắc, hóa chất lan truyền trong không khí và cả những phương thức chưa được biết khác, mà theo các nhà sinh vật học thì mục đích vẫn là chuyển tải thông tin và lừa phỉnh nhau. Một số loài hoa tỏa hương quyến rũ ong bướm, côn trùng để ăn thịt. Rắn đuôi chuông ngoe nguẩy chiếc đuôi như con giun để đánh lừa con mồi. Loài nhện nước tạo sóng để thu hút đàn cá đến và tóm lấy nạn nhân bằng ngón nghề điêu luyện... Khi biết càng nhiều, chúng ta càng ngờ vực nhau, và một số loài động vật có khả năng gửi đi những thông điệp không chính xác để đánh lừa đối tượng.

Vì sao con người dễ dàng lừa dối đến vậy? Một phần vì điều đó là chiếc vé cho sự thành công trong quá trình sinh tồn của chúng ta. Giống người cổ *Homo sapiens* đã từng giả dối để có thể tồn tại và phát triển trong những cuộc chiến dai dẳng vì sự trường tồn - động lực thúc đẩy tiến hóa. Dối trá để giúp nhau và dối trá ngay cả với chính bản thân mình - một sản phẩm tài năng được sản sinh từ não bộ - giúp chúng ta chấp nhận hành vi gian lận của chính bản thân và khách thể.

Bí ẩn “thế giới màu tím” của các loài chim

Trong khi con người chỉ nhìn được ba loại ánh sáng là đỏ, xanh lục và xanh dương, thì chim có thêm khả năng nhạy cảm với tia cực tím. Nói cách khác, đối với chim muông, chúng ta là những kẻ mù màu.

Philipp Heeb thuộc Đại học Lausanne (Thụy Sĩ) đã tìm hiểu về loài chim sáo đá và sơn tước, cách thức xử trí của chúng khi mang thức ăn về cho bầy con trong tổ. Vì không thể đáp ứng được tất cả trong một lần, vậy chúng chọn con nào để cho ăn trước tiên? Nhiều công trình nghiên cứu đã chỉ ra rằng, chim mẹ thấy chim con từ động tác hay tiếng chiêm chiếp của chúng. Nhưng Philipp Heeb lại tìm ra tín hiệu khác mà trước đây chưa từng biết đến: Sự phân phát thức ăn thay đổi tùy theo cường độ phản xạ tia cực tím trên cơ thể chim con.

Từ thập niên 1970, các nhà điều học đã biết rằng đa số các loài chim đều có thể cảm nhận được tia cực tím, giống như nhiều loài côn trùng, nhện, cá, bò sát và cả một vài loài có vú gặm nhấm. Vốn mạc của chim có một khác biệt cơ bản: Trong khi ở người chỉ có ba loại tế bào hình nón nhạy cảm với ánh sáng đỏ, xanh lục và xanh dương, loài chim lại có thêm một loại tế bào nhạy cảm với tia cực

tím. Con người không nhìn thấy một thế giới giống như chim đã thấy.

Trước kia, có rất ít công trình về đề tài này, nhưng từ 10 năm nay, các chuyên gia về tập tính chim muông đã có phương tiện để nghiên cứu tia cực tím bằng cách phân tích cường độ bức xạ ánh sáng nhờ quang phổ kế. Và các kết quả không ngừng khiến người ta bất ngờ.

Từ năm 1996, Andrew Bennett và Innes Cuthill ở Đại học Bristol (Anh) đã chứng minh khả năng nhìn phổ cực tím có liên quan đến việc lựa chọn bạn tình của một số loài chim. Khi gắn những dải băng phản chiếu tia cực tím cho chim nhận biết trống, họ nhận thấy rằng chim mái thích chúng hơn những chim trống bình thường.

Mới đây, nhiều nghiên cứu đã chứng minh rằng một số loài chim phát hiện được con mồi nhờ dấu vết nước tiểu phản chiếu tia cực tím. Như thế người ta khám phá những thông tin thị giác mà trước đây không ngờ tới, và chúng giải thích cho các tập tính đôi khi có thể chuyển vị sang loài khác. Trong năm vừa qua, các nhà khoa học Hà Lan đã phát hiện một điều thú vị: Chim sơn tước mái bị lôi cuốn nhiều hơn bởi chim trống có bộ lông phản xạ tối đa tia cực tím. Chim trống cũng cuốn hút kẻ thù hơn, và nếu chúng sống sót được là nhờ có thể chất khỏe mạnh. Hậu duệ của chúng có nhiều khả năng cũng giống như thế và sinh sản dễ dàng hơn.

Philipp Heeb quan tâm đến mối liên hệ cha mẹ và con cái của loài chim. Ông quan sát chim sáo đá con: "Tôi

thấy rằng khoé mỡ và cả da của chim con phản xạ tia cực tím. Vậy là tôi nghĩ rằng điều đó có thể đóng một vai trò trong việc nhận biết của chim bố mẹ". Ông đã cùng với cộng sự bắt tay so sánh sự tăng trọng của chim con "bình thường" với chim con phản xạ tia cực tím. Kết quả thật rõ ràng: Những chim sáo đá con bị trét một lớp gel ngăn tia cực tím tăng trọng ít hơn chim không bị trét gel. Nói cách khác, những chú chim con "tím" nhất sẽ nhận được thức ăn từ bố mẹ nhiều hơn.

Nhóm nghiên cứu cho rằng có thể chúng dễ được bố mẹ nhận ra trong cái tổ tối tăm. Họ cũng quan sát thấy có mối liên hệ giữa độ phản xạ tia cực tím với sức đề kháng của chim con. Như thế, phổ ánh sáng này là một tiêu chí chủ yếu đối với sự sinh tồn của chim con, một sự phân biệt của thị giác mà chúng ta hoàn toàn không nhận ra.

Hồ thủng - bí ẩn chưa được giải thích

Kirghizistan, miền Trung Á, có rất nhiều đỉnh núi cao đến 7.000 mét, con sông băng Inylchek chứa đựng một bí ẩn chưa giải thích được từ trăm năm nay, và là nơi duy nhất trên thế giới: cứ mỗi mùa hè, hồ Merzbacher lại cạn khô nước trong ba ngày. Tại sao?

Lần đầu tiên, các nhà khoa học cố gắng trả lời các câu hỏi đó.

Con sông băng khổng lồ Inylchek dài 65km, với hai nhánh chính hội tụ nhau cách đoạn cuối sông 15km. Tại chỗ giao nhau của hai nhánh, ở độ cao 3.300 m, đó là hồ Merzbacher, sâu 130 mét, một phần bị bao phủ bởi các núi băng trôi. Mỗi năm, nước hồ rút sạch đi trong ba ngày, vào khoảng đầu tháng 8.

Điều không thể đã diễn ra. Vào lúc 16 giờ ngày 6 tháng 8 năm 2004, hồ Merzbacher bắt đầu tự tháo cạn nước đi! (Cứ mỗi năm, hiện tượng lạ lùng trên lại xảy đến vào thời gian này). Với vẻ ngoài bình lặng, nước của nó dần dần đổ vào con sông băng Inylchek. Thấp hơn 30km và sau vài giờ, đến lượt thung lũng bao la bị ngập nước. Từ một con sông khiêm tốn trên núi, Inylchek đã trở thành một đại dương hung dữ, chiếm trọn cả không gian. Trong ba ngày đêm, chiếc hồ tháo sạch 250 triệu m³ nước của mình, chỉ

để lại trong lòng hồ các khối băng khổng lồ. Sau đó, hiện tượng nước rút hoàn toàn trong thung lũng. Con sông băng chấm dứt sự thay hình đổi dạng của nó. Còn hồ Merzbacher đã trống rỗng. Nhờ điều kỳ diệu nào mà hồ bắt nguồn từ sông băng này có thể tự tháo nước đi trong vòng ba ngày? Nước đã chảy đi đâu? Nước đã rút sạch như thế nào? Và bằng cách nào hồ lại đầy nước trở lại?

Các câu hỏi này đặt ra từ đúng một thế kỷ nay, khi nhà địa chất người Đức Gottfried Merzbacher khám phá chiếc hồ vào một ngày đáng nhớ trong năm 1904, và từ đó nó được mang tên ông. Với mong muốn phá vỡ bí ẩn của hồ Merzbacher, một đoàn thám hiểm quốc tế do GFZ ở Berlin tiến hành đã lên đường đến hồ này vào mùa hè năm 2004.

Ngày 19/7/2004. Khi đến Bichkek, thủ đô Kirghizistan, khó khăn đã lộ ra. Serguei Dushavili, một trong những lãnh đạo của đoàn thám hiểm, thông báo: “Có thể chúng ta buộc phải dùng ngựa cho bốn ngày đường, nếu như trực thăng không sử dụng được”. Không thể bỏ lại những người Nga, chiếm đại đa số trong đoàn, cho dù ở Kirghizistan chỉ có một chiếc trực thăng duy nhất. Nhưng rồi cuối cùng một chiếc MI-8 khổng lồ cũng xuất hiện đón chúng tôi sau hai ngày vất vả trên con đường xấu.

Chúng tôi dựng lên hai trại, cách nhau 20km: một trại nằm dưới chân con sông băng, nơi mà sông Inylchek bắt nguồn và trại thứ hai nằm ngay trên con sông, đối diện với hồ Merzbacher. Trong liên lạc vô tuyến hằng ngày với

nhau, chúng tôi gọi tên hai trại lần lượt là Paliana và Basa. Con sông băng được chia cắt thành nhiều khu vực, từ tây sang đông, và mỗi êkip chịu trách nhiệm nghiên cứu các khu vực gần với trại của mình. Lúc này hồ còn đầy nước, do chúng tôi đã quan sát trước bằng máy bay vào buổi sáng. Thậm chí là rất đầy nước, theo các phi công thường bay tới đây để thả các nhà leo núi xuống chân ngọn núi Khan Tengri cao 7.000 mét. Trong tháng 7, hồ Merzbacher đạt mức lưu lượng nước kỷ lục.

Mỗi người một giả thuyết riêng

Đặc điểm của mỗi cuộc thám hiểm là sự may rủi đè nặng trước các bí ẩn của tự nhiên. Cuộc thám hiểm của chúng tôi cũng không thoát khỏi quy luật đó. Chúng tôi muốn có nhanh những câu trả lời sau khi có mặt tại hiện trường được vài hôm. Tuy nhiên, cuộc thám hiểm được lên chương trình cho bốn năm. Mục tiêu của năm đầu tiên này là thiết lập mạng lưới các điểm GPS (hệ thống định vị toàn cầu) để đo đạc, nhờ vào các vệ tinh định vị mọi sự di chuyển của con sông băng. Tiến sĩ Wasili Michaljow, trưởng đoàn thám hiểm, dự đoán: “Có lẽ chúng ta sẽ có nhiều câu trả lời vào vài tuần nữa. Nhưng hiện thời chúng ta nên giảm thiểu bớt các giả thuyết”. Mặc dù vậy, các giả thuyết vẫn kích thích trí tò mò của mọi người. Lúc đó, Serguei Dudashvili đưa ra giả thuyết của mình:

Đã không có bất kỳ một lỗ thủng nào cho phép hồ

Merzbacher tháo nước đi, nhưng nhiều miệng lỗ bị tắc nghẽn do các khối băng khổng lồ. Vào mùa đông, các khối băng này vẫn còn áp sát bề mặt đáy nhiều lỗ xóp như là một loại rào cản tự nhiên. Nhờ thế mà chiếc hồ ngập nước, vì các “nắp van” vẫn bị đóng lại do hiệu quả của áp suất và nhiệt độ thấp. Khi mùa hè đến, nước nóng dần lên và các khối băng to bắt đầu tan chảy, cho đến lúc mà - theo Serguei - chúng mất đi sự bám dính, đột ngột trôi lên bề mặt. Hiện tượng này tương ứng với sự mở đột ngột các “nắp van”. Một giả thuyết như thế chỉ có thể đứng vững nếu như mực nước hồ dâng lên về phía hạ lưu cũng đột ngột không kém. Do đó chúng ta còn phải chờ đợi để biết sự thật nằm ở đâu.

Ngày 28 tháng 7 năm 2004. sáu ngày đã trôi qua kể từ lúc chúng tôi đặt chân đến trại Paliana. Chúng tôi kẻ ô vuông (khu vực một vùng) khoảng 10km². Độ cao trung bình 3.000 mét. Vì lý do an toàn, trại của chúng tôi nằm ở phía tây con sông Inylchek, điều đó khiến chúng tôi buộc phải lội nước để đến con sông băng. Nhiệt độ nước là 1 độ C.

Trong khi chúng tôi lắp đặt các cột mốc trên khu vực cuối sông băng, nhà nghiên cứu hang động Wasili Filipienko xác định được hai hang động khổng lồ. Ở cách hồ chưa đầy 2km, hai hang này có thể nằm trong mạng lưới thủy văn tiêu nước của chúng. Trong thời kỳ “nóng”, sự tan chảy và lưu lượng nước đóng băng trong hai hang động trên, không kể đến chiếc hồ đang đe dọa rạn vỡ bất

cứ lúc nào, không cho phép các nhà khoa học thăm dò chúng được. Sau hai lần mạo hiểm thâm nhập hang bất thành, chúng tôi đành bỏ cuộc. Công việc nghiên cứu hang động phải lùi sang mùa thu.

Ngày 1 tháng 8 năm 2004. Như không màng đến sự chờ đợi của đoàn thám hiểm, hồ Merzbacher vẫn cứ đầy nước. Serguei lúc đó đề nghị tiến về hướng nam. Ở đây sông băng rộng hơn, khoảng 4km và đặc biệt xáo trộn. Từ trại chúng tôi, phải mất 3 giờ đi bộ mới đến được vùng đất bí mật tách nước khỏi hồ, khỏi con sông băng nói riêng. Chúng tôi biết chiếc hồ thùng nằm tại vùng này, nhưng không có ai đến được đó. Điều gì xảy ra trong cái rào chắn tự nhiên này? Sự chuyển tiếp giữa yếu tố nước và băng đã diễn ra như thế nào?

Yếu tố đơn giản, và rất có thể giải thích cho sự tồn tại của chiếc hồ, là sự dâng lên của băng từ nhánh nam của con sông băng tại nơi này. Thay vì tan chảy cùng nhánh bắc trong một chữ Y hoàn hảo, như mọi con sông băng trên thế giới, nhánh này lại dâng lên hình thành một rào cản băng giá khiến nước hồ Merzbacher được giữ lại.

Chúng tôi không bao giờ đến được bờ nam của hồ. Càng đến gần, các núi băng càng to ra, hòa vào nhau và tạo ra nhiều khe nứt. Chúng tôi có một điều chắc chắn: mặt băng dâng lên này của nhánh nam là nguyên nhân của hiện tượng hồ thùng duy nhất trên thế giới. Không có sự bất thường này sẽ chẳng có chiếc hồ. Trong một thế kỷ, hồ Merzbacher dịch chuyển từ 2 đến 3km đến hạ lưu. Từ

nay rào cản băng giá rất gần chỗ giao nhau của hai nhánh sông, và có lẽ hồ sẽ biến mất trong một tương lai khá gần.

Ngày 3/8/2004. Kết thúc cuộc thám hiểm tạm thời. Chiếc hồ vẫn đầy nước. Tôi quyết định ở lại một mình cho đến lúc hồ cạn nước. Không phải tại trại Basa, nơi khó quan sát, mà trong thung lũng, cách 30km về phía dưới, nơi hiện tượng dâng nước sẽ rất ngoạn mục.

Ngày 5 tháng 8 năm 2004. Tatiana chia sẻ với tôi nhiều dấu hiệu cho thấy chiếc hồ bắt đầu rút nước: những điểm nước mới xuất hiện trong lòng sông, lưu lượng sông băng Inylchek tăng dần...

Cuối cùng, để giải được bí ẩn hồ thung Merzbacher, có lẽ chúng ta phải chờ vài năm nữa...

(Theo Vnexpress)

Sóng lừng -những điều chưa biết

Có hai loại sóng cực kỳ đáng sợ đối với những người đi biển: sóng thần và sóng lừng. Sóng thần là hệ quả của hoạt động mảng kiến tạo vỏ trái đất và đã được nghiên cứu khá kỹ, nhưng sóng lừng cho đến nay vẫn là hiện tượng gây nhiều tranh cãi.

Từ giữa mặt biển phẳng lặng, bất ngờ dựng lên một bức tường nước khổng lồ, đổ sụp xuống và tan biến... Đó là chân dung sơ bộ nhất về một cơn sóng lừng.



Sóng lừng - nguy cơ rình rập các con tàu biển.

Hai thủy thủ của chiếc tàu dầu khổng lồ Esso Langedoc mang quốc tịch Panama đã bỏ mạng vì sóng lừng ở vùng biển thuộc Ấn Độ Dương, gần Nam Phi. Theo lời kể của thuyền phó Philippe Lijour, lúc bấy giờ thời tiết tuy không tốt song chưa thể gọi là biển động. Bất ngờ từ mặt biển cách mạn tàu bên phải vài chục mét, một bức tường bằng nước dài hàng nghìn mét đột ngột dựng lên, chồm tới với cái lưỡi xoắn cuộn trên đầu, cản băng qua con tàu, chạy tiếp rồi đổ ụp xuống cách mạn trái tàu vài trăm mét. Buồng chỉ huy cao ngất ngheo, cả ngọn ăng ten là khoảng 30 mét tính từ mặt nước, vậy mà tất cả đều chìm ngập trong nước khi con sóng lướt qua. Sau phút kinh hoàng, người ta thấy thiếu hai trong số các thủy thủ bấy giờ đang làm việc trên boong. Họ đã bị lũ nước cuốn và nhận chìm xuống đáy biển khi nó đổ sụp xuống.

Tàu Esso Langedoc vẫn còn may mắn vì sóng lừng chỉ lướt qua. Năm 1980, trong vùng biển Nhật Bản, chiếc tàu chở hàng Derbyshire của Anh đã bị một con sóng lừng đổ ụp lên đầu và nhấn chìm ngay tức khắc. Toàn bộ thủy thủ đoàn 44 người bỏ xác nơi đáy biển.

Theo số liệu thống kê mới đây của Cơ quan vũ trụ châu Âu (ESA), trong hai thập niên gần đây nhất, có khoảng 200 chiếc tàu biển bị sóng lừng làm đắm, trong đó có 22 con tàu khổng lồ được mệnh danh là “không thể đánh chìm”. Tổng cộng hơn 600 người thiệt mạng. Còn theo tính toán của Trung tâm Nghiên cứu Tai nạn Hàng hải Đức thì trên khắp các đại dương, mỗi tuần có ít nhất hai

con tàu bị sóng lưng làm hư hại hoặc gây thiệt hại về người.

Từ đâu có sóng lưng?

Gió tạo nên sóng và chiều cao của sóng phụ thuộc và sức gió, thời gian thổi của gió và diện tích mặt nước mà gió thổi qua. Giả sử một cơn bão có gió cấp 12 (khá hiếm) lướt qua từ eo biển Trung Mỹ, băng qua bề mặt Thái Bình Dương, đến vùng biển Đông của Việt Nam, vượt quãng đường xấp xỉ 18.000km, thì sau một giờ di chuyển, nó tạo được những con sóng có độ cao trung bình 4,2 mét. Theo các tính toán, sau một ngày đêm, sóng do cơn bão này tạo ra sẽ cao trung bình 14,1 mét, sau một tuần, sóng đạt 20,7 mét, nhưng rồi dừng ở đó, không thể cao hơn được nữa, do nhiều yếu tố cản trở, trong đó quan trọng nhất là trọng lực.

Vậy từ đâu sinh ra những con sóng lưng cao hơn 25 mét? Lại càng khó hiểu khi sóng lưng cao trên 30 mét thường xuất hiện vào những lúc biển tốt, hoàn toàn không có gió lớn. Ngày 27/2/2003, tàu Perm của hải quân Nga đo được chiều cao của một con sóng lưng thuộc vào hàng kỷ lục: 34 mét - bằng chiều cao của tòa nhà 12 tầng! Các nhà khoa học còn cho rằng có thể có những con sóng lưng cao trên 50 mét dù cho đến nay chưa ai bắt gặp. Về lý thuyết, sóng lưng có thể xuất hiện trong lúc biển động và nếu một con sóng lưng trên 30 mét “đội” trên đầu mình

một con sóng 20 mét do gió tạo ra thì chiều cao tổng cộng rõ ràng trên 50 mét.

Xác suất xảy ra điều này là rất thấp, song không phải là bằng không. Năm 1995, trên vùng biển Bắc của Nga, trong một cơn biển động, sóng đã quét sạch mọi thứ trên một giàn khoan dầu của hãng Statoil mà lúc bình thường nó cao 41 mét so với mặt biển. Người ta nghi đây là loại sóng mẹ - con như đã nói ở trên.

Trong khuôn khổ chương trình lớn MaxWave của Cơ quan Vũ trụ châu Âu có một dự án mang tên WaveAtlas (Bản đồ sóng) với nhiệm vụ phát hiện hoặc dự báo về sóng lừng nhằm cảnh báo cho tàu thuyền trên các hải trình quan trọng. Các nhà khoa học thực hiện dự án này không thể nào lý giải nổi hiện tượng sóng lừng xuất hiện đơn lẻ nhưng cũng có thể xuất hiện thành cặp, thậm chí thành bộ ba, bộ bốn, bộ năm song song nhau. Lại nữa, sóng lừng có thể bất ngờ nhô lên, đứng nghều nghện vài phút rồi đổ sụp xuống, tan biến không để lại dấu vết, nhưng cũng có thể lừng lững tiến bước vượt hàng nghìn kilômét như bức tường nước di động, thậm chí cả trong trường hợp xuất hiện thành bộ ba, bộ bốn. Tất nhiên cần có một lực tác động tức thời dâng nước lên cao thành sóng lừng, nhưng lực nào giữ cho sóng chắc chân trên đường “hành quân” nghìn dặm?

Sóng lừng quả là một thứ “hạt dẻ” khó nhằn đối với các nhà nghiên cứu vì chúng không phụ thuộc bất cứ quy luật tự nhiên hay nguyên tắc vật lý nào cả. Trên quan

điểm toán học, một số người cho rằng sóng lòng là tích hợp của nhiều con sóng nhỏ, song xem ra thuyết này không vững, vì khi có sóng lòng xuất hiện ngay trong điều kiện trời yên biển lặng. Trên quan điểm hải dương học, số khác lại cho rằng ở những nơi mà gió đang thổi ngược chiều cản trở dòng hải lưu bỗng yếu đi, dòng chảy đột ngột tăng tốc, phần nước chảy nhanh ở đằng sau va chạm với khối nước chảy chậm ở phía trước gây ra hiện tượng sóng lòng. Thuyết này tuy có vẻ có lý, song lại không thể áp dụng để lý giải sóng lòng vùng Biển Bắc, nơi không hề có dòng hải lưu nào cả.

Một số khác nữa vận dụng kiến thức vật lý địa cầu, cho rằng ở một số nơi trên trái đất, đặc biệt trên các đại dương, có những điểm mà trọng lực có những biến thiên nhất định; nếu ở đó lực hút của Trái đất cao hơn mức bình thường thì sẽ tạo ra vùng lõm trên mặt biển, trường hợp ngược lại - tạo vùng lồi (trên thực tế, các nhà du hành vũ trụ quả có quan sát được những vùng lồi hoặc lõm như thế trên bề mặt các đại dương). Dưới tác động của lực quay trái đất, kết hợp nhiều yếu tố khác, ven rìa các vùng lồi - lõm này rất có thể xuất hiện sóng lòng. Nhưng điều lạ là sóng lòng vẫn thường xuất hiện ngay cả ở những nơi mà lực hút trái đất tỏ ra bình thường và trên mặt biển chẳng có vùng lồi hay lõm nào cả. Mọi chuyện lại rơi vào bế tắc!

Qua hoạt động thực tiễn, các chuyên gia thuộc dự án WaveAtlas khẳng định: không thể dự báo sóng lòng, cả về thời gian lẫn địa điểm. Họ chỉ có thể đưa ra những lời

khuyến: các nhà khai thác dầu nên nâng chiều cao giàn khoan lên tối thiểu 20%, các chủ tàu biển, ngoài việc chớ quên mua bảo hiểm, nên gia cố mạn và boong tàu, tăng khả năng chống chịu nếu chẳng may bị sóng lòng ập xuống, còn khách du lịch đường biển thì... chỉ có cách phó mặc cho sự may rủi mà thôi.

Bản năng thần giao cách cảm kỳ diệu ở chim Iceland

Hiếm khi nhìn thấy nhau, trải qua mùa đông ở cách nhau vạn dặm, và không liên lạc với nhau trong một thời gian dài, nhưng các đôi uyên ương của một loài chim di trú Iceland lại biết chính xác thời điểm trở về quê nhà để giao phối.

Những đôi chim godwit đuôi đen bằng cách nào đó đã cố gắng để phối hợp hành trình của chúng, từ những vùng đất xa xôi cách nhau đến 1.000km, trở về vùng đất Iceland sinh sản chỉ cách nhau có ba ngày.

“Khi một cặp uyên ương trống mái trở về lãnh địa làm tổ của chúng trong mùa xuân, chúng làm điều đó với sự đồng điệu đáng kinh ngạc. Và chúng tôi sửng sốt vì điều đó”, Jill Gill, thuộc Đại học East nói.

Thông thường, con trống và con mái của các loài chim di trú ở bên nhau trong suốt mùa đông và cùng trở về nơi sinh sản của chúng.

“Nhưng ở loài chim đặc biệt này, con trống và con mái bay tới những vùng đất hoàn toàn cách biệt, thường là các nước khác nhau, vì thế chúng bị xa nhau trong mùa đông tới cả nghìn dặm”. - Gill nói - “Tuy nhiên, bằng cách nào đó chúng lại trở về quê hương hầu như đồng thời, chỉ cách nhau 2-3 ngày”.

Mất khoảng một tháng để toàn thể dân cư của chim godwit về đến Iceland từ những điểm trú đông rải rác trên khắp châu Âu. Các đôi bố trí thời gian với độ chính xác không ngờ, nhưng nếu một trong số chúng trở về không đúng lúc, bạn đời của nó sẽ cặp bồ với con khác.

“Chúng tôi đã phát hiện hai trường hợp ly dị, trong cả hai trường hợp con mái đều quay về trước con trống”, Gill kể. Một mỗi vì phải chờ đợi, hai nàng đã tái giá với những con trống khác.

Điều khó hiểu với các nhà nghiên cứu là bằng cách nào chúng làm điều đó với độ chuẩn xác như vậy. “Chúng không gặp gỡ nhau trong suốt mùa đông và không gặp nhau trong hành trình. Lần duy nhất chúng nhìn thấy nhau là khi trở về cố hương”, Gill nói. Điều chúng tôi nghi ngờ là những gì quan sát được ở loài godwit cũng đúng với nhiều loài khác.

Đồng hồ gạch đếm ngược thời gian

Tại một vùng hẻo lánh ở Uzbekistan, có một công trình kiến trúc cổ được dân địa phương gọi là “đồng hồ trần thế”. Công trình này được xây lên chỉ để... thành hoang phế vì mỗi năm lại bị rơi mất một viên gạch, mà theo người dân ở đó, khi viên gạch cuối cùng rơi khỏi bức tường thì đó cũng chính là ngày tận thế!

Người xưa khi xây dựng công trình này hẳn cho rằng cuộc sống trần gian không trường tồn vĩnh cửu. Ở phương Tây không ít nhà tiên tri đã đưa ra những câu sấm về ngày tận thế, nhưng rất mơ hồ, khiến hậu bối phải đau đầu giải mã với những kết quả khác nhau một trời một vực. Còn nơi đây, ngày cuối cùng của cuộc sống trần gian dường như đã được những người xây dựng công trình biết chắc, vì số lượng gạch là hữu hạn.

Nói đến đồng hồ, con người hiện đại thường liên tưởng đến mặt số, kim giờ, kim phút... nhưng đối với những người phương Đông cổ, thời gian không “chạy” mà “trôi” và được tính không phải bằng giờ, phút, giây... mà bằng thập kỷ, thế kỷ, thiên niên kỷ. Thời gian dường như không quan trọng bằng thời thế. Vì vậy, “đồng hồ trần thế” ở làng Guiaur-Kala thuộc vùng Nukus của Uzbekistan là một tòa lâu đài khá lớn thừa ban đầu mà mỗi năm từ trong tường rơi ra một viên gạch. Quá trình “đếm ngược thời

gian” này diễn ra từ bao giờ không ai biết, nhưng số gạch còn lại có thể tính được với một kết quả gần đúng. Phải chăng tác giả công trình đã dự đoán chính xác ngày tận thế, thể hiện qua số lượng gạch xây tường? Lại còn một điều gây thắc mắc: cơ chế nào khiến hằng năm, vào một ngày đẹp trời nào đó, đúng một viên gạch tự rơi khỏi bức tường mà không do bất cứ một lực tác động nào từ bên ngoài?

Người hiện đại hẳn không mấy ai tin kiểu đếm ngược thời gian kỳ quặc này, song họ cũng không dám kiểm tra nó. Ngay cả giới trí thức, khoa học địa phương cũng tỏ ra sùng kính “tòa đồng hồ gạch”. Tương truyền, đây là lăng mộ của Tamerlan, thủ lĩnh của một bộ lạc hùng mạnh từng tồn tại ở vùng này từ thời cổ xưa. Lúc lâm chung, ông có lời nguyện sẽ hủy diệt cuộc sống của loài người nếu có kẻ nào động đến nơi yên nghỉ vĩnh hằng của ông. Người ta còn liên hệ tới một sự kiện lịch sử: ngày 20 tháng 6 năm 1941, các nhà khảo cổ Xô Viết khai quật hầm mộ của Amir Temur - một vị tướng lỗi lạc của Uzbekistan thời trung đại, cũng có lời nguyện tương tự - và chỉ vài giờ sau, phát xít Đức tấn công Liên Xô, gây ra cái chết cho 20 triệu người nước này qua bốn năm chiến tranh khốc liệt. Có thể đó chỉ là sự trùng hợp ngẫu nhiên, nhưng sau sự việc đó, không ai dám động đến nơi yên nghỉ của Tamerlan. Nhờ những nỗ lực của cán bộ văn hóa địa phương, công trình này đã được xếp hạng là di tích lịch sử, văn hóa. Du khách cứ việc đến tham quan, chiêm ngưỡng, nhưng tuyệt

nhiên không ai dám “thủ” lấy một viên gạch về làm kỷ niệm như thường thấy ở các nơi khác.

Những dữ kiện làm rối thêm câu chuyện

Vùng đất nơi tọa lạc “đồng hồ trần thế” cũng có những điểm khác thường. Ở ngoại ô thành phố Nukus, không xa tòa “đồng hồ gạch” có một quần thể lịch sử - khảo cổ mang tên Mizdakhan. Đó là một nghĩa địa cổ rộng khoảng 1km², trên 2.000 năm tuổi. Theo các nhà sử học, đó là một trong những nghĩa địa cổ nhất trên toàn châu Á. Các sử liệu cho biết, ngay trên mảnh đất của nghĩa địa này, thời cổ đại từng tồn tại một tòa thành lớn. Không ai biết tên gọi nguyên thủy của tòa thành, nhưng từ khi đạo Islam được truyền bá tới đây, thành được gọi tên Guiayrkala, tức là “thành phố của những người không tin vào Thượng đế”. “Những người không tin vào Thượng đế” ấy là ai? Các nhà khoa học Uzbekistan cho rằng đó là những môn đồ của Zoroastrianism - đạo thờ thần Lửa (và chính từ nơi đây, đạo này lan tới nhiều nơi trên thế giới). Lại có một truyền thuyết dân gian địa phương cho rằng Gaiomard, ông tổ của loài người và cũng là tổ sư của đạo thờ thần Lửa, được chôn cất đúng ngay nơi bây giờ là tòa “đồng hồ trần thế”, nhưng truyền thuyết không cho biết vị sư tổ này có lời nguyện ghê gớm gì như Tamerlan tướng quân hay không.

Tòa đồng hồ gạch đã thu hút rất nhiều khách hành

hương, đủ mọi tôn giáo. Dù thuộc tôn giáo nào, họ đến đây không chỉ được thấy tận mắt “chiếc đồng hồ trần thế”, mà còn vì một đức tin mãnh liệt: xếp bảy viên gạch rồi thành một chồng và ước nguyện điều gì thì điều ước đó chắc chắn thành hiện thực. Ngày nay, xung quanh tòa “đồng hồ” vẫn còn vô số những chồng gạch bảy viên của khách thập phương. Những người đến sau có thể phá những chồng gạch của người đến trước để chồng gạch của mình lên mà không bị ngăn cấm hay phân đối.

Tại sao “chồng gạch ước nguyện” gồm bảy viên mà không phải là con số nào khác? Vấn đề là khu nhà nguyện cho khách hành hương ở gần đây có đúng bảy ngọn chóp tròn. Khu nhà nguyện này mang tên Shamun-Nabi, một vị thánh được sùng bái ở vùng Trung Á. Bảy ngọn chóp tượng trưng cho bảy người con gái của ông. Tương truyền, Shamun-Nabi còn là một nhà phù thủy linh nghiệm, nhiều người trong cơn khốn cùng đã tìm đến ông nhờ cứu giúp. Những người được giúp đỡ đã đến xếp bảy viên gạch để tạ ơn ông. Từ đó, lại có giả thuyết rằng tòa lâu đài “đồng hồ gạch” chính là nơi chôn cất vị thánh này. Giả thuyết càng được củng cố bởi sự kiện sau đây: cổ quan tài đá dài 25 mét trong khu nhà nguyện vốn được cho là quan thi hài Shamun-Nabi, nhưng cách đây không lâu, khi các nhà nghiên cứu quyết định mở nắp thì phát hiện ra rằng đó chỉ là cổ quan tài rỗng. Đào sâu xuống bên dưới, họ quả có phát hiện thấy một vài mảnh vụn xương người đã phân hủy gần hết. Nhưng các phân tích

bằng máy lại cho kết quả rằng đó là một phụ nữ độ tuổi 30-35, được chôn cất từ thế kỷ 14. Tóm lại, càng nhiều dữ kiện, câu chuyện càng thêm rắc rối. Nhưng các dữ kiện không chỉ có thế. Ở gần khu đồng hồ gạch còn có quả đồi Jomard Kassap, cũng được coi là một chốn linh thiêng. Cứ 10 ngày một lần, những người phụ nữ muốn sinh con kéo đến đây cầu khẩn. “Thủ tục” bắt buộc là sau khi khẩn nguyện, từ đỉnh đồi, khổ chủ phải lăn đùng bảy vòng xuống bên dưới. Các nhà nghiên cứu cho rằng giữa ngọn đồi này và tòa đồng hồ gạch có một mối liên hệ huyền bí nào đó.

Điều lo ngại dành cho tương lai

Trở lại với tòa đồng hồ gạch. Giả sử đó thật sự là phương tiện đếm ngược thời gian của trần thế, việc tính xem thời gian đó còn bao lâu cũng chẳng khó khăn gì. Một người bình thường cũng có thể thực hiện việc đó với sai số chỉ đến hàng chục. Nhưng thật lạ là cho đến nay vẫn không một ai bắt tay tính đếm. Đặc biệt, chẳng ai có thể khẳng định các viên gạch rời tường chính xác vào thời gian nào trong năm và viên gạch nào sẽ “rụng” vào năm tới. Theo tính toán chung, cho đến thời điểm hiện nay, tòa lâu đài đã bị hủy hoại (hay tự hủy hoại?) khoảng 35-40%, phần chóp tròn (hình củ hành) và phần lớn bức tường phía bắc đã không còn nữa. Bức tường phía tây tuy còn một vết nứt khá lớn, song trông còn khá vững chắc. Hai

bức tường phía nam và đông, theo đánh giá của các chuyên gia, có thể bền vững muôn đời nếu gạch không bị “rụng từng viên một” bởi một lực tác động vô hình nào đó. Lại giả sử tòa đồng hồ gạch này đã tồn tại 2000 năm (không thể ít hơn) thì sự “tự hủy hoại” của nó còn kéo dài 3000-4000 năm nữa.

Chuyện của vài nghìn năm sau chưa phải là nỗi lo cấp bách của chúng ta ngày nay. Nhưng rồi cũng đến ngày viên gạch cuối cùng rơi xuống. Lúc đó, cháu chắt chúng ta sẽ cười thâm về sự ấu trĩ của tổ tiên hay... chẳng còn cơ hội nào để cười hoặc khóc?

Bí ẩn của những bức chân dung “sát nhân”

Vợ của Rubens - người đẹp Isabella, vốn là người mẫu trong hầu hết các tác phẩm của ông, đã qua đời năm 35 tuổi. Nữ công tước Alba, người mẫu cho bức tranh Maha của Goya, đã chết sau khi bức chân dung đầu tiên được hoàn thành ba năm. Danh họa vĩ đại Picasso có hai người vợ - người mẫu cho ông, thì đều tự tử.

Các nhà khoa học cho rằng giữa hình ảnh một con người và số phận tiếp theo của người đó có sự liên quan thần bí, thậm chí là cái chết. Lịch sử của các họa sĩ vĩ đại đã chứng tỏ điều đó.

Trong giới hội họa có vô số truyền thuyết về các bức chân dung của



Vợ của Rembrandt làm mẫu cho ông vẽ bức tranh Danaë đã chết vì bệnh ho lao.

những họa sĩ nổi tiếng đã đem đến cái chết. Vào năm 30 tuổi, vợ của Rembrandt là Saskia chết vì ho lao. Danh họa Hà Lan vĩ đại này đã thể hiện cô trong

các bức tranh Danae và Flora. Ba đứa con của ông được người cha vẽ nhiều đã chết khi còn nhỏ. Người con duy nhất còn lại Titus cũng qua đời khi mới 27 tuổi.

Đối với những người quen, Ilya Repin nổi tiếng là “nhà tiên tri đen”. Ông kết thúc bức chân dung nhà phẫu thuật Pirogov và nhạc sĩ Mousorgsky đúng vào ngày họ qua đời. Nhà văn Vsevolod Garshin, mà từ mẫu người này ông vẽ ra Sa hoàng trong bức *Ivan Grozny* giết con trai mình, chẳng bao lâu đã chết sau khi nhảy từ cầu thang xuống. Thủ tướng Stolypin bị bắn chết ngay sau khi Repin đặt nét vẽ cuối cùng. Người vợ trẻ của Repin, không lâu sau khi bước vào tác phẩm của chồng, cũng chết vì ho lao.

Bà Tachiana Iudkevich - nhân viên khoa học chính của Viện Bảo tàng Nghệ thuật Tretyakov giải thích rằng tất cả những sự kiện lạ lùng đó chỉ là sự trùng hợp: “Mousorgsky được Repin vẽ khi ở tình trạng sắp chết. Còn Pirogov khi đó đã 71 tuổi. Garshin là người



Bức Ivan Grozny giết con trai mình. Garshin, người mẫu cho họa sĩ Repin vẽ Sa hoàng trong tranh này đã chết do nhảy từ cầu thang xuống.

không ổn định về tâm thần. Trước Repin, Stolyпин đã được Surikov và các họa sĩ Pháp vẽ, nhưng tại sao khi đó ông không chết? Ngoài ra, vào thời gian đó rất nhiều người chết vì ho lao. Những đứa con của Rembrandt bị chết vì mẹ của chúng là một phụ nữ rất ốm yếu”.

Song những điều bí ẩn không dừng lại ở đó. Tại Moscow, người ta đồn đại nhiều về cái chết của con gái Aleksandr Shilov và vợ của Ilya Glazunov. Shilov vẽ cô con gái đẹp Misha của mình nhiều lần và cô bé qua đời ở tuổi 16. Vợ của họa sĩ Glazunov là Nina Vinogradova thì tự tử trong hoàn cảnh rất lạ lùng.

Phó chủ tịch Viện Hàn lâm Nghệ thuật Nga - ông Eduard Drobitski - bảo vệ đồng nghiệp bằng lập luận rằng khi vẽ con gái, Shilov đã không biết con gái mình bị ung thư, còn Glazunov chỉ vẽ duy nhất một bức chân dung của vợ. Eduard Drobitski cũng cho rằng cái chết của bà Nina rất rắc rối. Bà bị ung thư vòm họng, và vì đau đớn nên có lẽ bà đã mất minh mẫn, dẫn đến việc tự tử.

Mặc dù bác bỏ truyền thuyết cổ xưa, các chuyên gia đáng kính cũng phải thừa nhận rằng quả thực tồn tại bí ẩn xung quanh vấn đề này. Bà Tachiana Iudkevich đưa ra những ví dụ. Người mẫu nổi tiếng của họa sĩ Vladimir Lukich Borovikovski là Lopukhina đã chết ba năm sau khi bức chân dung hoàn thành mà không có nguyên nhân. Số phận tương tự cũng đến với cậu bé Vasia, người mẫu cho bức tranh Bộ ba của Petrov. Mẹ của cậu như đã linh cảm

thấy gì đó, bà cấm cậu bé làm mẫu cho họa sĩ vì sợ con mình sẽ chết.

Còn Eduard Drobitski sau khi kể về bi kịch trong gia đình Shilov và Glazunov, đã công nhận là có một chuyện khó giải thích xảy ra với chính mình: “Nhiều năm trước tôi vẽ một bức tranh kép với hình Vusotski (nam ca sĩ nổi tiếng thời Liên Xô cũ) và nhà thơ vĩ đại Puskin. Vusotski trong trang phục nhà thơ, còn Puskin mặc đồ jean. Hai tuần sau Vusotski qua đời. Các đồng nghiệp nói với tôi rằng bút vẽ tôi đã truyền năng lượng của nhà thơ quá cố sang Vusotski và điều ấy đã đưa anh ta với chỗ kết thúc cuộc đời”.

Giải thích cho hiện tượng này, Eduard Drobitski cho rằng một số họa sĩ có linh cảm của bác sĩ chẩn đoán. Khi vẽ một khuôn mặt, thậm chí không suy tính gì, anh ta cảm thấy có một căn bệnh nghiêm trọng đang tới gần. Và đây là một trường hợp như thế. Huân tước Anh Malgrov một lần đến gặp họa sĩ Gilbert Stewart, tác giả bức chân dung nổi tiếng vẽ George Washington, đặt vẽ chân dung anh trai mình là tướng Philips. Khi đến lấy bức tranh, Malgrov nhận thấy chân dung không giống thật và điều đó đã gây ra một ấn tượng khủng khiếp. Chẳng bao lâu sau người ta biết rằng tướng Philips đột ngột mất trí.

Chuyên gia khoa học của Viện bảo tàng Ermitage ở Saint Petersburg - giáo sư Boris Sapunov - lại có cách giải thích khác: khi vẽ chân dung, người họa sĩ như xâm nhập

vào thế giới nội tâm của người mẫu. Họa sĩ càng tài hoa, càng đưa vào tác phẩm nhiều năng lượng của mình ở dạng tốt hay xấu. Có thể nhận thấy “sự định hướng” của năng lượng theo cách người họa sĩ tạo các sắc màu trên tranh. Khi họa sĩ ở tâm trạng yên tĩnh, các vệt màu của người đó đều đặn và ngay ngắn, nhưng khi bức chân dung được vẽ trong trạng thái thần kinh bị kích thích, buồn bã hay căng thẳng, thì các nét vẽ bắt đầu “đung đưa”. Điều đó không thấy rõ bằng mắt thường mà chỉ hiện ra khi được nghiên cứu kỹ lưỡng. Nhưng não người tiếp nhận những chỗ “không bằng phẳng” này ở mức độ vô thức, nó tạo ra tác động giống như kiểu thôi miên, hướng tới việc loại bỏ người được vẽ.

Tất nhiên bạn vẫn có thể phản bác: biết bao họa sĩ không nổi tiếng hàng ngày vẫn vẽ ra các bức chân dung mà chẳng có hậu quả bi thảm nào! Nhưng có thể các thiên tài có khả năng thần giao cách cảm nào đó?

Bí mật những ngôi nhà ma

Những bóng ma là kết quả của trí tưởng tượng của chúng ta, hay xuất phát từ những nguyên nhân có thực từ cảm giác kỳ lạ về sự hiện hữu của một linh hồn?

Tất cả bắt đầu cách đây ba năm. Richard Wiseman nhận được giấy phép tiến hành các thí nghiệm tại hai trong số các địa điểm “bị ma ám” nổi tiếng thế giới: Cung điện Hampton Court, gần London và cây cầu Nam Edinburg xứ Scotland. Địa điểm đầu tiên, nơi ở cũ của Hoàng đế Henry VIII, theo nhiều lời đồn đại thường xuất hiện bóng ma của hoàng hậu thứ năm, người đã bị kết án tử hình vào thế kỷ thứ 17 vì tội ngoại tình. Còn về địa điểm thứ hai, dưới vòm cầu, nơi có hàng trăm xác chết - nạn nhân của bệnh dịch hạch vào thế kỷ thứ 17, bị lãng quên sau đó. Những địa điểm này được mở cửa lại vào năm 1996, kể từ đó, bóng ma bắt đầu lảng vảng...

Richard Wiseman đã chọn ra 700 người tình nguyện tham gia quá trình nghiên cứu. Với một bộ câu hỏi trong tay, họ được đưa vào những địa điểm “ma” với nhiệm vụ ghi lại “tất cả những gì khác thường” trong mỗi một gian phòng. Kết quả là một nửa số người tình nguyện có ít nhất một lần gặp cảm xúc “kỳ quặc”, thậm chí một cảm

giác về những “sự hiện hình không thể giải thích” mà họ cho rằng thực sự là những bóng ma.

Sự trùng hợp gây bối rối. Tất nhiên, tất cả tình nguyện viên đều biết rõ những gì họ sắp trải qua nên có thể “thần hồn nát thần tính”. Nhưng tại sao lại chỉ ở các gian phòng nổi tiếng “ma ám”? Để khám phá bí ẩn này, Richard Wiseman và nhóm của ông đã xem xét tỉ mỉ một vài địa điểm “nhiều ma nhất” và một vài khu vực “bình thường”. Họ đã sử dụng những từ kế siêu chính xác để đo từ trường, thiết bị kiểm tra sự di chuyển của không khí và máy đo cường độ ánh sáng. “Những kẻ săn ma” cũng nghiên cứu ở các lối đi khác nhau của các đường quanh và ở các độ cao khác nhau.

Kết quả đầu tiên: Trong những gian phòng “bình thường” ở Hampton Court, từ trường gần như tương đương với từ trường của Trái đất, 50 microtesla (μT). Nhưng trong các gian phòng “có ma”, máy đo ghi nhận có những thay đổi đột ngột về từ trường, dao động một vài phần mười microtesla trong vài phút. Những biến đổi này có thể liên quan đến hệ thống điện chiếu sáng trong lâu đài.

Tuy nhiên, một số nhà khoa học cho rằng từ trường có thể gây ra đau đầu, hoa mắt và những rối loạn nhỏ, nhưng để đạt đến điều đó, cần phải đạt đến con số 60.000 μT !

Giả thuyết từ trường của Richard Wiseman dường như

không đi đúng hướng. Vì lẽ rằng tại địa điểm thứ hai, cây cầu Edinburg, người ta không đo được bất kỳ một thay đổi nào của từ trường. Thường ở những khúc quanh tối nhất, lớn nhất và có trần cao nhất thì những cảm giác kỳ lạ xuất hiện nhiều nhất.

“Có thể đó là những khu vực mà người ta cảm thấy nhỏ bé và vô nghĩa, nơi mà trò chơi của bóng tối phát huy nhiều nhất”, Richard Wiseman bình luận. Tóm lại, một gian phòng sâu thẳm rất thuận lợi cho sự xuất hiện của “bóng ma”. Tuy nhiên đây chưa phải là một kết luận khoa học. Vì vậy, những bí ẩn về ngôi nhà ma chắc còn lâu mới sáng tỏ.

Những vòng tròn bí ẩn ở Namibia

Ba giả thuyết chính nhằm làm sáng tỏ nguồn gốc của những hình tròn bí ẩn tại Namibia đã bị bác bỏ, sau một nghiên cứu kỹ lưỡng mới đây của các nhà khoa học Nam Phi.

Bí ẩn vẫn hoàn toàn là bí ẩn, Gretel van Rooyen, một nhà thực vật học tại Đại học Pretoria, trưởng nhóm nghiên cứu, cho biết.



Những vòng tròn lạ thường ở Namibia.

Các vòng tròn xinh đẹp này là những chiếc đĩa có cấu tạo hoàn toàn từ đất cát, đường kính từ 2 đến 10 mét, nằm dọc theo rìa ven biển phía tây của sa mạc Namib ở phía nam châu lục đen. Chúng rất dễ được nhận ra bởi các khoảng trống trơn ở giữa, bao quanh là những cây cỏ sum suê bất thường, nổi bật lên trong thảm thực vật sa mạc thưa thớt xung quanh.

Từ khi giới nghiên cứu bắt đầu tìm hiểu sự hình thành của những cấu trúc kỳ lạ này vào đầu những năm 1970, có ba giả thuyết chính nổi lên, đó là: mối xông, đất phóng xạ và các chất tiết độc hại của cây *Euphorbia damarana*, loài thực vật cỏ sữa có độc.

Giả thuyết đất phóng xạ đã sớm bị bác bỏ sau khi Rooyen gửi mẫu đất đến Ủy ban Tiêu chuẩn Nam Phi để kiểm tra độ phóng xạ. Tất cả các mẫu đều cho thấy chúng không có đặc tính này. “Đó có thể là lời giải thích hợp lý nhất, nhưng người ta đã không tìm thấy dấu vết ở đó”, bà nói.

Để kiểm nghiệm giả thuyết loài cây có độc, nhóm của Rooyen đã khoanh vùng một số cây cỏ sữa trong sa mạc - cả sống và chết - và lấy mẫu đất bên dưới chân chúng. Họ đã thử trồng các loài thực vật sa mạc trên lớp đất này trong phòng thí nghiệm, và nhận thấy cỏ *Lolium multiflorum* vẫn mọc tốt um như thường. Điều đó chứng tỏ không có chất tiết độc hại nào đã làm nên những khoảng đất trống ở Namibia.

Chỉ còn sót lại một lời giải thích - mối đã đánh chén tất cả hạt giống thực vật trên các vòng tròn, để lại phía sau là một quầng đất chết. “Đây là khả năng được nhiều người tin tưởng nhất”, Rooyen nói. Tuy nhiên, khi đào đất để tìm mối, hoặc tổ của chúng, nhóm nghiên cứu đã không phát hiện được gì cả. “Chúng tôi đào những cái rãnh sâu đến 2 mét, nhưng không có dấu hiệu hoặc vết tích gì sót lại”, Rooyen cho biết.

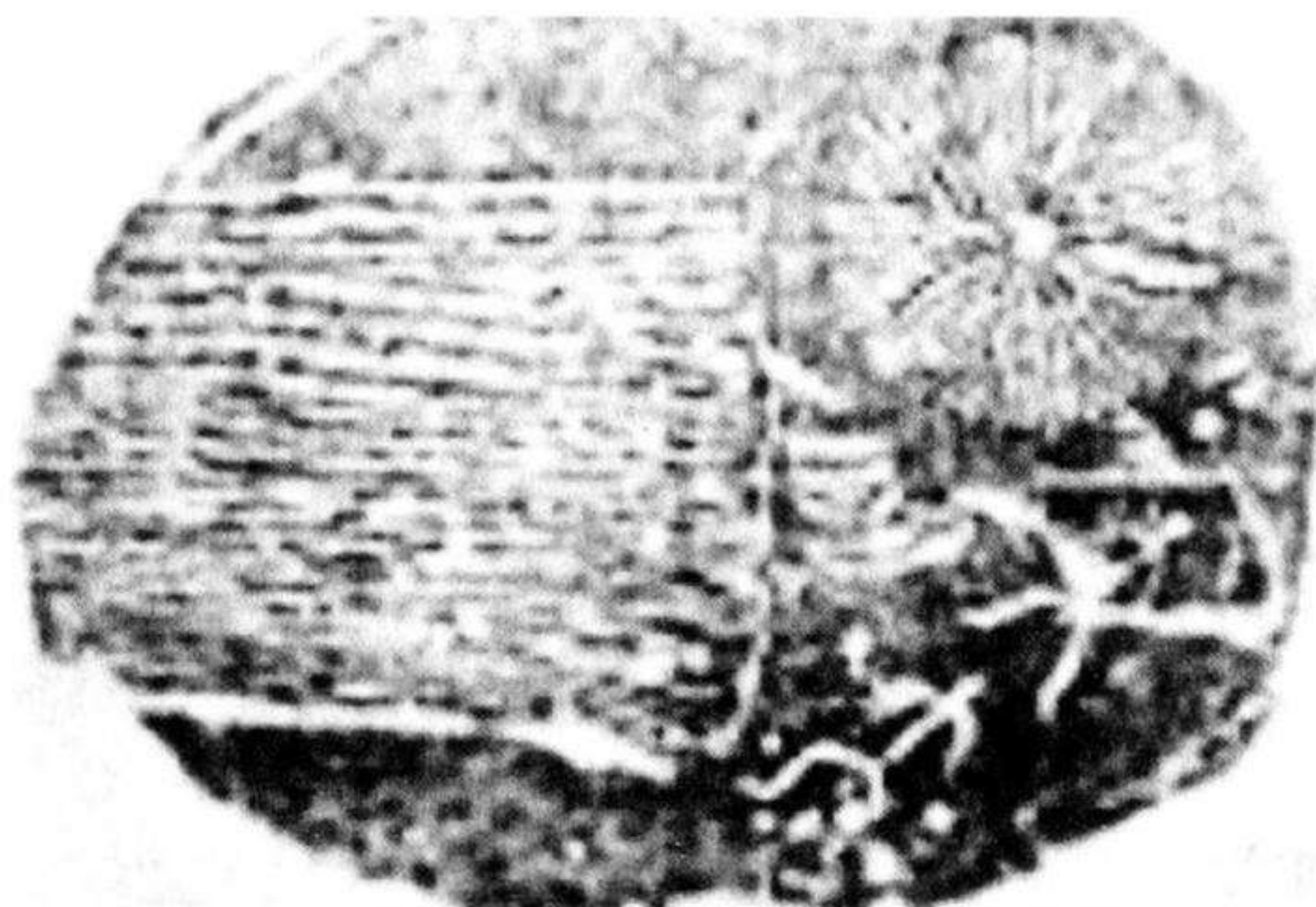
Vậy thực sự điều gì tạo nên những vòng tròn kỳ lạ này? Các nhà nghiên cứu đã chỉ ra rằng cỏ chết khô trên mẫu đất lấy trong chính các vòng tròn, nhưng lại mọc xanh tốt trên đất lấy từ vành đai của chúng, chứng tỏ phải có gì đó khác biệt giữa hai loại đất.

Van Rooyen đang theo đuổi một giả thuyết khác, rằng bằng cách nào đó những nguyên tố độc hại đã tụ lại trong các vòng tròn. “Nhưng ngay cả khi đã tìm được chúng, việc tại sao chúng xuất hiện ở đó sẽ là cả một vấn đề”, Rooyen thừa nhận.

Bí ẩn quanh bãi đá cổ Sa Pa

Nằm lọt trong thung lũng Mường Hoa, bao bọc là những núi cao trên dưới 2.000 mét, bãi đá cổ lớn gợi sự chú ý với nhiều bản khắc phong phú. Có hình vạch tròn khá giống mặt trời, hình nam nữ giao phối, hay những vạch kẻ song song... Khoa học đến nay vẫn chưa tìm ra nguồn gốc và chủ nhân của chúng.

Hai bãi đá cổ nằm trên địa phận ba xã Hầu Thào, Sả Pán và Tả Van, quanh con suối Mường Hoa (suối Hoa) trong thung lũng Mường Hoa, cách thị trấn Sa Pa 7km theo hướng đông nam.



Bức khắc mang hình thửa ruộng, mặt trời và con người.

Tại Hàu Thào, các viên đá tập trung thành hai bãi lớn. Bãi một nằm cạnh bản Pho - một bản của người H'Mông trên sườn núi sát đường cái - kéo dài xuống gần lòng suối. Số lượng đá có chạm khắc ở đây không nhiều, nhưng đều là những khối đá lớn, có khối dài tới 13m. Các bản chạm khắc có quy mô, mật độ dày, cấu trúc hình chạm khắc phức tạp. Bãi hai nằm giáp ranh biên giới xã Hàu Thào và Lao Chải, trên con đường mòn từ đường cái qua các thửa ruộng bậc thang lên bản Hàu Chư Ngai, bản H'Mông trên đỉnh núi, còn gọi là đường lên Hang Đá. Đây là một bãi đá rộng với trên 100 hòn đá có hình chạm khắc thuộc nhiều loại, có những hình độc bản (chỉ xuất hiện trên một viên duy nhất). Ở các vùng ngoại vi như khu vực dưới chân Cầu Mây nổi tiếng của xã Tả Van, hay sang địa phận xã Tả Van và Sử Pán rải rác có một vài hòn đá đơn lẻ, chạm khắc với hoa văn không khác biệt nhiều so với hai bãi kể trên.

Nhìn tổng thể, các hình chạm khắc có thể quy về vài nhóm chính: hình tròn khắc vạch tương đối giống cấu trúc hoa văn thời kỳ văn hóa Hoa Lộc có thể dùng để tượng trưng cho mặt trời, hình nam nữ giao phối, nhấn mạnh vào bộ phận sinh dục, các đường vạch song song tựa như những quẻ Kinh dịch, ngắn hoặc có thể kéo dài ôm lấy viên đá dường như thể hiện những cánh đồng, hoặc thửa ruộng bậc thang, các hình vuông, chữ nhật đục chìm là nhà cửa hoặc tượng trưng cho khu dân cư sinh sống... Đại bộ phận đều mang đậm dấu ấn của tư duy tạo hình giản

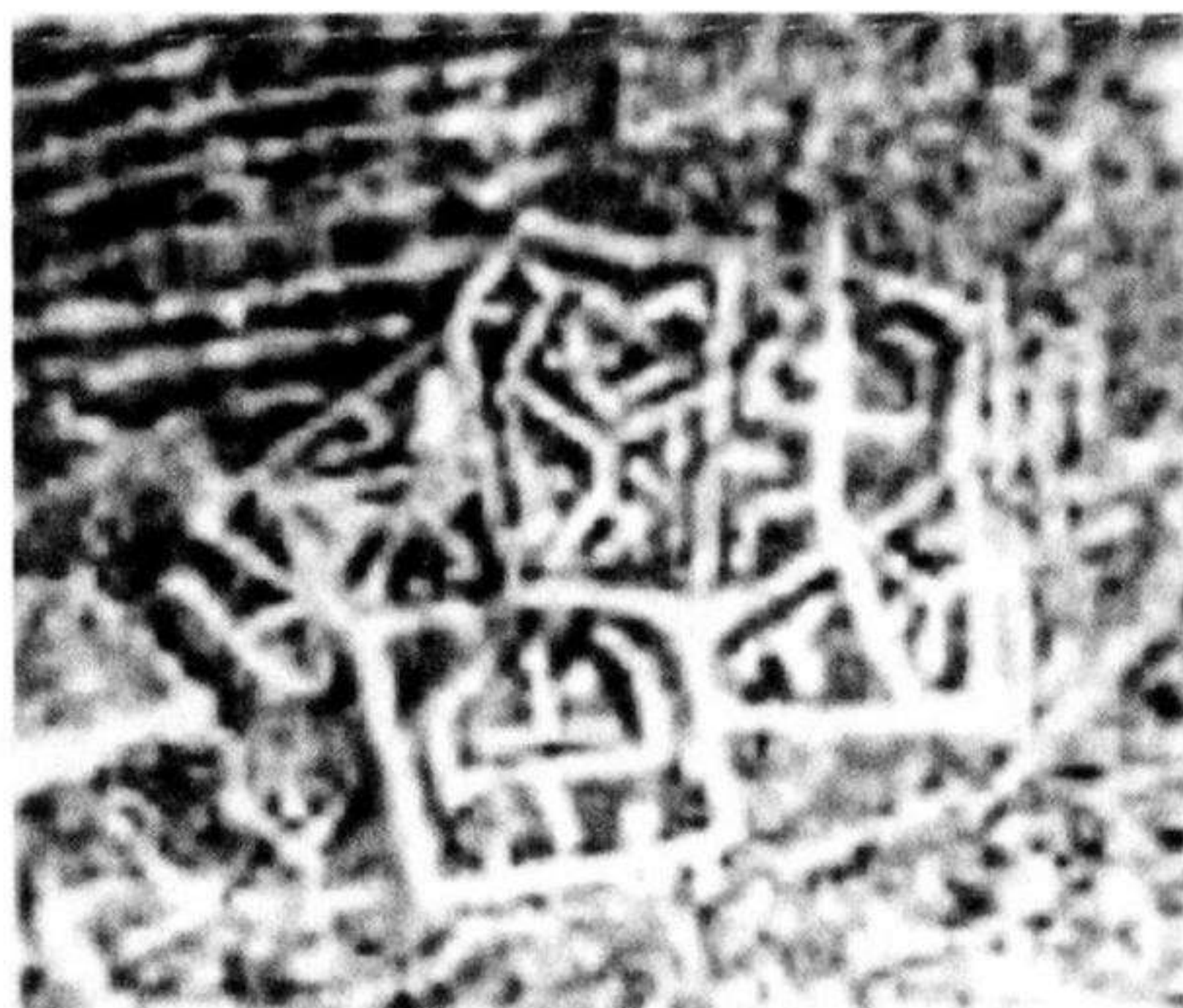
đơn và gọn, xuất phát từ những con người nguyên sơ có đời sống gắn bó sâu sắc với tự nhiên.

Đến nay, các nhà khoa học vẫn chưa thể đưa ra những nhận định chính xác về nguồn gốc hình thành và chủ nhân đích thực của bãi đá này. Theo một số tài liệu lịch sử và dân tộc học, lịch sử hình thành dân cư vùng thung lũng Mường Hoa có hai giai đoạn. Giai đoạn sớm cách nay chừng 900 năm, nơi đây từng là khu vực sinh sống của một xã hội Tày cổ, có tổ chức và thiết kế hoàn chỉnh, phát triển đời sống vật chất và tinh thần tới trình độ cao. Sau đó, không rõ lý do gì mà xảy ra một cuộc di cư lớn, toàn bộ cộng đồng này chuyển đi, bỏ lại thung lũng hoang vắng. Hiện ở Sa Pa vẫn có một vài nhóm nhỏ người Tày sinh sống tại những vùng đất bằng phẳng phía nam thuộc các xã Bản Hồ, Thanh Phú, Nậm Sài.

Giai đoạn muộn chính là sự hình thành của lớp cư dân hiện tại, mà những cư dân sớm nhất là người H'Mông, đến đây lập nghiệp chừng 300 năm trước. Vậy xảy ra hai giả thuyết về nguồn gốc hình thành bãi đá, một thuộc về nhóm cư dân hiện tại, đa sắc tộc và sống rải rác. Một thuộc về nhóm cư dân cổ mà những hiểu biết về họ còn nhiều mơ hồ, song dường như đây là một cộng đồng lớn, có tổ chức xã hội và từng đạt đến một trình độ văn minh nhất định.

Dựa vào giả thuyết về nguồn gốc hình thành bãi đá trên, người ta có thể tạm phân chia nội dung các bức

chạm khắc thành hai loại ý nghĩa. Loại một có nội dung mang ý nghĩa tôn giáo hoặc dùng trong những hoạt động có tính tôn giáo, thể hiện những ý thức sơ khai đầu tiên về tự nhiên và con người. Đó là những bức chạm đơn giản trên những viên đá kích thước nhỏ và vừa, mỗi bức là một hoặc vài hình chạm đặt cạnh nhau. (Như tổ hợp các đường vạch song song; tổ hợp vạch song song và hình tròn; hình người, các đường song song và hình tròn). Tương ứng với đó có thể hiểu theo từng nội dung là mặt trời - ruộng đất, con người - ruộng đất, mặt trời - ruộng đất - con người. Những mô-típ này có ý nghĩa không xa lạ với các biểu tượng tôn giáo thường gặp ở các dân tộc sinh sống bằng sản xuất nông nghiệp tôn thờ tự nhiên, hay các ý niệm tôn giáo sơ khởi đầu tiên của con người như thờ



Bức khắc mang hình khu dân cư, quây quần thành làng bản. Khu dân cư này tách khỏi khu canh tác bằng những nét khắc rõ ràng.

mặt trời, bái phật tôn giáo... Chủ nhân của chúng là những cộng đồng tôn giáo nhỏ, sống thành từng nhóm nhỏ phân tán, chưa hình thành cộng đồng lớn với lối sống quần cư.

Ở các viên đá lớn có diện tích chạm khắc dày đặc, các mô-típ không thay đổi nhưng có tần số xuất hiện nhiều lần trên một bức chạm và được sắp đặt theo những kết cấu phức tạp, không còn đơn giản là đặt các hình cạnh nhau một cách vô thức mà tuân theo những cấu trúc, sắp xếp có chủ ý. Bức chạm khắc có hình dạng tựa như là một tấm bản đồ mô tả về một vùng đất với đồng ruộng là những nhóm đường vạch song song, nối liền hoặc được liên kết với nhau bằng các đường vạch dài có thể hiểu là đường đi hoặc các dòng suối, nhà cửa hay khu dân cư là những nhóm hình vuông hay chữ nhật đúc chìm. Ta xếp các viên đá này vào loại hai, nội dung mang ý nghĩa hành chính, là các bản đồ phân chia khu vực, hay những quy ước phân định đất đai - một loại hương ước về lãnh thổ tương tự tục lệ của người Việt dưới đồng bằng. Các bức chạm này do đó sẽ gắn với những ý thức hệ phức tạp hơn, có sự phát triển phong phú và tích lũy lâu dài về tư duy nhận thức. Nó thuộc về một cộng đồng lớn, có lối sống quần cư, bắt đầu dư thừa của cải vật chất và hình thành tổ chức xã hội.

Như vậy ta lại có thể nhìn nhận mối liên hệ giữa hai dòng ý nghĩa của các hình chạm theo hai hướng: một là sự phát triển tư duy nhận thức từ thấp đến cao, dẫn đến

hình chạm từ đơn giản phát triển thành phức tạp; hai là sự phân chia theo mục đích sử dụng, một để phục vụ cho nhu cầu tôn giáo, một là những quy ước mang tính hành chính xã hội.

Trong vùng hiện vẫn còn lưu truyền một truyền thuyết của người H'Mông về sự xuất hiện của bãi đá đồ sộ này. Việc đặt ra những câu chuyện huyền thoại, cổ tích về những điều mình chưa hiểu được là một thói quen thường thấy ở các xã hội thị tộc cổ, và chỉ chứng tỏ một điều là những hiện vật ấy có trước, và có lẽ đã tồn tại rất lâu trước khi xuất hiện truyền thuyết, cụ thể hơn là trước khi những người H'Mông đặt chân lên đất Mường Hoa. Và giả thuyết cho rằng nguồn gốc của các bức chạm cổ trên đá thuộc về cộng đồng người Tày có thời gian cư trú tại Mường Hoa cách đây trên 900 năm trở nên có cơ sở hơn.

Cần lưu ý một điều là thói quen sống của hai tộc người hoàn toàn khác nhau. Người H'Mông đến cư trú tại Sa Pa và vùng thung lũng Mường Hoa này bằng con đường



Bức khắc mang hình nam nữ giao phối. Là đề tài không xa lạ trong nghệ thuật tiền sử, từng thấy trên trống đồng Đào Thịnh. Những hình ảnh như vậy không nhiều trong xã hội phong kiến, cho thấy niên đại tối cổ của bức chạm trong việc sùng bái công sinh thực khí và duy trì nòi giống.

vượt qua các đỉnh núi của dãy Hoàng Liên Sơn như trong câu chuyện truyền thuyết trên. Họ định cư trên các đỉnh cao, chiếm giữ nguồn nước và lan dần xuống thấp nhưng không bao giờ xuống quá sườn núi. Thói quen sống của người Tày ở miền núi là bám vào những vùng thung lũng tương đối bằng phẳng, gần những nguồn nước lớn có thể canh tác trồng trọt dễ dàng. Con đường vào thung lũng Mường Hoa của họ có lẽ là men theo suối Hoa, tìm chỗ định cư ở những dải đất bằng phẳng hai bên bờ. Khi hình thành một cộng đồng lớn, họ sống lan tỏa ra khắp lòng thung lũng, vươn dần lên những khu đất phẳng trên cao. Địa thế khu vực bãi đá chạm khắc khác so với lòng thung lũng là con suối Hoa cũng không quá cao, chỉ lưng chừng ven sườn các ngọn núi và rải xuống gần sát bờ suối. Đó là khu vực sinh sống quen thuộc của người Tày. Thêm một cơ sở nữa để có thể giải thích nguồn gốc của bãi đá nghiêng về giả thuyết thứ nhất.

Tuy nhiên, đây vẫn chỉ là những phỏng đoán mang tính chủ quan. Bãi đá cổ vẫn còn những bí ẩn chưa thể khai phá khi sợi dây liên hệ giữa quá khứ và hiện tại mờ hồ, khó hiểu như chính bản thân nó vậy.

Những bí ẩn trong họa phẩm của Van Gogh

Nhiều nhà nghiên cứu các sáng tác của họa sĩ tài năng Vincent Van Gogh thường không nhất trí với nhau về tên gọi của bức Moonrise (Trăng lên). Có lập luận cho rằng, đúng hơn tên của bức tranh phải là Mặt trời lặn. Một vật thể bầm đỏ từ đỉnh núi trên thực tế có thể là Mặt trăng hoặc mặt trời...

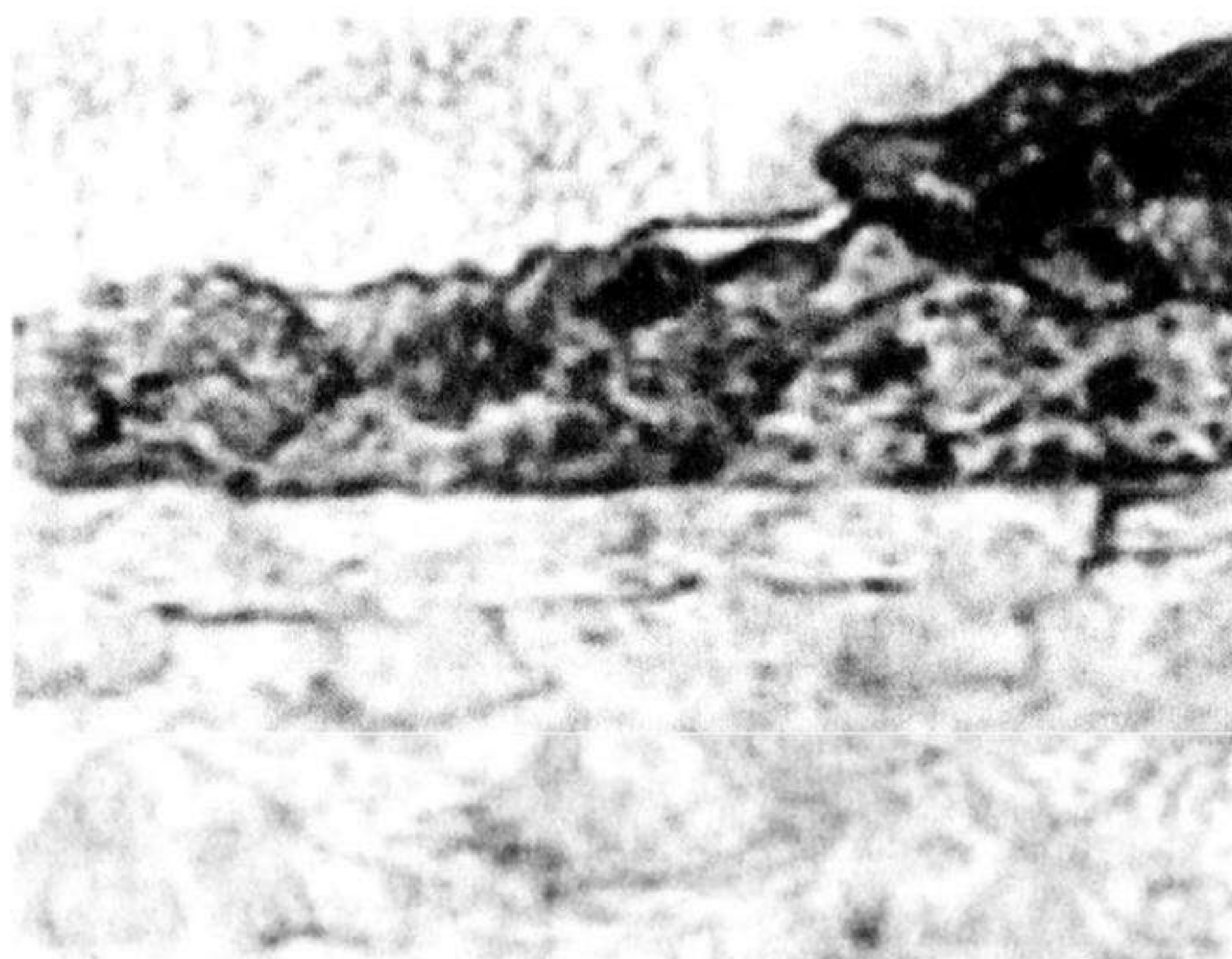
Tình huống càng trở nên phức tạp khi không một ai có thể đoán chính xác ngày mà họa sĩ vẽ tranh. Nhưng nhà thiên văn học người Mỹ Donald Olson đã giải mã được bí ẩn đó. Ông quả quyết rằng đó là vào khoảng giữa tháng - ngày 13/7/1889.

Van Gogh có năm bức tranh bầu trời đêm rất nổi tiếng. Mỗi bức đều khiến cho Olson sửng sốt vì tính chính xác, xét về mặt thiên văn học.

Hai năm trước, Olson đã xác định một cách rất cụ thể thời gian mà Van Gogh vẽ một bức tranh khác có tên gọi *White house at night* (Ngôi nhà trắng trong đêm). Olson tìm ra ngôi nhà đó - may mắn sao còn được lưu giữ đến tận ngày nay và nhận ra ngôi sao trong bức tranh chính là sao Kim nhờ vào tài miêu tả chính xác của Van Gogh. Từ đó ông suy ra ngày, giờ mà họa sĩ vẽ bức tranh.

Tin chắc rằng trong trường hợp của *Moonrise*, Van

Gogh cũng không hề hư cấu nên Olson đã lên đường sang Pháp. Nhà thiên văn người Mỹ thu thập được thông tin cho thấy vào tháng 9 năm 1889, Van Gogh đã gửi cho em trai mình tên là Theo một bưu kiện với hai bức tranh *Moonrise* và *Stary night* (Đêm đầy sao). Cũng vào tháng 5 năm đó, Van Gogh đã tới một tu viện tại San Pemi để tiếp tục chữa chạy bệnh tâm thần của mình. Cuối cùng, Olson xác định được Van Gogh đã vẽ bức tranh ấy khi nhìn qua khung cửa căn phòng của ông và đó hoàn toàn là một vầng trăng (hoặc giống một vầng trăng). Từ đó, nhà nghiên cứu Mỹ tìm ra thời gian vẽ bức tranh với độ chính xác chừng trên dưới một phút theo cách tính của thiên văn học.



Kiệt tác Moonrise (Trăng lên) của danh họa theo trường phái ấn tượng Van Gogh.

Dẫu vậy, vẫn còn lại một điều khó hiểu trong bức tranh này: Cái bóng đen dưới chân núi? Mặt trăng thì không thể tạo ra mảng bóng tối ấy, còn mặt trời vào khoảnh khắc đó thì hoàn toàn chưa ló dạng. Nhưng vẫn theo Olson, chỗ khó hiểu ấy có thể giải thích một cách đơn giản: Van Gogh đã vẽ bức tranh làm hai đợt. Ông bắt đầu tác phẩm vào buổi chiều và vẽ xong vào buổi sáng. Chính vì thế chúng ta nhìn thấy trên vải mặt trăng đang mọc vào chập tối, còn bóng rợp dưới chân núi mà Van Gogh vẽ thêm là khi mặt trời đã mọc.

Cũng theo như lý giải của Olson, sự việc là ở chỗ Van Gogh thường cho phép mình sử dụng màu sắc một cách đầy ngang ngạnh, không theo quan niệm thông thường, cả sự sai lệch phối cảnh, cả sự chông chênh của bố cục, cả những chỉnh thể theo kiểu tượng trưng...

Mấy năm trước chính bức *Starry night* với những vì sao nhấp nháy đã giúp các chuyên gia y học tìm ra một bí mật khác của họa sĩ - đó là niềm say mê của Van Gogh đối với màu vàng chói chang, nom đến nhức mắt vốn thường thấy trong nhiều họa phẩm của ông. Ông nghiện màu vàng chính là bởi ông luôn say sưa thứ rượu ngải cứu. Vào thời gian đó, người ta hay pha thêm vào loại rượu này một lượng xantonin (thường có trong thuốc tẩy giun trẻ con), nếu uống vào sẽ nhìn mọi vật nhuộm màu vàng.

Một số chuyên gia khác lại tin rằng màu vàng trong tranh Van Gogh gắn liền với chứng động kinh ông đã mắc

phải. Từ năm 1890, Van Gogh điều trị chứng bệnh này theo đơn thuốc của bác sĩ Poli Ferdinand Gase và phải uống loại thuốc có tên là Digitalis. Thứ thuốc này ngày nay được sử dụng để chống bệnh nhồi máu cơ tim, nhưng thời đó thường được dùng để chữa bệnh thần kinh. Việc dùng thứ thuốc này trong nhiều trường hợp đã khiến bệnh nhân nhìn thế giới xung quanh qua một màu vàng. Ví như họa sĩ sẽ nhìn thấy những quầng vàng quanh những ngôi sao, đúng như chúng ta đã nhìn thấy trong bức *Đêm đầy sao* của ông.

Điều kỳ lạ về giác quan thứ sáu

Có một chuyện gì đó vừa xảy ra và bạn bỗng ngỡ ngàng là đã biết chuyện này một lần nào đó trong quá khứ. Thực ra, chuyện đó chỉ xảy ra một lần duy nhất trong thời điểm hiện tại. Còn cái mà bạn ngỡ ngàng là một linh cảm kỳ lạ mà các nhà khoa học gọi là giác quan thứ sáu.

Các chuyên gia thống nhất nhận định rằng những linh cảm như vậy xuất hiện không ít trong cuộc sống và nhiều khi nằm ngoài kiểm soát của con người. Tiến sĩ tâm lý học Timothy D. Wilson, Đại học Virginia (Mỹ), cho rằng: “Linh cảm là sự gợi nhớ từ một miền vô thức”. Đây không phải là những ký ức bị dồn nén hay những cảm xúc nguyên thủy mà là một cơ chế trong não có tác dụng điều hành các thông tin về cảm giác cùng với những hành động vượt ra ngoài tầm ý thức của con người.

Còn tiến sĩ Gary Klein, tác giả cuốn sách “Trực giác hoạt động”, thì cho rằng cái mà người ta thường gọi là khả năng nhìn thấy cái vô hình chính là những năng lực tiềm tàng của trực giác con người. Đặc biệt, đối với những người mà nghề nghiệp buộc họ phải đưa ra những quyết định sinh tử và tức thì như lính cứu hỏa, y tá cấp cứu hay

lính trận là những người thường thấy xuất hiện giác quan thứ sáu. Họ thường thực hiện các hành động theo một linh tính nào đó trong những tình huống khẩn cấp khi họ không thể chọn lựa hay đưa ra một quyết định có ý thức.

Klein đã kể lại câu chuyện về linh cảm của một viên trung úy cứu hỏa đã cứu anh ta cùng đồng đội. Khi cùng đồng đội cứu một căn nhà bị cháy, anh ta bỗng cảm giác có một mối nguy hiểm nghiêm trọng đang cận kề liền ra lệnh cho các đội viên rút ra khỏi ngôi nhà và ngay lúc họ vừa thoát khỏi chỗ đó thì toàn bộ căn nhà đổ sập xuống.

Ông cho rằng linh cảm của viên trung úy thực chất là một sự hồi ức của tiềm thức. Căn phòng nóng khủng khiếp, ngọn lửa không thể dập tắt... là những hồi chuông báo động trong tiềm thức của anh ta và lệnh rút lui cũng xuất phát từ một mệnh lệnh của tiềm thức.

Khả năng đọc tín hiệu

John, nhân viên thuộc sở cảnh sát Los Angeles (Mỹ), trong một lần đối mặt với một gã tài xế khả nghi có vũ khí, anh có thể rút súng hạ gục đối tượng một cách hợp pháp nhưng anh không bắn. Chỉ vài giây sau đó, tên tài xế buông súng đầu hàng. Lúc đó, John không hiểu tại sao mình lại làm thế. Sau này các nhà nghiên cứu giải thích rằng trong cuộc đối đầu chớp nhoáng, linh cảm của anh đã tiến hành một thủ thuật gọi là “đọc gương mặt” đối phương. Khi nhìn mặt gã tài xế, linh cảm đã báo cho anh

biết là hấn sẽ không bắn trước và chính linh cảm đó đã giúp cho anh quyết định không nổ súng.

Các nhà khoa học cho rằng mỗi chúng ta đều có khả năng này, tất nhiên là với những mức độ khác nhau. Có thể đó là những cảm giác mạnh mẽ chỉ xuất hiện trong nháy mắt nhưng cũng đủ “bóc trần” suy nghĩ thực của đối phương ngay cả khi đối phương cố tình che giấu.

Tự “đọc vị” chính mình

Theo các nhà khoa học thì ngay cả khi không rơi vào các tình trạng khẩn cấp thì hệ thống “radar” trong con người vẫn hoạt động và sẵn sàng phát tín hiệu về mối đe dọa đối với bản thân hoặc người thân.

George Soros, nhà tỉ phú Mỹ xếp hạng 38 trong số những người giàu nhất thế giới (2003), là một ví dụ về khả năng tận dụng giác quan thứ sáu. Phần lớn các cuộc đầu tư bạc tỉ của Soros đều dựa vào linh cảm. Ông cũng nói rằng mỗi khi lưng mình bắt đầu nhói đau là tín hiệu báo trước một điều gì đó không thuận lợi trong quyết định chuẩn bị đầu tư. Những trường hợp đó, ông ta đã nghiên cứu kỹ các điều kiện hoặc rút lui đúng lúc và nhờ vậy đã nhiều lần tránh được thất bại.

“Điểm chết” - bí ẩn chưa được giải mã

Có những khu vực trên trái đất được gọi là “Điểm chết” (Accursed site). Tại đó có sự bất thường về trọng lực và khí quyển. Thỉnh thoảng những chiếc xe chạy ngang qua đột nhiên bị một lực vô hình kéo đi trên một đoạn, những tín hiệu vô tuyến không còn tác dụng... Hiện các nhà khoa học vẫn chưa có lời giải về những hiện tượng trên.

Tại Mexico có một khu vực kỳ lạ được gọi là Điểm chết thuộc vùng Chihuahua, bang Ceballos. Đó là một hoang mạc rộng lớn gồm những bụi cây dại và xương rồng. Giống như những hoang mạc khác, nơi đây có rất nhiều rắn độc và bọ cạp sinh sống. Điều kỳ lạ là tại khu vực này, những tín hiệu vô tuyến đều không còn tác dụng và người ta đặt giả thuyết rằng đây có thể là do người hành tinh khác gây ra.

Theo tiến sĩ Santiago Garcia: ngay từ giữa thế kỷ 19, người ta đã phát hiện ra những tính chất không bình thường của khu vực này. Khi ấy, những người nông dân nhận thấy vào ngày đẹp trời có những hòn đá cuội nóng từ trên trời rơi xuống khu vực Điểm chết. Vào năm 1930, một phi công người Mexico tên là Francisco Sarabia thông báo rằng máy bay của anh không thể truyền được tín hiệu radio khi bay qua khu vực này.

Tuy vậy, phải đến năm 1970 thì Điểm chết mới được biết đến một cách rộng rãi: Một chiếc tên lửa Athena được phóng từ căn cứ tên lửa White Sand của Mỹ khi bay qua vùng này bỗng nhiên bị lệch quỹ đạo bay một cách khó hiểu và rơi xuống đất. Hai năm sau đó, một phần trên của tên lửa đẩy Saturn sử dụng cho tàu vũ trụ Apollo của Mỹ cũng bị rơi khi bay ngang qua đây. Người ta cũng không tìm ra được nguyên nhân sau khi đã điều tra kỹ lưỡng, chỉ biết rằng các chi tiết kỹ thuật và đường bay của tàu Apollo trước đó đều không có gì sai sót. Bộ Quốc phòng Mỹ đã cử một nhóm điều tra sang Mexico để tìm rõ nguyên nhân nhưng không có kết quả.

Kỹ sư Harry de la Pena là người đầu tiên phát hiện ra những đặc tính kỳ lạ gây nhiều sóng radio của khu vực này. Pena và những đồng nghiệp trong nhóm nghiên cứu của ông nhận thấy tại nơi này, các máy vô tuyến điện đều không thể liên lạc được, sóng radio không thể truyền được với tốc độ âm thanh bình thường. Cho tới nay, tín hiệu sóng truyền hình cũng không thể thu được tại Ceballos và các vùng phụ cận. Dường như tại đây có một lực hút từ trường nào đó làm vô hiệu hóa tất cả các loại sóng vô tuyến truyền thanh và truyền hình.

Kể từ sau phát hiện của kỹ sư Pena, các nhà khoa học khắp nơi trên thế giới đã đổ về khu vực này với mong muốn tìm ra lời giải đáp cho những bí ẩn trên. Chính phủ Mexico thậm chí còn cho xây một trung tâm nghiên cứu ngay tại khu vực. Một điều kỳ lạ là về mặt địa lý, Điểm

chết nằm ngay trên hạ chí tuyến và nam vĩ tuyến thứ 30, cùng trên một đường thẳng hàng với các khu bí ẩn khác của trái đất như tam giác quỷ Bermuda.

Nhiều người kể lại rằng họ đã tận mắt nhìn thấy đĩa bay và người ngoài hành tinh tại khu vực này. Vào năm 1976, một du khách người Đức đã chụp được các bức ảnh đĩa bay đổ gần khu vực Đồi Nam châm (Magnet Hill) ở Điểm chết. Các bức ảnh cho thấy rõ một vật thể giống nổi hầm không lồ có đường kính 10m phát ánh bạc.

Tiến sĩ Santiago Garcia đưa ra giả thuyết cho rằng một số đĩa sáng đó không phải là đĩa bay của người ngoài trái đất mà là các thiết bị do thám trên không của quân đội Mỹ. Những thiết bị này thường bay cao vào ban ngày để nạp pin mặt trời và hạ thấp vào ban đêm để do thám. Garcia cũng chỉ ra rằng khi quân đội Mỹ sang thu lượm những mảnh vỡ của tên lửa Athena tại đây, họ đã chuyển về Mỹ hàng chục xe tải cát để phân tích, trong đó có thể cất giấu các thiết bị do thám trên không từng bị rơi. Có một giả thuyết khác được đưa ra là tại Điểm chết có một trữ lượng lớn quặng sắt nằm sâu dưới lòng đất, phát ra một từ trường cực mạnh vô hiệu hóa các loại sóng liên lạc. Ngoài ra, người ta cũng phát hiện tại các ngọn núi quanh Điểm chết có nhiều quặng uranium.

Ngoài những hiện tượng kỳ lạ, tại Điểm chết ở Chihuahua còn có những tàn tích khảo cổ mà cho đến nay vẫn chưa thể xác định độ tuổi của chúng. Đó là một đài thiên văn cổ được xếp lên từ những khối đá cao 15m,

nặng 20 tấn/khối. Chúng có hình gần giống những cột đá ở Stonehenge. Một thiên thạch rơi tại Chihuahua vào năm 1959 có cấu trúc tinh thể với độ tuổi nhiều hơn cả Hệ Mặt trời. Theo nhà thiên văn học Luis Maeda Villalobos, thiên thạch này có cùng độ tuổi với vũ trụ, khoảng 13 tỉ năm tuổi, trong khi Hệ Mặt trời mới hình thành cách đây 6 tỉ năm. Cho đến nay, những bí ẩn xung quanh Điểm chết như đĩa bay và người ngoài hành tinh, hiện tượng từ trường bí ẩn, vẫn chưa có lời giải thoả đáng. Và các nhà khoa học vẫn đang tiếp tục công việc tìm hiểu của mình.

Bí ẩn về những hình khắc kỳ lạ trên đá ở Anh

Các nhà khảo cổ vừa phát hiện được những dấu vết kỳ lạ khắc trên đá tại biên giới Anh và Scotland. Một cái trông giống hình trái tim, còn cái kia có hình dấu chân người. Chưa có một dấu tích trên đá tương tự nào được tìm thấy ở nước này.

Chúng tôi thực sự không biết đó là gì, Aron Mazel, nhà khảo cổ tại Đại học Newcastle, nói. Ông tin rằng những vết khắc này không phải mới được tạo ra gần đây mà có thể là từ 3.000 năm trước.



Những hình khắc có chiều ngang 20 cm có thể được khắc bằng công cụ kim loại.

Vì sao các thiền sư bất hoại sau khi chết?

Các Phật tử nói rằng, chỉ có những thiền sư cao cấp mới có thể đạt đến một vài trạng thái đặc biệt trước khi chết và tự gột sạch mình tới mức cơ thể không thể phân hủy.

Bảy mươi tám năm sau khi từ trần, di hài của vị Lạt Ma cao cấp thuộc phái Phật giáo Đông Siberia, Dasha - Dorjo Itigelov vẫn còn nguyên vẹn như mô của người sống. Các nhà khoa học Nga xác nhận rằng thi thể của ông không phân hủy và gần như bất tử.

Khabo Lạt Ma (một chức danh cao cấp trong giới Lạt Ma) Dasha - Dorjo Itigelov sinh năm 1852 và tạ thế năm 1927. Khi chết, ông di chúc lại rằng quan tài của mình phải được thỉnh thoảng mở ra để xem xét xương cốt. Vị Lạt Ma viên tịch trong tư thế thiền trên tòa sen, cách thức điển hình của một thiền sư.

Kể từ đó, di hài của ông được đưa lên mặt đất ba lần vào các năm 1955, 1973 và 2002. Lần gần đây nhất, chiếc quách được mở ra là ngày 11/9/2002, với sự có mặt của các tín đồ Phật giáo Nga và các chuyên gia y tế.

Các nhà sư ở Ivolginsky Datsan kể rằng lần nào cũng vậy, họ thấy cơ thể Lạt Ma còn nguyên vẹn như thể ông chỉ vừa tạ thế. Sau lần đào mộ cuối cùng, các nhà sư quyết

định không chôn cất lại mà đặt di hài của ông vào một chiếc quan tài bằng kính đặc biệt. Chiếc quách được để trong một căn phòng đặc biệt nơi các tín đồ có thể chiêm ngưỡng vị tiên bối. Song, người ta cấm không được chụp ảnh hoặc quay video thân thể ông.

Trả lời báo Nezavisimaya Gazeta, trưởng phòng nhận dạng thuộc Viện chuyên gia pháp y Nga, Viktor Zvyagin cho biết, cơ thể của lạt ma giống như của một người còn sống. Da của ông vẫn mềm mại, các khớp có thể cử động và còn nhiều yếu tố khác nữa. Đáng ngạc nhiên hơn là các phân tích hồng ngoại về mẫu mô đã tiết lộ rằng chúng hoàn toàn bình thường như mô người sống.



Nhục thể Thích sư Vũ Khắc Minh tồn tại từ thế kỷ 18 đến nay vẫn còn nguyên vẹn

Nhóm nghiên cứu đã kinh ngạc trước hiện tượng bất hoại này và yêu cầu các nhà sư cho phép họ có được một vài sợi tóc và móng tay của ông để phân tích.

Theo các chuyên gia, có vài nguyên nhân khiến cho các thi hài vẫn giữ nguyên vẹn sau hàng nghìn năm. Một trong số đó là quá

trình ướp xác của tự nhiên. Viktor Zvyagin cho biết hiện tượng ướp xác tự nhiên được bắt gặp trong các nghĩa địa Nam Phi.

Ngoài quá trình ướp xác tự nhiên, các thi hài còn có thể giữ nguyên trạng nhờ được xử lý bằng sáp mỡ và than bùn, khiến cho cơ thể giống như được ướp bằng một loại xà phòng. Xác vị bác sĩ riêng của gia đình Sa hoàng Botkin được tìm thấy trong trạng thái đúng như vậy.

Tuy nhiên, không một phương pháp nào trong số kể trên được dùng để ướp di hài vị Lạt ma Dasha - Dorjo Itigelov. Các Phật tử nói rằng, chỉ có những thiền sư cao cấp mới có thể đạt đến một vài trạng thái đặc biệt trước khi chết và tự gột sạch mình tới mức cơ thể không thể phân hủy.

Ngoài xác của Khabo Lạt ma Dasha - Dorjo Itigelov, hiện trên thế giới chỉ có ba thi hài của các nhà sư còn nguyên vẹn, đang được lưu giữ ở Trung Quốc, Ấn Độ và Việt Nam.

Rất tiếc, cho đến nay vẫn không có một phân tích nào có thể giải thích một cách thuyết phục hiện tượng bất hoại của các thiền sư. Mọi nghiên cứu về các xác ướp đó vẫn còn trong giai đoạn khai phá.

Bí ẩn về nguồn gốc của xa thuyền

Trong cuốn Trung Hưng tiểu ký có ghi chép: “Chế tạo ra một loại giống như cột buồm lớn, dài hơn 60 trượng, phía trên có đặt đá lớn, gập thuyền của quan quân thì hất đá, đập gậy tre làm vỡ thuyền. Quân của nông dân gọi nó là xa thuyền”. Vậy “xa thuyền” do ai phát minh ra?

Hiện tại có hai giả thiết:

- **Giả thiết thứ nhất:** Do Sơn Nam Đông Đạo, Tiết độ sứ Lý Cao phát minh ra. Theo Cựu Đông Thư Lý Cao truyện có viết: “Lý Cao đã từng suy nghĩ làm chiến thuyền có hai bánh xa, có thể đi mây về gió... gọi là Nhị Luân chiến thuyền” được nhắc ở đây chính là xa thuyền, và cũng cho rằng xa thuyền là do Lý Cao chế tạo ra. Triều Nam Tống niên hiệu Thiệu Hưng thứ 3, trong cuốn Tấn Trình của Lý Cương có đoạn viết: “Lý Cao đã làm được mấy chiến thuyền trên dười có ba tầng, có bánh xe lướt sóng tiến lên, người đến xem đông như kiến”. Đồng thời sử sách còn ghi: “Lý Cao từng sống ở Giang Nam và trong thời gian này ông đã chế tạo ra xa thuyền”. Như vậy, Lý Cao đã chế tạo ra xa thuyền chứ không phải là người đời Đường.

- **Giả thuyết thứ hai:** Do Nam Tống Đô Thủy Giám đô khoa Cao Nghị phát minh ra xa thuyền. Trong cuốn “Sự Tích Dương Ma” viết: “Trình Sư bộ gặp một toán quân nhân...

đó chính là Cao Nghị - Người dâng hình vẽ xa thuyền... làm một xa thuyền lớn..." Câu chuyện ấy không khó để chúng ta có thể nhận ra rằng: Cao Nghị là người dâng hình vẽ và chế tạo ra xa thuyền, cái mà quân nông dân dùng là do cướp được từ tay của quan quân triều đình. Trong cuốn sách này có viết: "Bằng cách nào, họ làm cho nước sông Chi Giang rút dần, cửa sông Chi Giang rất nông, xa thuyền không thể ra được, bọn cướp liền xông vào cửa Đàm Thống Chế dùng lửa đốt, nhưng xa thuyền không cháy mà rơi vào tay bọn cướp".

Vậy người phát minh ra xa thuyền là ai? Điều này các nhà sử học còn phải dày công nghiên cứu, thu thập thêm tài liệu mới có thể đưa ra kết luận chính xác.

Thành cổ Syria

Khắp vùng sa mạc rộng mênh mông một màu cát vàng, ban ngày nhiệt độ cao nhất có thể lên đến hơn 40 độ C, buổi tối lại có thể hạ xuống -40 độ C. Một vùng đất không một bóng người!

Thật kỳ diệu, năm 1862 một nhà khảo cổ học người Pháp, lần đầu tiên phát hiện ra mấy trăm thành cổ bị chìm lấp suốt hơn 1000 năm ở phía bắc sa mạc lớn Syria. Từ những điện miếu cao vút với tường rộng và trên lớp nhám thạch đá trắng rải trên nền đất chúng ta dễ nhận thấy sự phồn vinh xưa kia của những thành cổ này.

Theo sử sách ghi chép, hơn 6000 năm trước, đây là trục giao thông từ Syria đến các nước ở phương Tây và



Thành cổ ở sa mạc Syria

phương Đông, là một trong những vùng đất phát sinh nền văn minh cổ đại. Một thành phố phát triển thịnh vượng như vậy, tại sao nhân loại lại bỏ quên khiến cho nó trở thành *Thành phố chết* như hôm nay?

Một nhà khảo cổ học cho rằng, có thể do nguyên nhân suy thoái kinh tế. Vào năm 611, vua Parsian đánh hạ Antiosz, cắt đứt con đường giao thông đến các nước phương Tây khiến các thương nhân hay đi qua vùng đất này phải chuyển đường. Thương phẩm ở đây không thể lưu thông nên nền kinh tế bị trì trệ, thành cổ cũng vì vậy mà từ cảnh hưng thịnh đi đến suy vong.

Có nhà khảo cổ học cho rằng nguyên nhân kinh tế không ảnh hưởng lớn đến sự suy vong của thành cổ, mà cho rằng nước vẫn là tài sản quý báu nhất. Tuy thành cổ có hệ thống sông ngòi, kênh mương đan chằng chịt, có nhiều bể chứa nước nhưng nếu trời không mưa thì nước trở thành vấn đề quan trọng đảm bảo sự sinh tồn hay diệt vong đối với người dân nơi đây. Thêm vào đó, đế quốc La Mã cách vùng đất này không xa, đế quốc Bizantine cũng đang ngày càng phồn vinh, đa số dân trong thành cổ sẽ chuyển đến nơi khác sinh sống là điều không thể tránh khỏi. Cùng với dòng chảy thời gian, thành cổ này cũng trở thành hoang tàn.

Vậy nguyên nhân nào khiến những con người đó đến xây dựng thành quách giữa sa mạc? Đối với môi trường khắc nghiệt xung quanh thành cổ, họ giải quyết vấn đề sinh tồn như thế nào? Những nghi vấn này vẫn chờ câu trả lời.

Lăng mộ Alexander huyền bí

Alexander Đại đế (356 - 323 trước Công nguyên) là con trai của Quốc vương Macedonia Philip II. Ngay sau khi lên ngôi (năm 336 trước Công nguyên), ông ta bắt đầu xâm lược sang phía Đông. Chỉ trong hơn 10 năm, từ Đông sang Tây, Alexander đã lập nên một đế quốc Alexander có bản đồ rộng lớn, phía Đông tới sông Hằng, phía tây tới sông Sanniro và bán đảo Balkan.

Alexander từng là một vị anh hùng hiển hách, và cũng là một nhân vật thần bí. Những truyền thuyết kể về ông nhiều vô kể. Nhưng thật đáng tiếc, những ghi chép lịch sử



Quốc vương Macedonia Philip II

về cuộc đời ông lại không còn. Sau này cũng có một số sách sao chép nhưng lại có nhiều ý kiến khác nhau, vô cùng mâu thuẫn và mang nặng màu sắc truyền kỳ, màu sắc cá nhân. Vì vậy, dù đã qua hơn 2300 năm, sau khi ông chết, nhưng sự nghiệp chiến công của vị thống soái vĩ đại cổ xưa này vẫn làm cho người ta cực kỳ quan tâm. Đã có ý kiến cần phải tìm ra lăng mộ của Alexander, từ những cổ vật khai quật được sẽ xác định một số chứng cứ lịch sử có giá trị, để đánh giá sự nghiệp của vị anh hùng ngạo mạn một thời.

Một ngày của năm 1964, tờ báo của thành phố Alexander Ai Cập đưa một tin hết sức giật gân: *"Lăng mộ Alexander - quốc vương Macedonia đã được tìm thấy! Một thành tựu vĩ đại của các nhà khảo cổ học Ba Lan"*. Tin này nhanh chóng truyền đi khắp thế giới. Thời báo New York của Mỹ lập tức đăng tin và gửi cho đội khảo cổ Ba Lan một bức điện, hy vọng họ viết một bài về phát hiện vĩ đại này, hứa sẽ trả nhuận bút rất cao. Nhà báo từ các nước cũng tới Ai Cập. Đồng thời, một lượng lớn độc giả đổ dồn tới thành phố làm cho cảnh sát Ai Cập luôn ở trong tình trạng báo động khẩn cấp.

Thật đáng tiếc, tin này lại là giả. Phát hiện ấy không phải là lăng mộ của Alexander mà là di chỉ của một tu viện thời Roma cổ. Vậy lăng mộ của nhân vật nổi tiếng trong lịch sử này nằm ở đâu? Ông ta chết như thế nào? Về bí mật này có rất nhiều ý kiến khác nhau.

Có hai truyền thuyết về nguyên nhân cái chết của

Alexander. Truyền thuyết nói rằng, khi ông ta viễn chinh Ấn Độ, ở một nơi cách không xa Babylon, một số thầy mô tinh thông thiên văn và xem bói đã yết kiến, khuyên ông ta không nên tới Babylon, sợ rằng lành ít dữ nhiều. Tuy nhiên ông ta vẫn không dừng bước, nhưng từ đó về sau tâm tính biến đổi thành trầm uất phiền muộn không thôi.

Một lần, Alexander điều khiển chiến hạm dạo trên mặt hồ, bỗng nhiên ngọn gió thổi tới, làm bay chiếc mũ của ông ta vào đám lau sậy, rơi vào mộ của Quốc vương Azo. Tất cả tùy tùng và ngay bản thân Alexander đều cho rằng đây là một điềm dữ. Người thủy thủ được phái đi lấy chiếc mũ, lúc bơi về, lại dám to gan đội mũ lên đầu. Alexander tức giận lập tức sai chém ngay thủy thủ nọ.

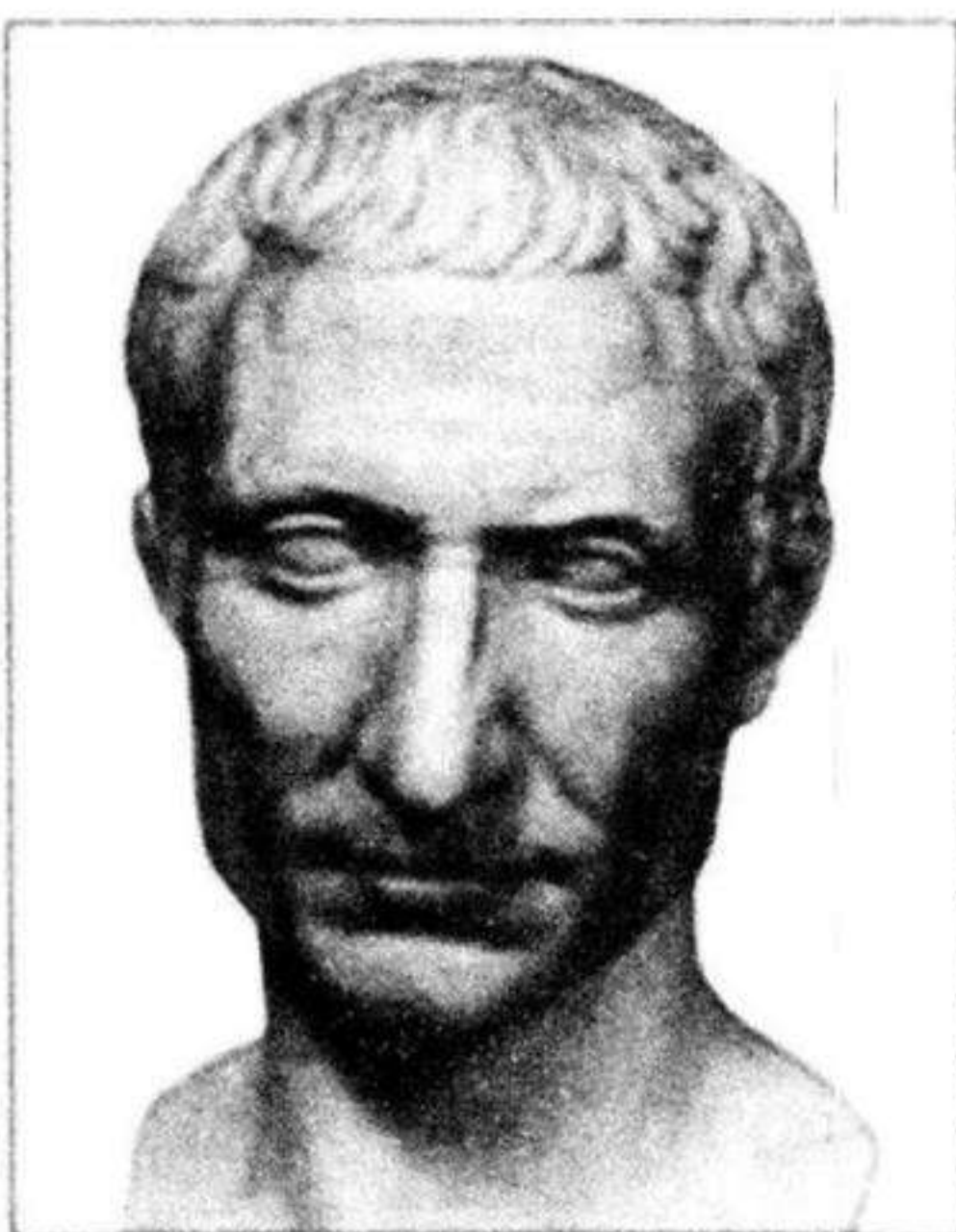
Chẳng bao lâu Alexander lâm bệnh nặng, 13 ngày sau, một buổi tối tháng Sáu năm 323 trước Công nguyên, Đức Vua từ trần. Alexander làm vua được 12 năm, 8 tháng, khi chết mới 32 tuổi.

Những câu chuyện vụn vặt như thế, có lẽ chỉ là một sự trùng hợp. Kỳ thực cái chết của Alexander rất có khả năng là do hành quân gian khổ, thêm nữa nhiều lần trải qua chiến trận, trên mình ông ta mang đầy thương tích, ở trong đầm lầy lại nhiễm thêm bệnh sốt rét.

Ngoài ra một truyền thuyết khác lại kể rằng: *"Trong một bữa tiệc có người đã dâng Alexander cốc rượu pha thuốc độc"*. Nếu truyền thuyết này đúng, thì Alexander chết do một âm mưu, chứ không phải là một cái chết tự nhiên.

Sau khi Alexander chết, tướng quân Ptolemaic - bộ hạ của ông ta (sau này trở thành Vua Ai Cập) đã dùng linh xa chở thi hài Quốc vương về Ai Cập, an táng tại thành Alexander và xây cho ông ta một lăng mộ vô cùng lộng lẫy.

CAESAR



Caesar đại đế

Caesar đại đế, Hoàng đế Kalakal, Hoàng đế Augustin các nhân vật nổi tiếng trong lịch sử cũng đã từng tới đây bái lễ, và đặt thêm lên trên đầu tượng Alexander một vương miện bằng vàng. Nhưng đến thế kỷ thứ IV Công nguyên, những câu chuyện về lăng mộ Alexander, không hiểu tại sao không còn nữa. Năm 642 Công nguyên, đại quân Hy Lạp đánh chiếm thành Alexander. Những dấu tích lịch sử huy hoàng ở đây đã làm cho họ tấm tắc mãi không thôi. Năm 1798, khi quân đội của Napoleon tiến vào thành Alexander, cảnh tượng ở đây đã suy tàn. Trong thành chỉ có 7000 dân. Một số học giả đi theo Napoleon chỉ nhìn thấy những đồng đồ nát của các công trình kiến trúc cổ. Đầu Thế kỷ XIX, ở đây bắt đầu xây dựng hải cảng. Di chỉ kiến trúc cổ xưa đã trở thành bãi khai thác đá, dần dần nó bị lãng quên.

Theo tập tục của Hy Lạp cổ, nhà vua xây dựng nên

thành phố, sau khi ông ta chết đi, sẽ được mai táng ở trung tâm thành phố. Vì vậy mà có nhà khảo cổ học phân tích cho rằng, lăng mộ Alexander phải ở một điểm giao nhau của hai đường phố.

Những năm gần đây, một nhà khảo cổ học người Ba Lan sau khi tiến hành nghiên cứu những lăng đền cổ được khai quật ở đây đã phát hiện thấy: Người xưa khi chế tạo đền, ở phía trên đều làm một mô hình thành Alexander cổ đại. Từ đây bà đã đưa ra một suy đoán thú vị mà mạnh dạn: Trong mô hình đền, có một công trình kiến trúc hình nón, có khả năng đó chính là lăng mộ của



Hoàng đế Augustin

Alexander Đại đế, bởi lăng mộ của Hoàng đế Augustin có kiến trúc đỉnh nhọn hình nón, kiểu mộ này rất có khả năng là phỏng theo lăng mộ của Alexander.

Willi, người Anh từng tiến hành nghiên cứu đối với khu mộ của Vương triều Ptolemaic cho rằng những ngôi mộ này đứt khoát giống với lăng mộ của

Alexander. Ông ta tưởng tượng quan tài của Alexander được đặt trong một ngôi miếu lớn, xung quanh là những chiếc trụ hình tròn, trong mộ nhất định có rất nhiều vật dụng quý hiếm, tinh xảo. Trong mộ còn có thể lưu giữ những ghi chép về lịch sử của các tập kinh thư từ khắp nơi trên Ai Cập đưa đến. Vào cuối thế kỷ XX, một phát hiện lớn đáng kinh ngạc đã chứng thực những phỏng đoán trên. Andronikos nhà khảo cổ học chuyên nghiên cứu về lịch sử Macedonia cổ đại đã phát hiện ra mộ của Philip II - cha của Alexander.

Ở giữa đại diện ngôi mộ Philip II đặt một quan tài đá cẩm thạch cực lớn, trên mặt có đá quý. Bình trang trí mộ bằng vàng rất nặng. Hai cốt của Quốc vương đặt ở trong đó, xung quanh là một số đồ bằng vàng bạc châu báu, mũ giáp vương trượng, sáng lấp lánh, hấp dẫn tất cả những ai tới xem. Trong số châu báu đó có năm bức tượng làm bằng ngà voi, được chế tác hết sức tinh tế, đặc biệt thu hút sự chú ý của mọi người. Năm bức tượng này là tượng gia quyến của nhà vua: Bản thân Philip II, vợ của ông, con trai Alexander và phụ mẫu của Philip II. Phát hiện này đã làm giới khảo cổ kinh ngạc và được coi là một phát hiện vĩ đại nhất của ngành khảo cổ trong thế kỷ XX.

Trong sự mừng vui khôn xiết, người ta không thể không đặt câu hỏi: Lăng mộ của Vua Philip II đã tìm thấy, lẽ nào lại không thể tìm ra lăng mộ của con trai ông? Nhưng thực tế lăng mộ Alexander là một sự thần bí khiến người ta khó có thể với tới được.

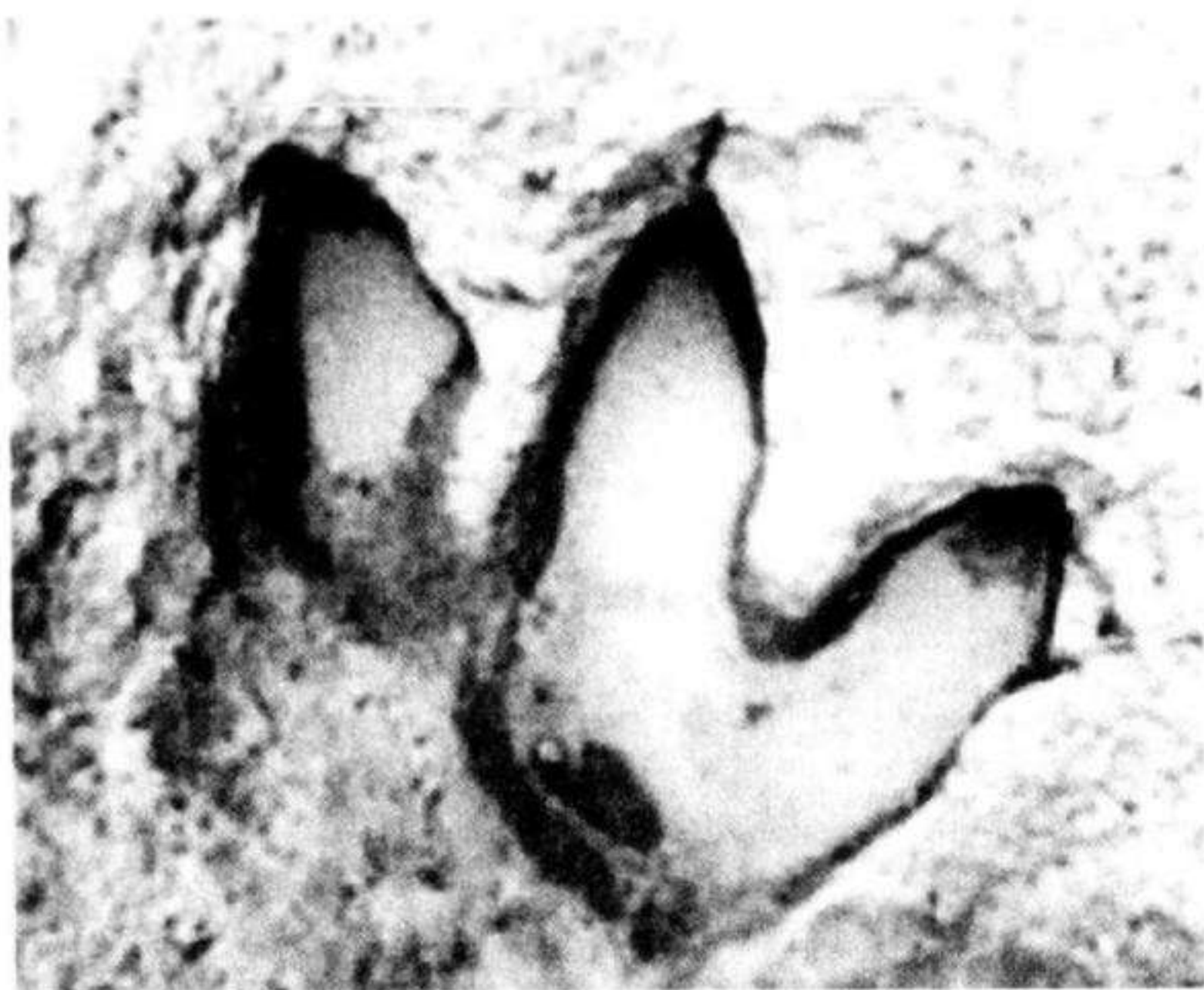
Ai có thể mở ra bí mật của lăng mộ này? Mọi người vẫn đang kiên nhẫn chờ đợi. Nếu tìm thấy, rất có khả năng các nhà khảo cổ sẽ khai quật được những vật phẩm văn hóa nghệ thuật của nhiều dân tộc thời bấy giờ cùng với một số lượng lớn tư liệu lịch sử. Đó sẽ là một đóng góp lớn đối với khảo cổ và là một cống hiến vĩ đại đối với nền văn minh nhân loại.

Bí ẩn sự phát triển mạnh mẽ của sinh vật tiền sử

Khủng long ở Kỷ Jura

Trùng Giang ở Vân Nam (Trung Quốc) vốn là một khu núi nhỏ không mấy nổi tiếng. Hơn 2 tỉ năm về trước, ở đây là một đại dương mênh mông với những năm tháng vắng lặng. Trùng Giang - khu núi nhỏ có diện mạo không lấy gì là nổi bật này, đến ngày nay lại được các nhà cổ sinh vật học coi là thánh địa của các loài động vật. Ở Côn Minh, trong nhiều viện bảo tàng có thể dễ dàng tìm thấy khủng long ở Kỷ Jura, cá ở Kỷ Devon, san hô ở Kỷ Creta,... Những trẻ ở trường học phía tây Côn Minh dường như trong tay mỗi đứa đều có hóa thạch của động vật biển ở Kỷ Cambri. Bởi ngôi trường của chúng được xây dựng trên đáy biển của Kỷ Cambri 530 triệu năm trước.

Ở đây, bí mật lạ lùng của lịch sử



Vết chân khủng long

sự sống trên Trái đất đang được dần dần hé mở. Cách đây 530 triệu năm, ở vùng biển cạn này đã diễn ra một sự tiến hóa vô cùng quan trọng. Sự sống đã trải qua một sự tiến hóa đại quy mô mang tính cách mạng. Tuyệt đại bộ phận chỉ vền vện dưới một giới sinh vật lớn nhất phân ngành, một lớp động vật trong nháy mắt sẽ xuất hiện trên Trái đất. Sự xuất hiện đột nhiên của những động vật này đã điểm thêm cho hành tinh xanh một màu sắc thật sinh động.

Các nhà cổ sinh vật học thậm chí đã dùng từ "*bùng nổ*" để thể hiện tính đột biến này, hình thức của những động vật này rất khác nhau, lớn nhỏ không đều, từ những vi sinh vật chỉ có vài mm đến những quái vật cao tới 2m. Các quái vật ấy còn mang những con mắt lớn và móng vuốt khủng khiếp. Dường như nó khống chế tất cả các loài động vật khác. Cũng có thể nói rằng, ngày nay trên Trái đất, tất cả tổ tiên của động vật bay trên trời, chạy dưới đất, bơi dưới biển,... hầu như đều xuất hiện vào thời kỳ này. Rất nhiều những tế bào động vật bao gồm cả loài người rất có khả năng từ đây khởi bước, mở ra một lịch sử tiến hóa các cá thể. Phát hiện này đã làm cho giới cổ sinh học trên thế giới vô cùng phấn khởi. Một nhà cổ sinh học người Đức đã gọi phát hiện lớn này là "*Giống như một tin tức từ trên trời rơi xuống*".

Phòng trưng bày của Trung tâm Nghiên cứu sự sống thời kỳ đầu ở Trung Quốc có rất nhiều những tiêu bản hóa thạch mang nhiều hình thái khác nhau. Những hóa

thạch trùng Naro cuộn tròn, hoặc nằm nghiêng, hoặc thẳng đứng. Cấu trúc thân mềm của trùng Naro được bảo tồn hoàn hảo, thậm chí chúng ta có thể nhìn thấy cả thức ăn còn đầy trong ruột của chúng. Như vậy, trước lúc chết, trùng Naro vẫn ăn một bữa bình thường; ở đó có cả loài trùng gân với mạng gân xương kiểu gân lá cây, khi chết vẫn còn giữ nguyên được thế đứng thẳng, làm người xem không khỏi kinh ngạc. Những con sứa có xúc tu mảnh dẻ, thân nhẵn nhụi, có cỏ vòng; những thiên khẩu trùng, hải khẩu trùng bị chôn vùi thành đàn chứng tỏ chúng đã tụ hội và cùng chết trong một tai nạn bất ngờ. Những hóa thạch có cấu trúc thân mềm này hiện nay ngoài Côn Minh - Trung Quốc, người ta vẫn chưa tìm thấy ở nơi nào trên thế giới có.

Năm 1985, một nhà cổ sinh học Trung Quốc đã phát biểu: *"Trùng Naro khai quật được ở Mạo Thiên, Trường Giang, hóa thạch động vật cổ xưa này đã mở ra một trang quan trọng trong lịch sử nghiên cứu quần thể sinh vật ở Trường Giang"*. Năm 1995, tại Trung Quốc đã diễn ra hội thảo Quốc tế về *"Đại bùng nổ Kỷ Cambri"* của các nhà khoa học trên thế giới.

Từ năm 1990 trở lại đây, các nhà khoa học đã tiến hành khai quật rất nhiều lần ở nơi có hóa thạch của núi Mạo Thiên. Tổng số hóa thạch thu được lên tới hàng vạn mẫu. Dường như họ đã tìm thấy vết chân của tổ tiên loài động vật ngày nay ở tầng nham thạch màu da cam đỏ. Ngoài ra, họ còn phát hiện được rất nhiều loài sinh vật đã

bị tuyệt chủng. Hàng ngàn vạn loài sinh vật đông đúc trên Trái đất ngày nay quy nạp lại mới có 35 ngành, trong khi đó hóa thạch ở Trùng Giang người ta đã phát hiện được một cấp hệ thống hơn 20 ngành. Điều này chứng minh rằng, ở Kỷ Cambri thể cơ bản của động vật mang tính đa dạng đã được thiết lập.

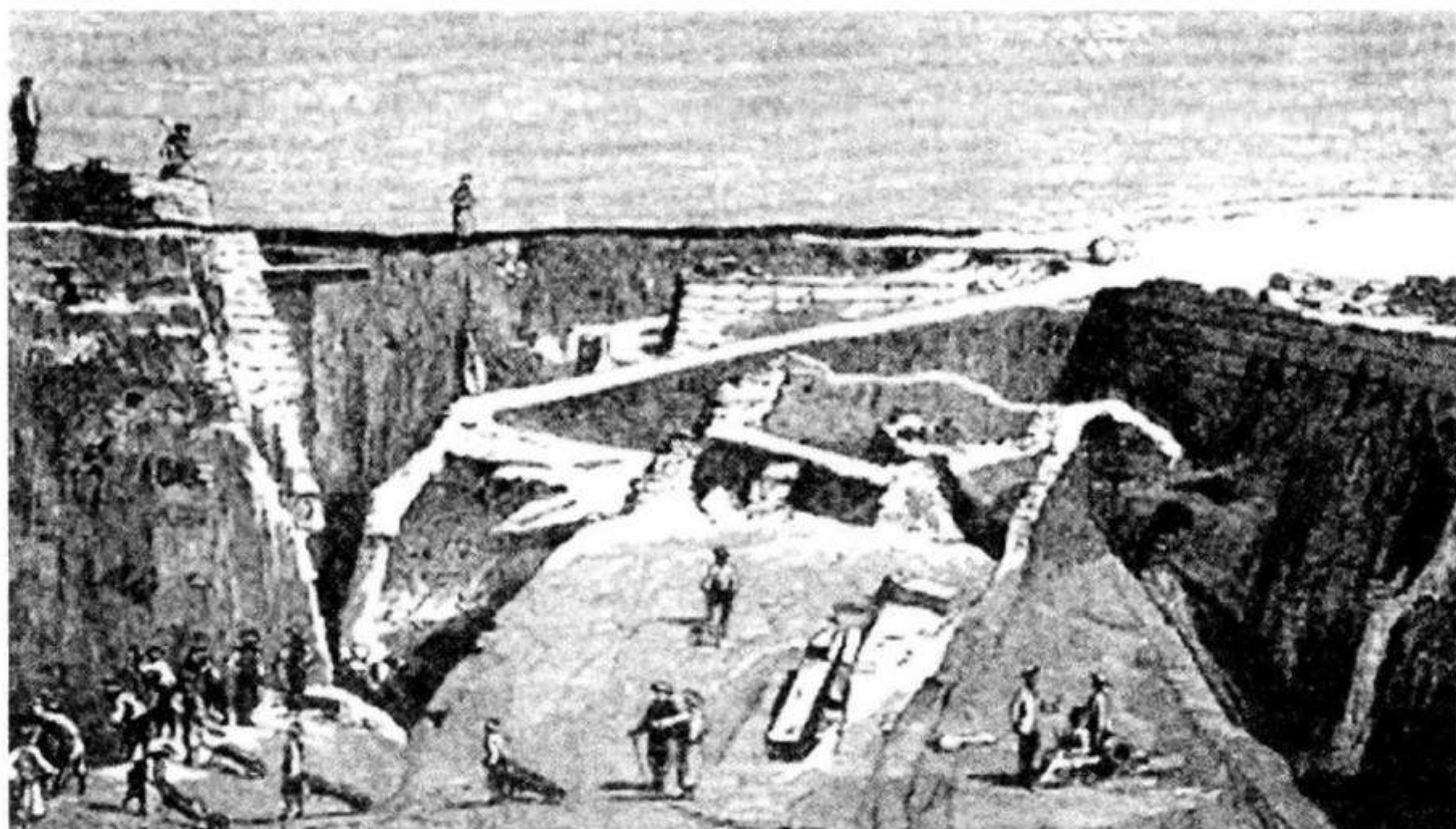
Trong hóa thạch cổ sinh vật này, có thể thấy một mẫu hóa thạch có chấm những điểm hồng hồng, đây là hóa thạch của mầm hải đậu. Mầm hải đậu mà chúng ta thấy ở biển ngày nay cũng giống y như vậy. Cũng có thể nói rằng, từ cổ xưa tới ngày nay nó không hề có biến đổi. Nhưng lại có những động vật tiến hóa nhanh chóng đến kinh ngạc. Ví dụ: Tổ tiên của động vật có xương sống - Trùng Vân Nam theo chiều hướng khác nhau tiến hóa thành loài cá, loài lưỡng thể, loài bò sát (bao gồm cả khủng long sau này đã bị tuyệt chủng), loài chim và loài động vật có vú (bao gồm cả loài người).

Trước những hóa thạch sinh vật có hàng ngàn vạn hình thái, người ta đặt ra câu hỏi: Đại bùng nổ Kỷ Cambri có phải đã từng diễn ra? Trước đại bùng nổ, Trái đất đã xảy ra điều gì? Điều gì đã dẫn đến sự tiến hóa mạnh mẽ này? Đây là một loạt bí ẩn của lịch sử tiến hóa đang chờ các nhà khảo cổ học và sinh vật học tìm tòi đưa ra ánh sáng.

Bí ẩn về kho báu trong sử thi Homer

Sử thi Iliad và Odyssey là tác phẩm văn học vĩ đại của đất nước Hy Lạp cổ được viết ra từ sự sáng tạo tuyệt vời của một người đàn ông mù tên là Homer.

Khoảng 3000 năm sau, một thương gia người Đức tên là Heinrich Schliemann dựa theo hai bộ sử thi Iliad và Odyssey đã khai quật di chỉ thành Troy bị vùi sâu trong lòng đất hơn 2000 năm trước và tìm thấy Kho báu Priam ở phía đông bắc bán đảo Xiasia. Thương gia người Đức này cũng phát hiện ra phần mộ của Vương thất Mycenae



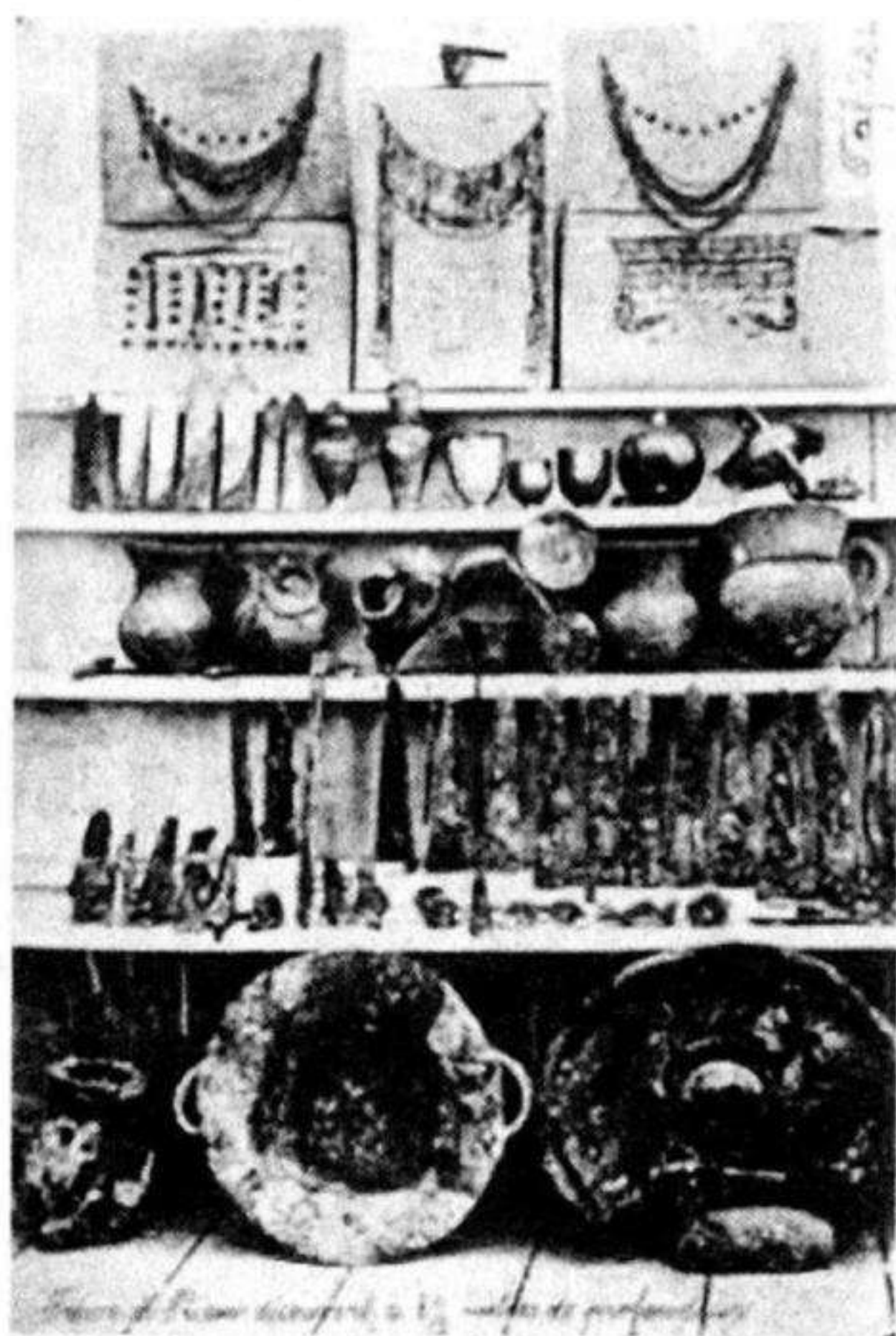
Schliemann nhận khai quật Thành Troy

trong một khe núi ở bán đảo Peloponnese và đào được một kho báu chôn sâu dưới lòng đất đã 3000 năm, khiến cho các báu vật lại được nhìn thấy ánh mặt trời.

Ở miền Bắc nước Đức, tại một thị trấn nhỏ gọi là Mecklenburg có một vị mục sư nghèo. Vào một ngày Giáng sinh năm 1829, ngài tặng cho chú bé Schliemann lên 7 tuổi một cuốn *Lịch sử Thế giới dành cho nhi đồng* do G. L. Jerren biên soạn. Cậu bé rất thích món quà sinh nhật này. Schliemann vốn là một cậu bé rất ham học hỏi nhưng do nhà nghèo, năm 14 tuổi cậu phải bỏ học đi làm thuê cho hiệu tạp hóa. Suốt những năm tuổi niên thiếu và

thanh niên, cậu đều phải bôn ba lưu lạc kiếm sống.

Năm 1856, Heinrich Schliemann bắt đầu học tiếng Hy Lạp hiện đại và tiếng Hy Lạp cổ. Vì có trí thông minh tuyệt vời nên anh học tập rất nhanh. Một tháng rưỡi anh học xong tiếng Hy Lạp hiện đại, sau đó học tiếp hai tháng tiếng Hy Lạp cổ. Khi đã tinh thông các luật thơ trong sử thi của Homer, Schliemann có ý định viễn vông, quyết



Những đồ vật bằng vàng được khai quật từ thành Troy

định đi khai quật một tòa thành cổ được nói đến trong sử thi. Mùa xuân năm 1869, Schliemann thực hiện mộng tưởng vĩ đại của mình.

Theo miêu tả trong sử thi của Homer, ở gần thành Troy có hai dòng suối ngầm: *“Dòng suối ngầm nước nóng, hơi nước bốc lên không trung giống như màn khói nóng; nhưng dòng suối ngầm kia thì ngược lại, nước của nó ngay cả trong mùa hè cũng lạnh buốt như băng tuyết”*.

Tháng 4 năm 1870, Schliemann nhận được giấy phép khai quật khu di chỉ đó của quan chức Thổ Nhĩ Kỳ. Ông bắt tay vào khai quật thành Troy đã bị chìm lấp ở núi Hissarlik với mong muốn sẽ tái hiện lại nền văn minh thành Troy thuở nào.

Việc khai quật được khởi công vào tháng 1 năm 1871 và kéo dài 3, 4 năm vì công việc liên tục bị gián đoạn. Trung tuần tháng 3 năm 1873, Heinrich Schliemann lại tiến hành khai quật một diện tích lớn khu đất ở phía bắc núi Hissarlik. Nhưng lần khai quật này, ông hơi thất vọng, vì di chỉ hơi nhỏ, hầu như không đủ để diễn tả được quy mô hoành tráng của thành Troy mà ông đã tưởng tượng qua miêu tả của Homer. Nhưng ông cũng lại suy xét, là một nhà thơ, với mỗi sự việc, nhất định Homer phải phóng đại lên gấp nhiều lần. Có lẽ chính vì thế mà trong ba lần đào bới, ông chưa tìm được thỏi vàng nào hoặc chế phẩm vàng nào.

Vào một buổi sáng (một ngày trước ngày 15 tháng 6) trong ánh nắng nhẹ, Schliemann cùng vợ đứng cạnh một

bờ tường thành cổ dưới độ sâu 29 thước Anh. Đột nhiên, ông nhìn thấy một vật được làm bằng đồng xanh nằm ở phía dưới bức tường. Khi bước lại gần, ông phát hiện ra phía sau khối đồng xanh ấy còn có một cái gì đó phát ra ánh sáng lấp lánh giống như vàng. Schliemann liền gọi vợ đến gần, nói nhỏ vào tai vợ: “Cho thợ nghỉ ngay, chạy nhanh lên”.

Sau khi thợ giải tán, Schliemann nhẹ nhàng dùng dao cạy lớp đất xung quanh khối đồng xanh. Cuối cùng trong lòng đất lộ ra ánh lấp lánh của vàng, ánh của ngà voi. Vợ ông bỏ chiếc khăn choàng màu đỏ để gói từng món báu vật. Trong những báu vật này, giá trị nhất là hai chiếc mũ miện vàng hoa lệ, có vẻ đẹp mê hồn cuốn hút người ta từ



Theo phán đoán, mặt nạ bằng vàng này là vật phẩm chiến tranh thành Troy. Theo truyền thuyết, Quốc vương Mycenae là Agamemnon, cũng là thống soái của quân đội Hy Lạp trong chiến tranh Thành Troy.

ánh mắt đầu tiên. Chiếc mũ miện to được ghép từ 1784 phiến vàng thực sự tuyệt mỹ. Xung quanh nó còn được móc 75 sợi dây ngắn, 18 sợi dây dài, mỗi sợi đều được tạo bởi những miếng vàng hình trái đào. Những sợi ngắn rủ xuống trước trán người đội, những sợi dài rủ xuống bờ vai

người đội. Khuôn mặt người đội mũ miện đều được ánh sáng của vàng lấp lánh bao quanh. Chiếc mũ miện thứ hai cũng giống như chiếc mũ thứ nhất, nhưng các sợi dây được móc vào đầu những lá vàng, dây phía sau tương đối ngắn, chỉ che được hai búi tóc. Kỹ thuật chế tác hai mũ miện này rất tinh xảo và hoàn mỹ. Ngoài ra, tại đây, Schliemann còn khai quật được bảy vòng vàng, hai ly vàng, ba ly mã não, bốn hộp lớn bằng vàng bên trong đựng 65 vòng đeo tai, 8600 cốc bạc nhỏ; còn có lăng kính đục lỗ, cốc áo,... những thỏi vàng và những đồ vật nhỏ chế bằng cerium, lọ hoa bằng bạc, đồng, vũ khí, quả tạ.

Cho đến lúc chết, Schliemann vẫn cho rằng, các báu vật trên là tài sản của Vua Priam xứ Troy. Tất nhiên, đây là thành Troy, là cung điện của Vua Priam và là kho báu trong thành Troy được ngòi bút của Homer miêu tả. Không có một lý do gì có thể lay chuyển được niềm tin của Schliemann. Ông cho rằng: Tất cả đồ dùng trong tay ông chính là đồ trang sức của Helen of Sparta, người đàn bà đẹp nhất thế giới, người đã khiến cho thành Troy bị hủy diệt trong chốc lát.

Schliemann mất chưa được ba năm thì suy luận và phán đoán của ông bị các nhà khảo cổ bác bỏ. Các nhà khảo cổ đã tìm thấy chủ nhân của số báu vật trên là Quốc vương Bipriamne, có trước 1.500 năm.

Mặc dù phán đoán của Schliemann có sai lầm, nhưng phát hiện của ông vẫn mang giá trị rất lớn nên vẫn được hậu thế hết lời ca ngợi. Các trợ thủ và những người kế

thừa của ông, bằng niềm tin mãnh liệt và sự cố gắng không mệt mỏi, đã khai quật hết thành Troy như Homer miêu tả, tất cả đếm được sáu thành. Nhưng công lao đầu tiên và lớn nhất để cho thành Troy lần nữa thấy ánh mặt trời vẫn thuộc về Heinrich Schliemann - Người mang một niềm tin son sắt với những điều mà Homer vĩ đại đã viết.

Trước khi khai quật thành Troy, Schliemann đã nghĩ tới việc khai quật thành Mycenae nằm ở phía đông bắc bán đảo Peloponnese. Vì là người am hiểu và yêu thích sử thi Homer, ông nhiều lần chú ý đến việc khi Homer miêu tả thành Mycenae đều cho thêm các cụm hình dung từ như *"rất nhiều vàng"*, *"là màu vàng"*, *"lưng thịnh phồn vinh"*... Dưới ngòi bút của Homer, nếu thành Troy rất giàu có thì thành Mycenae càng giàu có hơn.

Tháng 8 năm 1876, Schliemann đến một khe núi vắng vẻ trên bán đảo Peloponnese. Ở phía tây đỉnh núi, tường thành được xây dựng bằng những tảng đá rất lớn, ở giữa mở ra một cửa núi lớn, trên mặt có hai con sư tử trông rất oai hùng, đó chính là Cửa Sư tử (Lion Gate) nổi tiếng thế giới.

Nơi đây, các nhà khảo cổ đã nhiều lần cất công tìm kiếm phần mộ của Vua Agamemnon. Dựa vào sự đoán định theo ý chủ quan, họ đã tùy tiện giải thích những ghi chép của các nhà sử học Hy Lạp Thế kỷ thứ II trước Công nguyên. Dù không có một căn cứ nào nhưng họ vẫn cả quyết rằng, phần mộ của Vua Agamemnon nằm ở bên ngoài tường thành. Trong khi đó, Schliemann lại căn cứ

vào các ghi chép để đưa ra phán đoán rằng, phần mộ của vị vua đó có ba chiến hữu khác nằm ở phía trong tường thành chứ không phải bên ngoài.

Schliemann bắt đầu khai quật vùng xung quanh Cửa Sư tử từ ngày 7 tháng 9 năm 1876. Không lâu sau, kết quả sơ bộ đã chứng minh con đường ông chọn là chính xác. Ở một nơi cách Cửa Sư tử 50 thước Anh, cách tường Người Khổng Lồ Một Mắt (tương truyền do người khổng lồ một mắt xây dựng) không xa, họ đào một hố sâu dài 90 thước Anh, rộng 15 thước Anh.

Dưới hố lộ ra một vòng tròn được tạo bởi những tấm đá bằng phẳng quây lại với nhau có đường kính 90 thước Anh. Đất trong vòng tròn đã bị san bằng, trong chỗ đất bằng này có một tấm đá phẳng giống như bia mộ. Nét phù điêu trên tấm đá bị hư hỏng nặng, khó có thể nhận biết phía dưới phiến đá có phải là phần mộ không.

Từ đó, khe núi của bán đảo Peloponnese trở thành tâm điểm chú ý của toàn thế giới.

Schliemann khai quật tổng cộng năm ngôi mộ và phát hiện ra ngôi thứ sáu ở Sitamasaji. Tất cả những ngôi mộ này đều nằm trong các vòng tròn do những phiến đá quây thành. Thực chất, trong vòng tròn kia cũng là một lăng mộ, được coi là một nghĩa địa công cộng, điều này trước Schliemann chưa ai biết đến.

Các ngôi mộ hình vuông, độ sâu, độ to nhỏ đều giống nhau. Trong mộ huyết của sáu ngôi mộ này an táng 20

người, có nam, nữ và cả trẻ em. Trên những thi thể này phần lớn đều phủ các trang sức bằng vàng. Mặt đàn ông được chụp mặt nạ bằng vàng, trong đó có một người còn đội mũ bằng vàng. Hai trẻ em được bọc trong tấm vàng. Bên cạnh thi thể người đàn ông đặt các đồ vật như: dao, kiếm, cốc vàng. Còn bên cạnh thi thể người phụ nữ đặt tráp đựng đồ trang sức bằng vàng và các loại kim, trâm cài đầu, trên áo cũng có trang trí những mảnh vàng. Ngoài một số đồ vật quý bằng vàng được tìm thấy trong ngôi mộ, các báu vật khác ở đây cũng rất có giá trị, nghệ thuật chế tác tinh xảo, có một không hai.

Đó là hai chuôi dao găm được chạm khảm bằng vàng, các cảnh vật sông nước với những lùm lau sậy rậm rạp, nước sông trong xanh lấp lánh, một con mèo hoang luôn qua làm kinh động đến những con vịt trời gần đó, chúng vội vỗ cánh bay lên, phá tan không khí tĩnh lặng.

Các kho báu tìm thấy tăng theo số lần khai quật làm cho Schliemann rất vui mừng. Những thành công này của ông khiến cả thế giới chú ý. Hầu như ngày nào ông cũng có bài viết về hiện trường khai quật đăng tải trên các báo. Ông vô cùng tin tưởng vững chắc rằng, những thi thể ông khai quật được ở đây đều là di cốt của các anh hùng đã tham gia chiến đấu ở thành Troy.

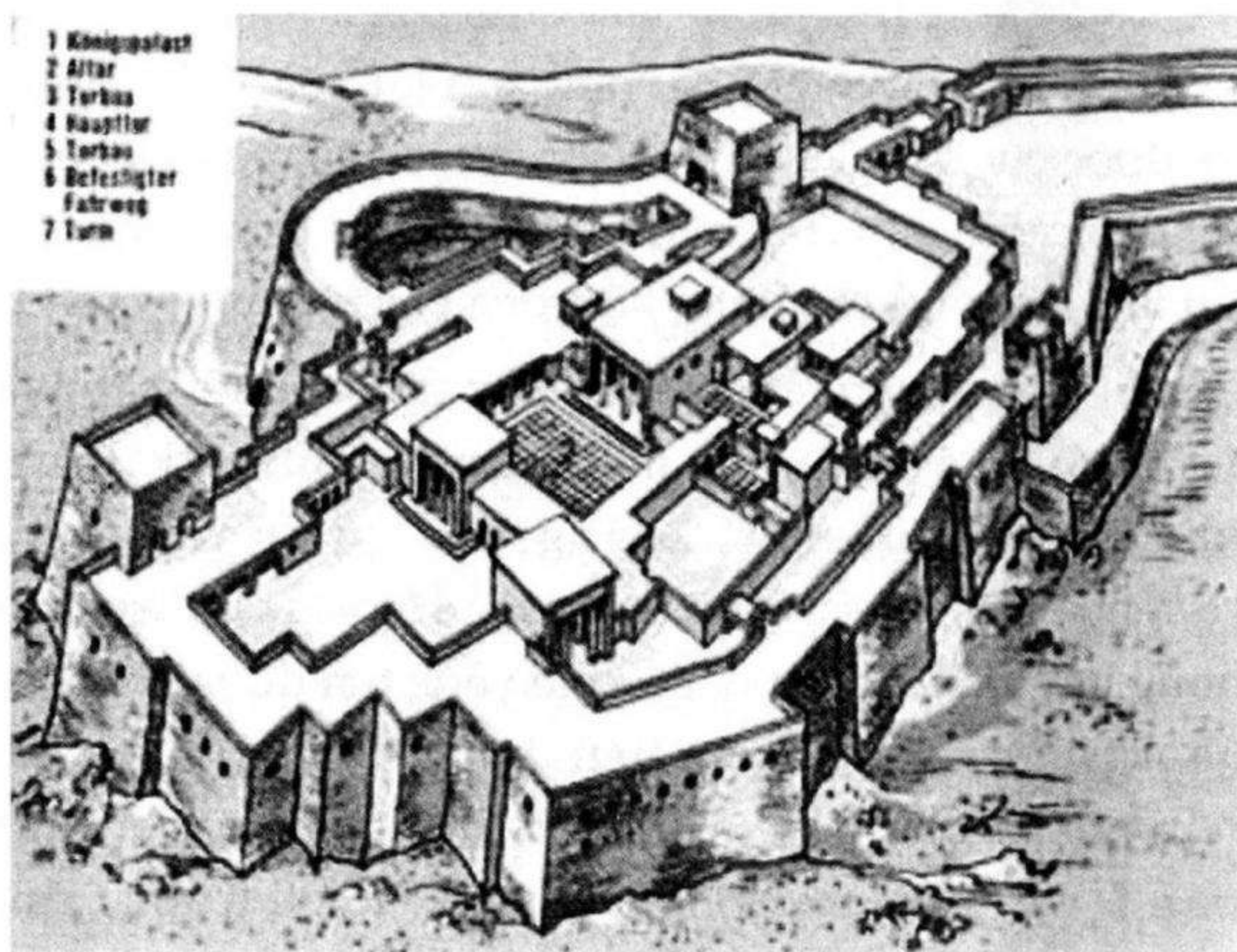
Lúc đó các học giả và các nhà khảo cổ trước đây có thái độ hoài nghi cũng đều thừa nhận thương gia người Đức Schliemann nắm được bản chất của sự thật và có một vận mệnh không bình thường. Vì sau khi tiến hành kiểm tra

những báu vật tìm được trong các hầm mộ, họ cho rằng những vật này có liên hệ rất chuẩn xác không chút nhầm lẫn với những gì đã được Homer miêu tả. Chẳng hạn như lá chắn phòng thân hình chữ bát hoặc những cái cốc, trong sử thi Homer viết: *"Lão mưu thần tham gia chiến tranh thành Troy là Lanistuer rót rượu Prammi vào cốc vàng cho Maku và cho mình, chiếc cốc vàng này có bốn tay cầm, mỗi tay cầm đều có hai trụ chống đỡ, mà phần đỉnh của mỗi tay cầm đều có hai con chim bồ câu. Giống nhất là mũ lợn lòi nhe nanh"*. Hay *"Hlidlis cầm cái mũ da đội lên đầu Edxins, bên trong chiếc mũ da có những sợi dây da được bện ngang dọc rất chắc chắn, bên dưới lót một cái mũ mềm được làm bằng len ní, hai cạnh mũ phía ngoài được trang trí rất đẹp, có hai hàng răng lợn lòi sáng trắng bóng như tuyết"*. Schliemann đã tìm thấy trong huyết mộ 60 cái răng lợn lòi, toàn bộ số răng này được cưa rất đều đặn và còn được khoan hai lỗ, nhất định hai cái lỗ này là để nối nó với vật khác và dùng cắm trên mũ làm vũ khí phòng hộ trong chiến đấu.

Schliemann luôn tâm niệm, thế giới mà ông phát hiện ra chính là thế giới trong mắt Homer - Thế giới "Iliad - Odyssey". Nhưng thật đáng tiếc, phán đoán của Schliemann lại bị sai, ông tin tưởng Homer và theo đuổi không mệt mỏi, điều này đã khiến ông tìm được phần mộ của Agamemnon. Nhưng trên thực tế, niên đại của các phần mộ ấy phải cách thời điểm đó 500 năm trước, dự đoán ở vào khoảng giữa năm 1.600-1.500 trước Công nguyên.

Sau này, khi đã hiểu biết nhiều về nền văn hóa Mycenae, người ta cho rằng phần mộ mà Schliemann phát hiện không phải là táng cùng một lúc, mà nó được diễn ra trong khoảng hơn 1.000 năm. Họ khẳng định đó là phần mộ của Vương công Hoàng tộc, cũng có thể là thành viên vương thất của một triều đại. Agamemnon rất có khả năng được táng ở phần mộ có đỉnh hình tròn giống như một tổ ong trong khe núi. Họ tin rằng Agamemnon phải được yên nghỉ trong một phần mộ cao sang, do vậy "*Kho báu Aterosi*" đã có lúc được xem là mộ của Agamemnon.

Năm 1921, trong quá trình khai quật thành Mycenae các nhà khảo cổ đã phát hiện thấy nghĩa địa công cộng



Sơ đồ Thành Troy

tiền sử (hầm mộ do Schliemann phát hiện là một bộ phận trong nghĩa địa công cộng này) mở rộng ra đến phía ngoài bức tường Người khổng lồ và phía tây Cửa Sư tử. Trong khoảng từ năm 1.600-1.500 trước Công nguyên, vương tử và công chúa của vương thất đều táng ở mộ phần của nghĩa địa công cộng, phần đó hiện nay lại ở trong tường. Số vương công và hoàng tộc này hình như lại thuộc cùng một triều đại. Thời kỳ hưng thịnh nhất của thành Mycenae thi công công trình bức tường Người Khổng Lồ Một Mắt của Andao và Cửa Sư tử. Cũng trong thời gian này, họ đã dùng những phiến đá để vây mộ các vương công đã táng trước đây, lập bia mộ đặt bên trong vòng tròn và thi công những đài tế tròn giống như hình dáng cái giếng nước, máu tươi của những con vật tế có thể đi qua, trực tiếp chảy vào phần đất táng các vị anh hùng.

Vấn đề tường chùng đã được giải quyết, nhưng chưa triệt để vì vẫn khó mà phủ định khi những luận cứ như đúng mà cũng như sai vẫn ủng hộ phán đoán của Schliemann. Ví dụ như lá chắn hình chữ “bát”, mũ lợn lòi nhe nanh, hay những chiếc cốc vàng tìm thấy ở đây khiến cho luận điểm của ông vẫn được nhiều người chấp nhận. Mặc dù vậy, trong cuộc sống của người Mycenae vẫn còn rất nhiều bộ phận hợp thành không hoàn toàn giống như Homer đã miêu tả. Vì vậy, gần 100 năm nay các học giả vẫn tiếp tục tranh cãi về vấn đề kho báu trên là của ai, câu trả lời nào là chính xác?

Bí mật về tục vẽ người và xăm mình

Vẽ người có nghĩa là bằng một phương pháp nào đó bôi các loại màu lên trên thân người, nhưng kiểu vẽ này bị hạn chế về thời gian và nó rất dễ bị rửa trôi. Do vậy, người ta đã nghĩ ra cách nào đó để lưu giữ hình vẽ được lâu. Biện pháp xăm mình ra đời từ ý nghĩa đó. Xăm mình nghĩa là tạo ra nét vẽ trên da người và để lại dấu vết hay châm trên da người rồi bôi màu lên khiến cho sắc tố không bị mất đi.



Trong nhiều bộ lạc nguyên thủy của các vùng đất trên thế giới, các kiểu xăm sọc, xăm mình và vẽ trên người được sử dụng kế tiếp nhau. Các nhà khảo cổ học và nhân chủng học chỉ ra rằng, tập tục vẽ người và xăm mình xuất hiện chậm nhất vào trước mấy chục năm thời kỳ đồ đá cũ và phát triển đến nay, trở thành một nghệ thuật nguyên thủy rất độc đáo. Từ nền nghệ thuật này, người ta có thể thấy được một phần tín ngưỡng tôn giáo và phong tục xã hội của người nguyên thủy. Người nguyên thủy coi việc vẽ trên thân người và xăm mình là một việc làm vô cùng quan trọng và thiêng liêng, đồng thời chúng cũng là tấm gương sinh động để người hiện đại tìm hiểu nền văn minh cổ xưa.

Người nguyên thủy vẽ trên người và xăm mình nhằm mục đích gì?

Có người suy đoán, có khả năng nó được xuất phát từ Totem hoặc sự sùng bái tổ tiên. Căn cứ vào tài liệu điều tra nhân chủng học đã có hiện nay, trong các ví dụ có thực về việc vẽ trên người hoặc xăm mình, người ta nhận thấy: Người nguyên thủy lấy Totem của bộ lạc vẽ hoặc xăm lên người là hiện tượng phổ biến. Theo người nguyên thủy, Totem của bộ tộc không phải là tượng trưng cho tổ tiên, bản thân mà chính là tượng trưng cho vị thần chính được sùng bái nhất. Do vậy, họ vẽ hoặc xăm những hình này trên người với niềm tin sẽ nhận được sự phù hộ giúp đỡ của thần linh.



Theo ghi chép xưa, dân địa phương sống trên đảo gần eo biển Toliesi của Châu Đại Dương đều vẽ một đường từ chóp mũi tới trán, từ dọc sống lưng đến eo. Những nét vẽ này tượng trưng cho Totem của họ là Nhân Ngư (Động vật có vú sống ở biển). còn Trung Quốc, dân tộc sùng bái Rồng của phương Nam cổ đại thì hầu như xăm mình Rồng lên người. Đối với

người Papua, mỗi bộ tộc đều có riêng một hình xăm độc đáo của mình. Nếu người nào đó bắt chước các nét hoa văn của bộ tộc khác, giữa họ sẽ xảy ra tranh chấp, nhẹ thì cãi nhau, nặng thì dẫn tới đánh nhau có vũ khí, thậm chí xảy ra chiến tranh.

Một nguyên nhân nữa của việc vẽ người, xăm mình được bắt nguồn từ mục đích tôn giáo hoặc ma thuật nào đó. Những hình vẽ khác nhau có ý nghĩa khác nhau như: Thổ dân Australia vẽ màu đỏ toàn thân khi ra trận, vẽ màu trắng toàn thân khi cử hành tang lễ, để cầu mong được thiên thần che chở. Hầu như tất cả thầy mo, thầy cúng của các bộ lạc thổ dân Australia trong khi thực hiện phép thuật đều vẽ hoa văn trên người, nếu không sẽ bị

cho rằng phép thuật không linh, mất đi sự tín nhiệm của mọi người, cuối cùng dẫn tới thất bại.

Ngoài ra, việc vẽ trên người và xăm mình cũng có thể phản ánh được địa vị trong xã hội của mọi người. Chẳng hạn, người già bộ tộc Papua dùng màu đen vẽ người, xăm cánh tay, đùi và ngực; người trẻ nhìn chung dùng màu đỏ vẽ người và xăm mặt.

Trong tộc người Aynô, nét hoa văn to và thẳng đại diện cho người có địa vị xã hội tương đối cao, còn nét hoa văn nhỏ và cong thì nói rõ địa vị xã hội thấp. Tuy nhiên, không ít các học giả còn cho rằng tục vẽ người và xăm mình của người nguyên thủy xuất phát từ thiên tính yêu cái đẹp của nhân loại, còn những ý kiến khác đều do sau này người ta suy đoán ra. Theo ghi chép, phụ nữ Maoris, người địa phương dân New Zealand, sau khi đến tuổi trưởng thành đều xăm những đường ngang dưới cổ, đặc biệt là môi vì họ cho rằng để môi đỏ rất khó coi. Người đàn ông nếu như lấy phải một phụ nữ môi đỏ làm vợ thì đó là điều sỉ nhục lớn nhất.

Cùng với sự phát triển của xã hội và sự tiến bộ của nền văn minh nhân loại, trong các bộ tộc nguyên thủy cận - hiện đại, con người sở dĩ vẽ người hoặc xăm mình là hoàn toàn xuất phát từ các nhu cầu không giống nhau như tôn giáo, văn hóa hoặc sự yêu thích. Do vậy, việc gán ghép một cách đơn giản nguyên nhân nào đó cho việc vẽ người hoặc xăm mình là rất khó giải thích cho hiện tượng phức tạp này.

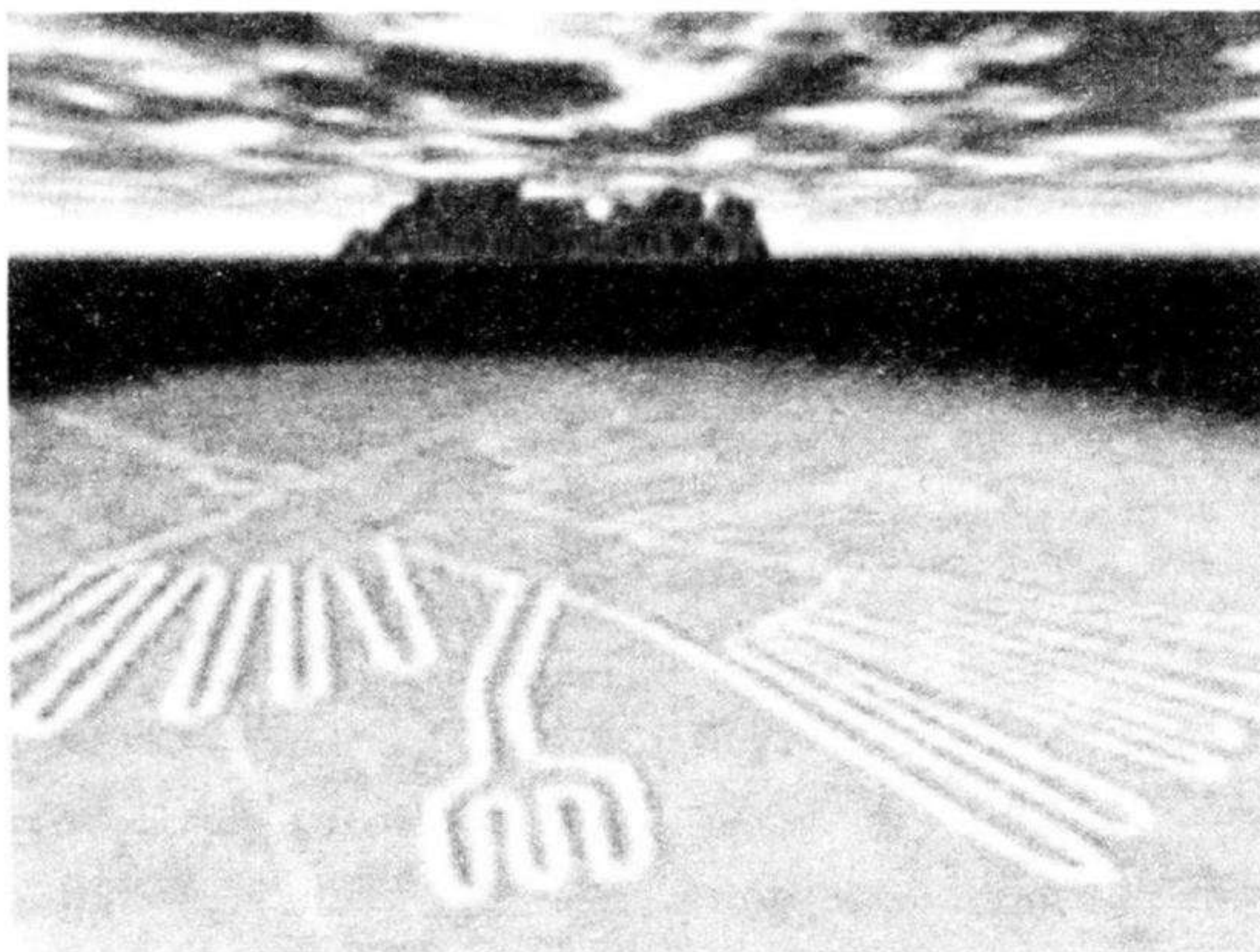
Rất nhiều học giả đã từng nghiên cứu phong tục vẽ người, xăm mình cho rằng: Tục vẽ người, xăm mình thời kỳ nguyên thủy có liên quan mật thiết tới phục trang, kiểu tóc thậm chí là sự phát triển các đồ trang sức của người cổ xưa. Phục trang sớm nhất của nhân loại rất có thể chính là vật phụ thuộc của vẽ người, xăm mình. Nhưng, cùng với sự mở rộng phát triển dần dần trong xã hội loài người, ảnh hưởng của phục trang cũng không ngừng lớn mạnh, còn tục vẽ người, xăm mình lại không ngừng bị suy giảm.

Cho đến ngày nay, ở các thành phố lớn hiện đại, tục vẽ người và xăm mình chỉ còn lưu hành trong các buổi biểu diễn kịch, trò chơi và trong số ít thanh niên thích tự biểu hiện mình, còn không ít người vẽ người, xăm mình chỉ đơn thuần xuất phát từ sự hiếu kỳ. Nhưng những đường nét và hình vẽ nhuộm màu thân bí có sắc màu kỳ dị lại luôn hấp dẫn con người, đặc biệt là các nhà nghệ thuật cũng đã tìm ra được không ít ý tưởng từ đây.

Bí ẩn về hình vẽ đồng tiền trên bãi biển

Trên bãi biển Minh Hải ở Nhật Bản, người ta phát hiện thấy một bức vẽ đồng tiền khổng lồ. Từ việc tạo hình tiền cổ Trung Quốc cho đến những chữ rõ ràng trên đó đến mức có thể nhận ra chữ gì, khiến người ta không hiểu hình vẽ đó có ý nghĩa gì, ai trông thấy nó cũng lấy làm lạ.

Hình vẽ đồng tiền tạo cảm giác như hình nổi đó được đào cát mà đắp lên. Những người đi lại trên bãi biển tiếp cận nó đều không cảm thấy đó là một bản đồ họa, họ chỉ



Hình người khổng lồ ở Nasca

tường nhằm đó là những rãnh cát mà thôi. Nhưng khi leo lên ngọn núi trên bờ biển cúi nhìn xuống thì rất ngạc nhiên nhận ra rằng, các rãnh cát đó thể hiện một bản đồ họa tiền cổ rất lớn. Tại nơi ấy bạn có thể nhận ra bức “đồ họa” hình tròn đó rất giống với một đồng tiền cổ xưa của Trung Quốc. Chính giữa vòng tròn cát đó là một lỗ bốn cạnh hình vuông. Ở bốn cạnh của lỗ hình vuông đó có bốn chữ “Vĩnh Khoan Thông Bảo”. Bức đồ họa hình đồng tiền này lớn đến mức nào? Người ta đã tiến hành đo đạc thực địa. Khi đo đạc, người ta lại có phát hiện mới. Thì ra bức đồ họa người ta trông thấy không phải có hình tròn tuyệt đối, mà là một hình ô-van, có chu vi 354 mét, chiều dài đông tây 122 mét, chiều rộng nam bắc 90 mét, khi đứng trên đỉnh núi phía đông nó, người ta nhìn thấy nó tròn xoe.

Vậy bức họa đồ hình đồng tiền khổng lồ đó được hình thành như thế nào? Theo truyền thuyết, năm Vĩnh Khoan thứ 10, tức năm 1633, cư dân địa phương đã đào cát tạo ra nó trong một đêm để chờ đón Long Hoàn Phan Chủ đến thị sát, và nó được giữ nguyên đến ngày nay. Một truyền thuyết khác lại nói rằng, trên đỉnh núi Cẩm Đàn, hồi ấy có một điện thờ thần, gọi là “*Bát Phan thần cung*”. Năm “Đại Bảo” thứ ba, tức năm 703, một đêm, Bát Phan đại thần đi trên một chiếc thuyền tỏa sáng, từ Vũ Tá thần cung bay xuống đất. Từ đó mới có bức đồ họa tiền đồng ấy. Người ta liền xây dựng ngôi thần cung ấy để cúng tế Bát Phan đại thần.

Bức đồ họa bí ẩn cùng với truyền thuyết thần thoại ấy khiến người ta liên tưởng đến những đồ họa khổng lồ trên đồng bằng Nasca ở Pêru. Những hình vẽ khổng lồ trên cao nhìn xuống mới nhận ra được. Người ta cho rằng, đó là những kiệt tác của người Vũ trụ. Người Trái đất xưa không thể nào vẽ ra nổi. Vậy thì bức đồ họa tiền đồng, phải chăng cũng là vật kỷ niệm của người Vũ trụ. Trong truyền thuyết, vị đại thần đế từ Vũ Tá phải chăng là người ngoài hành tinh đến từ Vũ trụ. Thuyền tỏa sáng chở vị thần đó phải chăng là đĩa bay? Nếu vậy thì vì sao người Vũ trụ lại đến Trái đất mà “vẽ” nên đồ họa tiền đồng? Ngụ ý của nó là gì? Một loạt những vấn đề đó, người ta rất khó tìm được chứng cứ để làm rõ và trở lại Trái đất để tìm lời giải từ tổ tiên xa xưa thời cổ đại. Họ lại cho rằng, đồ họa tiền đồng chỉ đơn thuần là kiệt tác của người Trái đất. Đó là kết tinh trí tuệ tập thể của họ. Người ta suy luận rằng: Khi tạo ra kỳ tích này, người chỉ huy đã đứng lên đỉnh núi Cầm Đàn trên bờ biển, dùng cờ hiệu để chỉ huy đám đông làm việc ở bãi biển. Như vậy, đám đông được đặt dưới sự chỉ huy thống nhất đã hoàn thành được công trình to lớn đó. Chỉ có như thế, bức đồ họa họ tạo ra mới có hình bầu dục như vậy, nhưng người đứng trên đỉnh núi thì vẫn thấy nó có hình tròn, càng giống với đồng tiền.

Về cách giải thích này cũng có phần hợp lý, nhưng người ta còn thắc mắc là, do ai tạo ra nó, để làm gì, và vào lúc nào? Vì sao nó tồn tại lâu dài như vậy trên bãi biển sóng vỗ mà không bị san phẳng mất đi?

Mục lục

Con bê có hai khuôn mặt	5
Mưa máu bí ẩn tại Ấn Độ	7
Sao chổi - bí ẩn của vũ trụ	12
Những chiếc quan tài biết chạy	18
Bí ẩn về “tiếng nói” của sinh vật	22
Voi nói được tiếng người	25
Giải mã cuộc sống bí ẩn của ong mật	27
Linh cảm - khả năng kỳ diệu của con người	29
Giải đáp hiện tượng “chiếc mâm quay”	34
Mối giao cảm kỳ lạ ở những cặp song sinh	40
Bí ẩn sự hình thành con người	44
Giải mã bí ẩn rừng nhiệt đới nhiều loài hơn rừng ôn đới	50
Những sự trùng hợp kỳ lạ	52
Những hiểu lầm phổ thông nhất	55
Giải mã bí ẩn thuật thôi miên	59
Giả thuyết bí ẩn của cá voi kỳ lân	62
Khám phá ngoạn mục về thực vật ở Cameroon	64
Bí ẩn của những giấc mơ	66
Bí ẩn trụ sắt không gỉ	69
Bí mật năng lượng bóng tối	71

Bí ẩn của những người sống sót sau sét đánh	74
Bí ẩn của sự nói dối	80
Bí ẩn “thế giới màu tím” của các loài chim	83
Hồ thúng - bí ẩn chưa được giải thích	86
Sóng lòng - những điều chưa biết	92
Bản năng thần giao cách cảm kỳ diệu ở chim Iceland	98
Đồng hồ gạch đếm ngược thời gian	100
Bí ẩn của những bức chân dung “sắt nhân”	106
Bí mật những ngôi nhà ma	111
Những vòng tròn bí ẩn ở Namibia	114
Bí ẩn quanh bãi đá cổ Sa Pa	117
Những bí ẩn trong họa phẩm của Van Gogh	124
Điều kỳ lạ về giác quan thứ sáu	128
“Điểm chết” - bí ẩn chưa được giải mã	131
Bí ẩn về những hình khắc kỳ lạ trên đá ở Anh	135
Vì sao các thiên sư bất hoại sau khi chết?	137
Bí ẩn về nguồn gốc của xa thuyền	140
Thành cổ Syria	142
Lăng mộ Alexander huyền bí	144
Bí ẩn sự phát triển mạnh mẽ của sinh vật tiền sử	151
Bí ẩn về kho báu trong sử thi Homer	155
Bí mật về tục vẽ người và xăm mình	166
Bí ẩn về hình vẽ đồng tiền trên bãi biển	171

BÍ ẨN

MÃI MÃI LÀ BÍ ẨN

Tập 3

Nhiều tác giả

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng biên tập: NGUYỄN MINH NHƯT

Biên tập: LÂM AN

Biên tập tái bản: VÕ THỊ NGỌC PHƯƠNG

Xử lý bìa: BÙI NAM

Sửa bản in: VƯƠNG NHỊ

Kỹ thuật vi tính: THANH HÀ

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Địa chỉ: 161B Lý Chính Thắng, Phường 7,

Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 39316289 - 39316211 - 39317849 - 38465596

Fax: (028) 38437450

E-mail: hophubandoc@nxbtrc.com.vn

Website: www.nxbtrc.com.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 21, dãy A11, khu Đầm Trấu, Phường Bạch Đằng,

Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 37734544

Fax: (024) 35123395

E-mail: chinhanhhanoi@nxbtrc.com.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 280D Trưng Nữ Vương, Phường Bình Thuận,

Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: (0236) 3539885

E-mail: chinhanhdanang@nxbtrc.com.vn

Công ty TNHH Sách điện tử Trẻ (YBOOK)

161B Lý Chính Thắng, P.7, Q.3, Tp. HCM

ĐT: (028) 35261001 – Fax: (028) 38437450

Email: info@ybook.vn

Website: www.ybook.vn

Khổ: 13 cm x 19 cm, số: 830-2018/CXBIPH/49-39/Trẻ

Quyết định xuất bản số 846/QĐA-NXBT, ngày 9 tháng 8 năm 2018

In 5.000 cuốn, tại Xí nghiệp In Nguyễn Minh Hoàng

Địa chỉ: 510 Trường Chinh, phường 13, quận Tân Bình

In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2018